

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

TRẦN XUÂN HUY

**QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP
CHO HỌC SINH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG
ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH
TẠI CÁC TRƯỜNG THCS HUYỆN HIỆP HÒA,
TỈNH BẮC GIANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN - 2017

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

TRẦN XUÂN HUY

**QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP
CHO HỌC SINH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG
ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH
TẠI CÁC TRƯỜNG THCS HUYỆN HIỆP HÒA,
TỈNH BẮC GIANG**

**Chuyên ngành: Quản lý giáo dục
Mã số: 60 14 01 14**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN THỊ NGỌC

THÁI NGUYÊN - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn: ***“Quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh ở các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang”*** là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân, được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của **TS. Nguyễn Thị Ngọc**.

Các số liệu và kết quả nghiên cứu nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ một công trình nào khác.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2017

Tác giả luận văn

Trần Xuân Huy

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm chân thành, tác giả luận văn xin bày tỏ lòng biết ơn đến Ban giám hiệu, Cán bộ, Giảng viên Trường đại học sư phạm Thái Nguyên; Lãnh đạo, chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo; Cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã quan tâm giúp đỡ tạo điều kiện cho tác giả trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện luận văn!

Luận văn là thành quả học tập nghiên cứu của tác giả và sự tận tâm giảng dạy, giúp đỡ, động viên của quý thầy cô giáo Trường đại học sư phạm Thái Nguyên.

Đặc biệt, tác giả xin trân trọng bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn đến TS. Nguyễn Thị Ngọc đã tận tâm hướng dẫn, bồi dưỡng cho tác giả phương pháp nghiên cứu khoa học và kiến thức khoa học quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh trung học cơ sở thông qua hoạt động Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh hết sức bổ ích.

Mặc dù đã rất cố gắng, song chắc chắn luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong quý thầy cô giáo và các bạn đồng nghiệp đóng góp, giúp đỡ để luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2017

Tác giả luận văn

Trần Xuân Huy

MỤC LỤC

Lời cam đoan	i
Lời cảm ơn	ii
Mục lục	iii
Danh mục các từ viết tắt	iv
Danh mục các bảng	v
Danh mục các biểu đồ, sơ đồ	vi
MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	2
3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu	2
4. Giả thuyết khoa học	2
5. Nhiệm vụ nghiên cứu	3
6. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu của đề tài	3
7. Phương pháp nghiên cứu	3
8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	4
9. Cấu trúc luận văn	4
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH Ở TRƯỜNG THCS	5
1.1. Vài nét về lịch sử nghiên cứu vấn đề	5
1.1.1. Các nghiên cứu ở nước ngoài	5
1.1.2. Các nghiên cứu trong nước	7
1.2. Một số khái niệm cơ bản của đề tài	8
1.2.1. Quản lý, quản lý phát triển	8
1.2.2. Kỹ năng giao tiếp, phát triển kỹ năng giao tiếp	13
1.2.3. Quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp	15
1.3. Phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM	15
1.3.1. Vai trò của hoạt động Đội TNTPHCM trong triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh ở trường THCS	15

1.3.2. Hệ thống các KNGT cần phát triển cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.....	17
1.3.3. Mục tiêu của hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM	18
1.3.4. Nội dung của hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM	20
1.3.5. Hình thức tổ chức hoạt động phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.	23
1.3.6. Những yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.....	25
1.4. Quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh ở trường THCS.....	27
1.4.1. Quản lý xây dựng kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh.....	27
1.4.2. Tổ chức thực hiện hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động TNTPHCM.....	29
1.4.3. Chỉ đạo thực hiện hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động TNTPHCM.....	31
1.4.4. Kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh	32
1.4.5. Các lực lượng ảnh hưởng đến công tác quản lý phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.....	32
1.4.6. Những thuận lợi và khó khăn trong tổ chức hoạt động nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh.....	33
Tiểu kết chương 1	35
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG ĐỘI TNTP HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG THCS HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.....	36
2.1. Vài nét về huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	36
2.2. Đặc điểm giáo dục của các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.....	37
2.2.1. Về quy mô.....	37
2.2.2. Về chất lượng giáo dục	37

2.3. Thực trạng phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh	38
2.3.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý về vai trò của hoạt động Đội TNTPHCM và việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM	39
2.3.2. Thực trạng phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP HCM tại các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.	40
2.4. Thực trạng quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTP HCM	52
2.4.1. Thực trạng công tác lập kế hoạch hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS	52
2.4.2. Thực trạng công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM	55
2.4.3. Thực trạng về việc quản lý các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS	56
2.4.4. Thực trạng phối hợp chỉ đạo các lực lượng giáo dục tham gia tổ chức hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh	57
2.4.5. Công tác kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM	58
2.4.6. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS	60
2.5. Đánh giá chung về thực trạng	62
2.5.1. Những điểm mạnh	62
2.5.2. Những điểm còn hạn chế	62
2.5.3. Nguyên nhân của thực trạng	63
Tiểu kết chương 2	65
Chương 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG THCS HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG	66
3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp	66
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống	66
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích	66

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn	66
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ giữa các lực lượng tham gia giáo dục.....	67
3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính chất lượng và hiệu quả.....	67
3.1.6. Đảm bảo tính kế thừa và phát triển.....	67
3.2. Biện pháp quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh ở các trường THCS.....	67
3.2.1. Biện pháp 1: Bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên và các lực lượng tham gia giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh ở các trường THCS.....	67
3.2.2. Biện pháp 2: Lập kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh	70
3.2.3. Biện pháp 3: Chỉ đạo đa dạng hóa các hình thức hoạt động Đội nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh	72
3.2.4. Biện pháp 4: Tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh	76
3.2.5. Biện pháp 5: Huy động các lực lượng giáo dục tham gia thực hiện phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh	78
3.2.6. Biện pháp 6: Chỉ đạo đổi mới việc kiểm tra đánh giá phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh thông qua tổ chức hoạt động Đội TNTPHCM.....	81
3.3. Môi quan hệ giữa các biện pháp	84
3.4. Khảo nghiệm về tính cần thiết và tính khả thi của những biện pháp đề xuất.....	86
3.4.1. Mục đích khảo nghiệm	86
3.4.2. Đối tượng khảo nghiệm	86
3.4.3. Nội dung khảo nghiệm.....	87
3.4.4. Phương pháp khảo nghiệm	87
Tiểu kết chương 3	90
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	91
1. Kết luận.....	91
2. Khuyến nghị.....	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	95
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BGH	Ban giám hiệu
CBQL	Cán bộ quản lý
CSVC	Cơ sở vật chất
ĐHSP	Đại học sư phạm
GD & ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GV	Giáo viên
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
HS	Học sinh
KN	Kỹ năng
KNGT	Kỹ năng giao tiếp
PHHS	Phụ huynh học sinh
QL	Quản lý
QLGD	Quản lý giáo dục
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
TNTP	Thiếu niên tiên phong
TNTPHCM	Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh
TPT	Tổng phụ trách

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Đối tượng và phương pháp điều tra	39
Bảng 2.2: Nhận thức của CBQL về vai trò của hoạt động Đội TNTPHCM với việc phát triển KNGT cho học sinh.....	39
Bảng 2.3: Ý kiến của CBQL về hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM	40
Bảng 2.4: Thực trạng tự đánh giá của HS về những biểu hiện các KNGT khi tham gia hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh.....	41
Bảng 2.5: Thực trạng nhu cầu của HS về phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.....	42
Bảng 2.6: Thực trạng hình thức hoạt động Đội TNTPHCM giúp phát triển KNGT cho học sinh.....	43
Bảng 2.7: Đánh giá của GV và PHHS về biểu hiện các KNGT của học sinh khi tham gia hoạt động Đội TNTPHCM.....	45
Bảng 2.8: Đánh giá của GV và PHHS về các KNGT của HS có thể được phát triển kỹ thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.....	46
Bảng 2.9: Thực trạng mức độ rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp của HS THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.....	48
Bảng 2.10: Đánh giá của CBQL về biểu hiện của KNGT được phát triển ở học sinh khi tham gia hoạt động Đội TNTPHCM	49
Bảng 2.11: Đánh giá của CBQL về các KNGT của học sinh có thể được phát triển thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.....	50
Bảng 2.12: Thực trạng mức độ rèn luyện và phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.....	51
Bảng 2.13: Thực trạng lập kế hoạch quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.....	53
Bảng 2.14: Thực trạng công tác tổ chức chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch hoạt động Đội TNTPHCM để phát triển KNGT cho học sinh	55
Bảng 2.15: Thực trạng quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.....	56

Bảng 2.16: Thực trạng phối hợp chỉ đạo các lực lượng giáo dục tham gia tổ chức hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh	57
Bảng 2.17: Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.....	59
Bảng 2.18: Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM	61
Bảng 3.1: Thống kê kết quả khảo sát ý kiến của CBQL về mức độ cần thiết, tính khả thi của 06 biện pháp đề xuất	87
Bảng 3.2: Thống kê kết quả khảo sát ý kiến của cán bộ Đoàn-Đội, GVCN về mức độ cần thiết, tính khả thi của các biện pháp đề xuất.....	88

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

Biểu đồ 3.1. Ý kiến CBQL về mức độ cần thiết của 6 biện pháp	88
Biểu đồ 3.2. Ý kiến CBQL về tính khả thi của 6 biện pháp.....	88
Biểu đồ 3.3. Ý kiến GVCN, TPT đội, bí thư đoàn về mức độ cần thiết của 6 biện pháp	89
Biểu đồ 3.4. Ý kiến GVCN, TPT đội, bí thư đoàn về tính khả thi của 6 biện pháp ..	89
Sơ đồ 1.1. Quá trình quản lý.....	10

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã khẳng định: "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt" Giáo dục và Đào tạo phải thực hiện sứ mệnh nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho các đối tượng người học.

Luật giáo dục sửa đổi năm 2009 nêu rõ: Mục tiêu của giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Để thực hiện được mục tiêu giáo dục toàn diện người học, nhiệm vụ đặt ra cho nhà quản lí vừa cần phải khai thác sự đa dạng của các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục vừa phát huy tối đa hiệu quả giáo dục các hình thức đó.

Hoạt động Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh là một hình thức giáo dục phổ biến trong nhà trường hiện nay, đặc biệt là ở trường THCS. Tổ chức tốt hoạt động Đội bằng các hình thức sinh hoạt hấp dẫn, nội dung phong phú góp phần củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng, bồi dưỡng tình cảm, phát huy tính đoàn kết góp phần phát triển năng lực toàn diện của học sinh đặc biệt là năng lực giao tiếp. Nếu tổ chức tốt các hoạt động Đội sẽ tạo sự thống nhất giữa quá trình dạy học với quá trình giáo dục từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

Học sinh THCS nói chung và học sinh các trường THCS trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nói riêng là những học sinh đang bước vào độ tuổi phát triển mạnh về các đặc điểm nhân cách tạo tiền đề cho sự trưởng thành ở giai đoạn tiếp theo nên cần được quan tâm giáo dục đúng hướng, tập trung vào những kỹ năng thiết yếu như kỹ năng giao tiếp của học sinh. Một trong những hình thức giáo dục có ưu thế là đưa các em vào những hoạt động hấp dẫn của Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

Việc tổ chức hoạt động Đội tại các trường THCS trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã được tổ chức triển khai thực hiện và đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên để tiếp tục phát huy những mặt mạnh và hạn chế thấp nhất những tồn tại cần có được hệ thống các biện pháp quản lý sao cho hình thức giáo dục này trở nên hiệu quả hơn.

Hiện nay, các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã quan tâm đến chất lượng giáo dục, nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp để phát triển toàn diện năng lực của học sinh, trong đó đã đề cập đến việc tổ chức các hoạt động Đội để phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh và thực tế đã đạt được kết quả nhất định. Tuy nhiên việc tổ chức hoạt động Đội còn nghèo nàn, đơn điệu về phương pháp và hình thức tổ chức. Kết quả thu được còn nhiều hạn chế mà một trong những nguyên nhân cơ bản là chưa có được các biện pháp quản lý và chế tài phù hợp.

Xuất phát từ lý do trên tác giả chọn đề tài : ***“Quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh ở các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang”*** làm đề tài nghiên cứu cho luận văn tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, từ đó đề xuất một số biện pháp quản lý nhằm quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đáp ứng nhu cầu giáo dục hiện nay.

3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh ở các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3.2. Khách thể nghiên cứu

Quản lý hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ở các trường THCS.

4. Giả thuyết khoa học

Kỹ năng giao tiếp là một trong những kỹ năng thiết yếu của học sinh trong học tập cũng như trong cuộc sống. Kỹ năng này có thể được phát triển và hoàn thiện hơn nhờ vào quá trình học sinh tham gia các các hoạt động Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong trường học. Nếu nhà trường xây dựng được biện pháp quản lý phát

triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh dựa vào ưu thế của các hoạt động của Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh một cách có hiệu quả sẽ giúp cho học sinh hoàn thiện kỹ năng giao tiếp cần thiết trong học tập và trong cuộc sống.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Xây dựng cơ sở lý luận về quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh.

- Nghiên cứu thực trạng quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh tại một số trường THCS trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đề xuất một số biện pháp quản lý nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh các trường THCS trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thông qua hoạt động Đội TNTP HCM.

6. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu của đề tài

6.1. Phạm vi thời gian: Từ tháng 6 năm 2016 đến tháng 6 năm 2017

6.2. Phạm vi không gian: Nghiên cứu thực tiễn tại 10 trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Gồm các trường: Hoàng Lương, Hoàng An, Hoàng Vân, Hoàng Thanh, Đồng Tân, Thanh Vân, Ngọc Sơn, Thái Sơn, Lương Phong, Đoàn Bái).

6.3. Giới hạn nội dung nghiên cứu: Tập trung nghiên cứu biện pháp quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua các hoạt động Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh tại một số trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Phân tích, tổng hợp, khái quát hóa tài liệu: Dựa trên cơ sở nghiên cứu những tài liệu có liên quan đến vấn đề kỹ năng giao tiếp, phát triển kỹ năng giao tiếp và quản lý giáo dục...để hoàn thiện hệ thống lý luận từ đó định hướng cho nội dung nghiên cứu của đề tài.

7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.1. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi (phương pháp Anket)

Để nghiên cứu đề tài này chúng tôi xây dựng bảng câu hỏi với các nội dung điều tra tập trung vào việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh. Đây được xem là một phương pháp chủ yếu của đề tài.

7.2.2. Phương pháp quan sát thực tế, phân tích thực trạng

Quan sát trực tiếp học sinh khi tổ chức hoặc tham gia các hoạt động Đội TNTPHCM để tìm hiểu thực trạng phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh.

7.2.3. Phương pháp phỏng vấn

Tác giả đã sử dụng phương pháp khảo sát bằng phỏng vấn với các CBQL, giáo viên và các em học sinh 10 trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang bằng các câu hỏi về phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

7.2.4. Phương pháp chuyên gia

Trao đổi, phỏng vấn trực tiếp với một số nhà quản lý giáo dục, các giáo viên làm Tổng phụ trách Đội có năng lực, các chuyên viên phòng giáo dục phụ trách công tác Đội thông qua các buổi họp giao ban, sinh hoạt chuyên môn cụm, sinh hoạt chuyên đề...

7.3. Phương pháp thống kê toán học trong GD

8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

8.1. Ý nghĩa khoa học

- Góp phần hoàn thiện lý thuyết về quản lý phát triển KNGT cho học sinh THCS.
- Hoàn thiện hệ thống các biện pháp trong công tác quản lý giáo dục toàn diện đối với học sinh THCS.

8.2. Ý nghĩa thực tiễn

Làm rõ thực trạng công tác quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang từ đó góp phần phát huy tốt hơn nữa hiệu quả công tác giáo dục tại địa phương.

9. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận - khuyến nghị, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh ở trường THCS.

Chương 2: Thực trạng quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh ở các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chương 3: Biện pháp quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh ở các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH Ở TRƯỜNG THCS

1.1. Vài nét về lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Các nghiên cứu ở nước ngoài

Trong lịch sử, nhiều nhà khoa học đã nghiên cứu về giao tiếp, vai trò của giao tiếp đối với sự hình thành, phát triển nhân cách con người nói chung và nhân cách học sinh nói riêng. Trên cơ sở đó các nhà giáo dục đề xuất những biện pháp thiết thực giúp người học hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp làm công cụ để học tập, chiếm lĩnh tri thức, chiếm lĩnh kinh nghiệm xã hội - lịch sử nhằm phát triển và hoàn thiện nhân cách.

Ngay từ thời cổ đại, các nhà giáo dục, triết học đã quan tâm đến các vấn đề giao tiếp. Các hoạt động giáo dục lao động, giáo dục sức khỏe, giáo dục hình thành năng lực thực hành, năng lực hợp tác đã được coi trọng. Từ những hoạt động giáo dục, năng lực cá nhân được phát huy, thúc đẩy xã hội loài người phát triển. Khổng Tử (551-497 TCN) là một triết gia, một nhà giáo dục lỗi lạc của Trung Quốc thời cổ đại đã có tư tưởng gắn giáo dục với thực tiễn để tạo ra lớp người "*trị quốc bình thiên hạ*". Ông khẳng định "*Đọc thuộc ba trăm thước kinh thư giỏi, giao cho việc đi sứ không có khả năng đối đáp, học kiểu như vậy chẳng có ích gì*". Tư tưởng đó của Khổng Tử cho thấy người học ngoài việc học kiến thức chuyên môn, kiến thức văn hóa còn phải học cách giao tiếp để giao tiếp thành công và hiệu quả trong công việc chuyên môn và lao động nghề nghiệp. Bởi giao tiếp là công cụ, phương tiện để con người trao đổi, chia sẻ thông tin và lĩnh hội thông tin trong quá trình lao động [dẫn theo 46].

Nhà giáo dục lỗi lạc người Séc J.A Comenxki (1592-1670) là người sáng lập ra hình thức tổ chức dạy học trường lớp, tạo môi trường giao tiếp rộng mở cho người học. Ông được coi là "*ông tổ của nền sư phạm cận đại*" và đã có những đóng góp lớn lao cho nền giáo dục thế giới. Tư tưởng giáo dục của J.A Comenxki là kết hợp giữa giáo dục nhà trường với hoạt động thực hành bên ngoài cuộc sống, nhằm giải phóng hình thức học tập "*giam hãm trong bốn bức tường*" của hệ thống nhà trường giáo hội

thời trung cổ. Ông khẳng định *"học tập không phải là lĩnh hội kiến thức trong sách vở mà còn lĩnh hội kiến thức từ bầu trời, mặt đất, từ cây sồi, cây dẻ"*. Chính tư tưởng giáo dục trên cho thấy giao tiếp của học sinh không chỉ thực hiện trong nhà trường mà vượt ra khỏi phạm vi nhà trường. Môi trường giao tiếp, nội dung giao tiếp, đối tượng giao tiếp càng được mở rộng bao nhiêu thì tâm hồn người học càng phong phú bấy nhiêu [dẫn theo 46].

Đầu thế kỷ XX, dựa trên tư tưởng triết học Macxít, các nhà Tâm lý học nổi tiếng của Liên Xô (cũ) như L.X.Vurgôtxki, X.L.Rubinxtêin, A.N.Lêônchiev..., đã đề cập đến vấn đề giao tiếp của trẻ em ở các lứa tuổi khác nhau. Tác giả A.V.Mudoriko trong tác phẩm *"Giao tiếp như là một nhân tố giáo dục học sinh"* đã đi sâu nghiên cứu ảnh hưởng của giao tiếp đối với sự hình thành nhân cách học sinh, đồng thời xác định những đặc điểm tâm lý trong giao tiếp của các em. Tác giả E.V.Sukanôva với công trình *"Những trở ngại tâm lý giao tiếp giữa các cá nhân"* đã tiến hành nghiên cứu thực nghiệm về giao tiếp của học sinh phổ thông lứa tuổi 15-17 trong các mối quan hệ ở trường phổ thông nhằm xác định mức độ phát triển văn hóa giao tiếp thực tiễn và xác định các hình thức biểu hiện của nó. E.P.Ilinơ, trong tác phẩm *"Các nguyên nhân giao tiếp"* đã đề cập đến đặc điểm lứa tuổi trong động cơ giao tiếp của trẻ em, tác giả coi tính rụt rè như một nguyên nhân tiêu cực đối với giao tiếp của trẻ, đặc biệt là đối với lứa tuổi thanh, thiếu niên [dẫn theo 29].

Khi nghiên cứu giao tiếp, các nhà khoa học đã đề cập đến kỹ năng giao tiếp trong chính nội hàm khái niệm giao tiếp, cụ thể như N.D. Lêvitov: *"Nghệ thuật đứng ở vị trí người khác"* (1972) ông đã quan tâm đến khả năng đặt mình vào vị trí của người khác. N.D. Lêvitov đề cập đến năng lực truyền đạt tri thức bằng cách rõ ràng và hấp dẫn [44]. S. Ostrander đã đưa ra những cách xử sự khéo léo ở những tình huống giao tiếp khác nhau [50]. T.V. Trakhôp đề cập đến kỹ năng tìm được cách đối xử đúng đắn, kỹ năng thiết lập mối quan hệ hợp lý trong tiếp xúc. V.P. Dakharov đã nghiên cứu 4 nhóm kỹ năng giao tiếp ở sinh viên Sư phạm và khái quát những đặc trưng cơ bản tương ứng cho mỗi nhóm kỹ năng đó. V.A. Cancalic quan tâm đến hệ thống các biện pháp và kỹ năng tác động qua lại tâm lý - xã hội một cách có tổ chức giữa giáo viên và học sinh [56].

Các công trình nghiên cứu đã đi sâu về vai trò của giao tiếp, KNGT trong sự phát triển nhân cách học sinh, các hình thức giao tiếp của học sinh, vấn đề tổ chức giao tiếp và phát triển KNGT của học sinh trong tập thể nhằm nâng cao tính hiệu quả của hệ thống giáo dục. Mục tiêu quan trọng của phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua các hoạt động là giúp học sinh vượt lên chính mình, có kỹ năng sống hòa nhập, hoàn thiện nhân cách để làm chủ bản thân, làm chủ xã hội. Tuy nhiên, việc nghiên cứu về phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội thì vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu ở nước ngoài.

1.1.2. Các nghiên cứu trong nước

Ở Việt Nam, vấn đề giao tiếp và phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh đã được một số nhà nghiên cứu và nhà giáo dục quan tâm. Những năm gần đây, một số công trình nghiên cứu đã đề cập đến vai trò của giao tiếp trong giáo dục ở nhà trường phổ thông có thể kể đến như:

Tác giả Đặng Xuân Hoài và các nhà nghiên cứu thuộc Viện Khoa học giáo dục (1983) nghiên cứu “Sự hình thành động cơ xã hội của học sinh cấp 2, 3” đã khẳng định: “Giao lưu là điều kiện tất yếu tạo nên sự hiểu biết lẫn nhau, sự ăn ý, sự thông cảm, sự phối hợp hành động, sự phân công trách nhiệm”[dẫn theo 29].

Tác giả Đỗ Thị Hạnh Phúc nghiên cứu “Nhu cầu kết bạn của thiếu niên” đã chỉ ra rằng, nhu cầu giao tiếp với bạn cùng tuổi ở thiếu niên phát triển mạnh, là cơ sở để hình thành và phát triển quan hệ bạn bè trong và ngoài nhà trường [dẫn theo 29].

Tác giả Phùng Thị Hằng, trong luận án tiến sĩ: “Một số đặc điểm giao tiếp của học sinh THPT dân tộc Tày, Nùng” đã chỉ ra rằng, giao tiếp của học sinh THPT dân tộc Tày, Nùng tiếng mẹ đẻ là phương tiện giao tiếp thường ngày của các em, nó có ảnh hưởng đến quá trình sử dụng tiếng Việt của học sinh trong các tình huống giao tiếp. Để hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp cho học sinh THPT người dân tộc thiểu số thì một trong các hình thức, biện pháp rất hiệu quả là tổ chức các hoạt động học tập, hoạt động ngoài giờ lên lớp đa dạng, linh hoạt, sinh động phù hợp với điều kiện nhà trường, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi.[32]

Ngoài nghiên cứu về giao tiếp nói chung nhiều tác giả cũng đã đi sâu nghiên cứu về các kỹ năng giao tiếp: Tác giả Trần Trọng Thủy trong công trình nghiên cứu về giao tiếp đã đưa ra các kỹ năng giao tiếp sau: Biết cách ứng xử tế nhị; biết im lặng

đúng lúc; biết tự kiềm chế; biết lắng nghe...v.v [55]. Tác giả Nguyễn Thanh Bình đã đề cập đến hai trong ba trở ngại thường gặp ở sinh viên khi giao tiếp thuộc về kỹ năng giao tiếp: “*Lúng túng khi điều khiển giao tiếp với học sinh*” và “*Chưa làm chủ trạng thái tâm lý của bản thân*”, trên cơ sở đó tác giả đã xây dựng chương trình tác động sư phạm nhằm rèn luyện kỹ năng giao tiếp: Kỹ năng “*Tự chủ cảm xúc hành vi*” và kỹ năng “*Chủ động điều khiển quá trình giao tiếp*” [13]. Tác giả Lê Thị Bùng đã đề cập đến cách ứng xử khéo léo khi tiếp xúc, ứng xử học đường, ứng xử trong quan hệ bạn bè, ứng xử nơi làm việc...v.v [20]. TS. Nguyễn Liên Châu đã nghiên cứu một số kỹ năng giao tiếp của Hiệu trưởng các trường Tiểu học như: kỹ năng lập kế hoạch; kỹ năng định vị; kỹ năng nói; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng phối hợp; kỹ năng bình tĩnh tự chủ đối với các yêu cầu tâm lý giao tiếp trong quản lý [22]. Ngoài ra còn có các công trình nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của các học viên cao học và sinh viên trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên và trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Như vậy có thể nói có rất nhiều các công trình nghiên cứu về phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh, quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh và cũng đã có các công trình nghiên cứu về các hoạt động của Đội trong giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh. Tuy nhiên vẫn còn chưa có các công trình nghiên cứu về phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Từ những phân tích trên, tác giả nhận thấy cần phải tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu vấn đề giáo dục, phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh để có những biện pháp giúp các em hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp. Bởi kỹ năng giao tiếp có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển và giáo dục toàn diện nguồn nhân lực trong xã hội hiện đại.

1.2. Một số khái niệm cơ bản của đề tài

1.2.1. Quản lý, quản lý phát triển

1.2.1.1. Quản lý

Quản lý thực sự bắt đầu đóng vai trò đáng kể từ cuộc cách mạng công nghiệp khởi đầu ở Anh vào thế kỷ XVIII và sau đó lan sang Mỹ vào thế kỷ XIX, khi mà máy móc đã thay thế lao động thủ công và sản xuất theo dây chuyền xuất hiện và chính từ đó quản lý đã trở thành một khoa học.

Trong nghiên cứu khoa học có rất nhiều quan niệm về quản lý, theo những cách tiếp cận khác nhau. Quản lý là cai quản, chỉ huy, lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra theo góc độ tổ chức. Theo góc độ điều khiển thì quản lý là lái, là điều khiển, điều chỉnh. Theo cách tiếp cận hệ thống thì quản lý là sự tác động của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm tổ chức, phối hợp hoạt động của con người trong quá trình sản xuất để đạt được mục đích đã định.

Theo F.W Taylor (1856-1915), cho rằng: *“Quản lý là biết được chính xác điều bạn muốn người khác làm và sau đó thấy được rằng họ đã hoàn thành công việc một cách tốt nhất và rẻ nhất”* [dẫn theo 38].

Theo Henry Fayol (1841 - 1925), người đặt nền móng cho lý luận tổ chức cổ điển cho rằng: *“Quản lý tức là lập kế hoạch, tổ chức, chỉ huy, phối hợp và kiểm tra”*. Khái niệm này xuất phát từ sự khái quát về các chức năng quản lý [dẫn theo 38].

Theo tác giả Đặng Quốc Bảo: *“Quản lý là quá trình tác động, gây ảnh hưởng của chủ thể quản lý, đến khách thể quản lý nhằm đạt mục tiêu chung”* [7, tr.17]

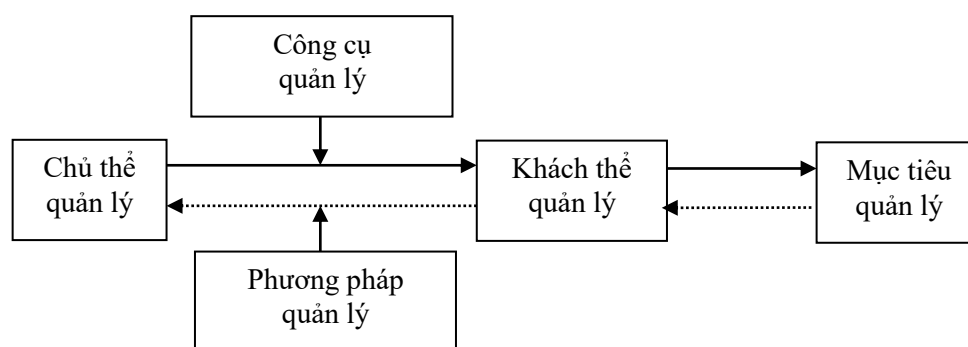
Theo tác giả Nguyễn Ngọc Quang cho rằng: *“Quản lý là quá trình tác động của chủ thể quản lý đến đối tượng nhằm điều khiển, hướng dẫn các quá trình xã hội, hành vi hoạt động của con người để đạt tới mục đích, đúng với ý chí của nhà quản lý và phù hợp với quy luật khách quan”* [48].

Như vậy có thể thấy nhiều khái niệm về QL được nhiều tác giả đề cập ở nhiều góc độ khác nhau, có cách biểu đạt khác nhau, tuy nhiên ở các mức độ khác nhau thì đều đề cập đến các nhân tố về tổ chức, mục tiêu hoạt động; Chủ thể quản lý chính là người đứng đầu tổ chức; Khách thể quản lý là người bị quản lý trong tổ chức đó; Mục tiêu của quản lý phải phù hợp với mục tiêu của tổ chức đó.

Tuy nhiên những khái niệm này dễ gây trở ngại, lúng túng cho các nhà QL giáo dục khi xác định các nội dung cụ thể trong thực tiễn QL ở cơ quan, QL nhà nước các cấp và các trường. Một số trường hợp còn có sự nhầm lẫn cho rằng đối tượng của QL chỉ là con người trong các tổ chức, bỏ qua nhiều yếu tố không phải là con người nhưng rất quan trọng trong công tác QL như tuyển sinh, cơ sở vật chất - kỹ thuật dạy học, tài chính, hệ thống thông tin QL giáo dục, quá trình dạy học... (các điều kiện đảm bảo quy mô và chất lượng giáo dục).

Như vậy, có thể hiểu: *Quản lý là tập hợp các hoạt động lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra các quá trình tự nhiên, xã hội, khoa học, kỹ thuật và công nghệ để chúng ta phát triển hợp quy luật, các nguồn lực (hiện hữu và tiềm năng) vật chất và tinh thần, hệ thống tổ chức và các thành viên thuộc hệ thống, các hoạt động để đạt được các mục đích đã định.*

Hay *Quản lý là sự tác động tự giác, có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống và hợp quy luật của chủ thể quản lý đến khách thể quản lý nhằm đưa tổ chức đạt tới mục tiêu.*



Sơ đồ 1.1. Quá trình quản lý

Để đạt được mục tiêu quản lý, chủ thể quản lý cần thực hiện tốt các chức năng quản lý: Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra.

Các chức năng quản lý có được thực hiện một cách hiệu quả hay không đều là nhờ tới thông tin. Thông tin vừa là điều kiện vừa là phương tiện để thực hiện các chức năng quản lý, nó được coi như là “mạch máu” của hoạt động quản lý.

1.2.1.2. Quản lý phát triển

Nghiên cứu về khái niệm quản lý cho thấy: "Quản lý là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý nhằm đạt mục tiêu đề ra". Cấu trúc quản lý phải bao gồm hai yếu tố chủ thể và khách thể quản lý. Quản lý là sự tác động có định hướng, có mục đích, có kế hoạch và có hệ thống thông tin của chủ thể đến khách thể của nó.

Quản lý một tổ chức/ đơn vị là hành động đưa các cá nhân trong tổ chức làm việc hoặc học tập cùng nhau để thực hiện, hoàn thành mục tiêu chung. Công việc quản lý bao gồm 5 nhiệm vụ/ chức năng (theo Henry Fayol): xây dựng kế hoạch (hoạch định),

tổ chức, chỉ huy, phối hợp và kiểm tra. Trong đó, các nguồn lực có thể được sử dụng và để quản lý là nhân lực, tài chính, công nghệ và thiên nhiên.

Trong lĩnh vực giáo dục, thuật ngữ quản lý phát triển đã được sử dụng trong việc xây dựng các chương trình đào tạo cử nhân và thạc sĩ Quản lý phát triển tại các trường đại học ở các nước phương Tây vào thập niên 90 thế kỷ XX và hiện nay.

Năm 1996, Thomas Alan [60], đã đưa ra quan niệm của mình về quản lý phát triển dựa trên ý kiến thảo luận của: i) Nhóm nghiên cứu (thuộc Open University, Milton Keynes, UK) hướng đến việc phát triển một chương trình Thạc sĩ Quản lý phát triển cấp Văn bằng toàn cầu. ii) Hội nghị của Tập đoàn Nghiên cứu quản lý phát triển của Hiệp hội Nghiên cứu phát triển quốc tế, tổ chức tại Ripa ngày 18/2/1994. iii) Góp ý của David Wield, Chris Cornforth và Hội thảo Chương trình đào tạo toàn cầu về quản lý phát triển được tổ chức tại London vào ngày 28/6/1994.

Trong quan niệm của mình, Alan Thomas đã nhấn mạnh hai khía cạnh của quản lý phát triển: *Một là*, quản lý trong bối cảnh phát triển của việc thay đổi trong tiến trình lịch sử. *Hai là*, quản lý của những nỗ lực có chủ ý theo tiến trình thực hiện nhiệm vụ phát triển.

Tiếp đó, năm 1999 với chủ đề “*Điều gì làm cho quản lý phát triển tốt?*” Alan Thomas đã phát triển định nghĩa quản lý phát triển thêm một khía cạnh thứ ba: “một phong cách quản lý với định hướng phát triển, có nghĩa là một định hướng thay đổi tiến bộ. Có ý kiến cho rằng nội dung thứ ba này cho phép một định nghĩa có tính quy phạm về quản lý phát triển. Vì vậy, một khái niệm đặc biệt của quản lý phát triển tốt là những gì nó luôn cần thúc đẩy các giá trị của phát triển ở tất cả các cấp, thậm chí nếu điều này không phải là cách đơn giản nhất để nhận được việc thực hiện nhiệm vụ cụ thể phát triển thành công” [61].

Trong bối cảnh đổi mới kinh tế - xã hội ở nước ta, sau khi phân tích những sự phức tạp của quan niệm phát triển và quản lý sự phát triển xã hội trong thời đại ngày nay, Hoàng Chí Bảo cho rằng: “Đáp ứng những đòi hỏi của phát triển, dự báo được xu hướng phát triển, điều kiện hóa cho việc giải quyết các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển - Đó là các khía cạnh có trong bài toán quản lý” [8].

Thay đổi là quá trình vận động do ảnh hưởng, tác động qua lại của sự vật, hiện tượng, của các yếu tố bên trong và bên ngoài; thay đổi là thuộc tính chung của bất kì sự vật hiện tượng nào. Hay đơn giản thay đổi là “làm cho khác đi hay trở nên khác đi”.

Logic của quản lý sự thay đổi: Do môi trường thay đổi dẫn đến giáo dục và tổ chức giáo dục phải thay đổi để thích ứng, tiếp đó và do đó phải quản lý sự thay đổi. Loài người đang sống trong giai đoạn lịch sử mà những đổi thay về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội diễn ra nhanh chóng hơn bao giờ hết và chúng có tác động to lớn đến cuộc sống thường nhật của tất cả mọi người. Chúng ta, không thể cưỡng lại được những thay đổi đó, cũng không thể lờ chúng đi. Vấn đề là: có thể và cần kiểm soát những thay đổi đó sao cho có hiệu quả nhất và tìm kiếm những nguồn lợi từ bối cảnh do những thay đổi đó tạo ra. Để giảm thiểu những tác động tiêu cực mà sự thay đổi đã tạo ra cho tổ chức, một phương pháp gọi là quản lý sự thay đổi được sử dụng. Quản lý sự thay đổi được xác định như một tập hợp toàn diện các quy trình cho việc ra quyết định, lập kế hoạch, thực hiện và các bước đánh giá quá trình thay đổi;... Lãnh đạo sự thay đổi là sự định hướng xây dựng và chia sẻ tầm nhìn về sự thay đổi của tổ chức, lựa chọn những việc cần thay đổi và xác định chiến lược để thay đổi.

Các mức độ thay đổi: i) Cải tiến (improvement) là tăng lên hay giảm đi những yếu tố nào đó của sự vật để cho phù hợp hơn; không phải là sự thay đổi về bản chất; ii) Đổi mới (Innovation) là thay cái cũ bằng cái mới; làm nảy sinh sự vật mới; còn được hiểu là cách tân; là sự thay đổi một phần về bản chất của sự vật; iii) Cải cách (Reform) là loại bỏ cái cũ, bất hợp lý của sự vật thành cái mới có thể phù hợp với tình hình khách quan; là sự thay đổi về bản chất toàn diện và triệt để hơn so với đổi mới; iv) Cách mạng (Revolution) là sự thay đổi trọng đại, biến đổi tận gốc; là sự thay đổi căn bản. Thay đổi cũng được xem là thuộc tính chung của bất kì sự vật, hiện tượng nào. Thay đổi bao gồm cả sự biến đổi về số lượng, chất lượng và cơ cấu.

Cách tiếp cận trên cũng được thể hiện trong quan điểm của Đảng và nhà nước ta về việc phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học trong nghị quyết 29-NQ/TW về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Cụ thể:

“Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội”

Như vậy: Quản lý sự phát triển là quản lý sự thay đổi theo hướng tích cực, được xác định như một tập hợp toàn diện các quy trình cho việc ra quyết định, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá quá trình phát triển.

1.2.2. Kỹ năng giao tiếp, phát triển kỹ năng giao tiếp

1.2.2.1. Kỹ năng giao tiếp.

Khi nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp, mỗi nhà nghiên cứu đều nhìn nhận và khai thác nó dưới góc độ của mình.

Nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp, tác giả Hoàng Thị Anh quan niệm về kỹ năng giao tiếp là năng lực của con người biểu hiện trong quá trình giao tiếp. Đó là các khả năng sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ...là hệ thống thao tác các cử chỉ, điệu bộ hành vi được chủ thể giao tiếp phối hợp hài hòa. Trong thực tế kỹ năng giao tiếp của con người không chỉ phụ thuộc vào phương tiện mà nó phụ thuộc khá nhiều vào vốn sống, vốn kinh nghiệm, phụ thuộc vào những nét văn hóa đặc trưng vùng miền mà người đó sinh sống, có khi còn chịu ảnh hưởng của giáo dục, quản lý của gia đình. [4]

Dưới góc độ nhìn nhận khả năng tri giác những biểu hiện bên ngoài và những diễn biến bên trong của hiện tượng...tác giả Ngô Công Hoàn đã coi kỹ năng giao tiếp "*là khả năng tri giác hiểu được những biểu hiện bên ngoài cũng như những diễn biến bên trong của các hiện tượng, trạng thái, phẩm chất tâm lý của đối tượng giao tiếp*" [34, tr.23]. Như vậy, ta thấy rằng: kỹ năng giao tiếp của mỗi người bao hàm cả khả năng vận dụng vốn tri thức, vốn kinh nghiệm của bản thân chủ thể giao tiếp, khả năng điều khiển đối tượng giao tiếp.

Quan niệm kỹ năng giao tiếp là nhóm những kỹ năng giao tiếp, tác giả Nguyễn Bá Minh coi "*kỹ năng giao tiếp là nhóm kỹ năng giao tiếp bao gồm các hành động liên quan đến việc hình thành mối quan hệ hợp tác giữa chủ thể và đối tượng giao tiếp, giữa đối tượng giao tiếp với nhau*" [43, tr.31]. Ở đây, kỹ năng giao tiếp được hiểu là nhóm kỹ năng hỗ trợ cho người giao tiếp nhằm thực hiện có hiệu quả hoạt động giao tiếp trong xã hội.

Trong xã hội và trong hoạt động giao tiếp của con người, kỹ năng giao tiếp chính là khả năng sử dụng ngôn ngữ và khả năng biểu cảm của con người, với sự phối hợp hài hòa giữa lời nói và cử chỉ của chủ thể và đối tượng giao tiếp.

Từ những quan niệm khác nhau về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, chúng tôi hiểu giao tiếp là một hiện tượng tâm lý rất phức tạp về nhiều mặt và nhiều cấp độ khác nhau, là sự tiếp xúc tâm lý giữa người với người, thông qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc, tri giác lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại với nhau. Để giao tiếp có hiệu quả đòi hỏi mỗi người phải có kỹ năng giao tiếp. Đó là toàn bộ thao tác, cử chỉ... trong hoạt động giao tiếp.

Kỹ năng giao tiếp là khả năng nhận biết mau lẹ những biểu hiện bên ngoài và đoán biết diễn biến tâm lý bên trong của con người (với tư cách là đối tượng giao tiếp) đồng thời biết sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, biết cách định hướng để điều khiển quá trình giao tiếp đạt tới một mục đích đã định. Kỹ năng giao tiếp của con người trong xã hội bao gồm kỹ năng lắng nghe, thấu hiểu, chia sẻ, kỹ năng nhận và truyền thông tin, kỹ năng biểu đạt thái độ và cử chỉ hành vi phi ngôn ngữ, kỹ năng tự nhận thức về bản thân, kỹ năng từ chối lời yêu cầu đề nghị của người khác, kỹ năng thương lượng và xử lý tình huống, kỹ năng hợp tác, kỹ năng chào hỏi, nói lời cảm ơn xin lỗi, kỹ năng thiết lập mối quan hệ với đối tượng vv...

Học sinh THCS cần phải thực thực hiện có hiệu quả các kỹ năng giao tiếp trong nhà trường, gia đình và xã hội nhằm thực hiện các mục đích học tập, vui chơi, rèn luyện để phát triển nhân cách. Nói cách khác, kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS được hình thành và phát triển trong một môi trường rộng lớn và quan hệ chặt chẽ với nhau là: Nhà trường, gia đình và xã hội.

1.2.2.2. Phát triển kỹ năng giao tiếp

Theo quan điểm biện chứng, sự phát triển là kết quả của quá trình thay đổi dần dần về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất, là quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện. Sự phát triển là quá trình diễn ra theo đường xoáy ốc, hết mỗi chu kỳ sự vật lặp lại quá trình đó nhưng ở cấp độ cao hơn.

Phát triển KNGT cho người học là quá trình giúp người học tích lũy, trau dồi và huy động vốn tri thức, KN, kỹ xảo đã có vào những tình huống giao tiếp cụ thể nhằm

đạt mục đích đề ra, là quá trình nâng cao năng lực thực hiện các hành động, hoạt động một cách linh hoạt, hiệu quả, sáng tạo trong giao tiếp. Một người có KNGT thường có những biểu hiện cơ bản sau:

- Có tri thức về hành động, nội dung của KNGT.
- Vận dụng linh hoạt, sáng tạo những tri thức, hiểu biết và KN, kỹ xảo đã có vào hành động trong những điều kiện nhất định hay cách thức hành động.
- Đạt được kết quả theo mục đích đề ra.
- Có thể thực hiện có kết quả hành động trong những điều kiện đã thay đổi.

Để rèn luyện và phát triển KNGT cho học sinh các trường phổ thông, học sinh cần phải nắm được hệ thống các KNGT, hiểu sâu sắc, đúng đắn vai trò quan trọng của từng KNGT trong hoạt động học tập cũng như trong đời sống xã hội. Điều quan trọng là biết rèn luyện các KNGT dựa trên cơ sở khoa học, vận dụng lý thuyết vào hành động để hình thành kỹ năng, kỹ xảo, đặc biệt tránh được tình trạng phát triển và rèn luyện kỹ năng theo kiểu “thử và sai”, hoặc rèn luyện theo kiểu không có kế hoạch, sa vào tình trạng kinh nghiệm chủ nghĩa, làm mất khả năng độc lập, sáng tạo của bản thân.

1.2.3. Quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp

Dựa vào các quan niệm trên, tiếp cận theo lý thuyết phát triển kỹ năng giao tiếp và quản lý sự thay đổi, trong luận văn thuật ngữ quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp được hiểu như sau:

Quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp là sự tác động có kế hoạch của chủ thể quản lý đến toàn bộ quá trình phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh qua khâu đánh giá các kỹ năng giao tiếp cơ bản cho đến phát triển những kỹ năng giao tiếp mới, tổ chức thực hiện, đánh giá và đề xuất kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng giáo dục chung cho các nhà trường.

1.3. Phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

1.3.1. Vai trò của hoạt động Đội TNTPHCM trong triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh ở trường THCS

Chất lượng giáo dục và hiệu quả giáo dục học sinh, và giáo dục đội viên ở trường phổ thông chỉ thực sự mang lại hiệu quả cao khi được thực hiện thông qua

đồng thời các hình thức: Hoạt động giáo dục lên lớp, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và đặc biệt thông qua những tác động giáo dục quan trọng của tổ chức Đội TNTPHCM. Hoạt động Đội có vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục thiếu nhi bởi phương thức giáo dục, nội dung và hình thức giáo dục của Đội rất đa dạng, phong phú, vừa phù hợp với lứa tuổi vừa phát huy được tính tích cực chủ động của đội viên.

Các hoạt động Đội TNTPHCM có vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục, đồng thời góp phần tích cực củng cố kết quả hoạt động dạy và học trên lớp tạo ra quy trình giáo dục khép kín nhằm thực hiện hóa mục tiêu giáo dục các học sinh. Hoạt động Đội góp phần phát triển quan hệ giao tiếp và hoạt động giữa các chi đội, với các học sinh với nhau trong trường và cộng đồng xã hội. Đồng thời thu hút và phát huy được tiềm năng của các lực lượng xã hội và gia đình để nâng cao hiệu quả giáo dục đội viên, giáo dục học sinh, giúp các em hình thành và phát triển toàn diện nhân cách trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hoạt động Đội TNTPHCM tạo nên sự hài hoà, cân đối trong quá trình giáo dục để thực hiện mục tiêu giáo dục. Đây là dịp để học sinh củng cố hoạt động học tập ở trên lớp, biến tri thức thành niềm tin. Thông qua các hình thức hoạt động cụ thể, học sinh có dịp đối chiếu, kiểm nghiệm tri thức đã học, bổ sung, cập nhật thông tin làm cho thông tin đó trở thành của chính các em. Hoạt động Đội TNTPHCM với nhiều nội dung hấp dẫn có tác dụng hỗ trợ cho hoạt động dạy học ở trên lớp, nâng cao hiểu biết về các giá trị truyền thống của dân tộc, từ đó khơi dậy niềm tự hào dân tộc và mong muốn được cống hiến.

Hoạt động Đội TNTPHCM vừa củng cố, vừa phát triển quan hệ giao tiếp giữa nhà trường với cộng đồng xã hội, góp phần giáo dục tinh thần hợp tác vì mục tiêu chung. Để thực hiện tốt các hoạt động Đội TNTPHCM đòi hỏi tập thể học sinh phải có sự tương tác giữa các thành viên. Chẳng hạn như, qua việc tổ chức cắm trại, theo sự phân công của GVCN, các thành viên trong chi đội phải phối hợp chặt chẽ với nhau, có sự trao đổi, thảo luận để đi đến thống nhất chung.

Hoạt động Đội TNTPHCM phát huy cao độ tính chủ thể, tính chủ động, tích cực của học sinh, giảm thiểu tình trạng yếu kém đạo đức của học sinh. Dưới sự cố vấn, giúp đỡ của giáo viên, học sinh cùng nhau tổ chức các hoạt động tập thể khác nhau trong đời sống hàng ngày ở trường, ngoài xã hội. Hoạt động Đội TNTPHCM

với nhiều hình thức phong phú sẽ giảm bớt thời gian học sinh tham gia vào các hoạt động không lành mạnh, hạn chế hoạt động nhóm tự phát. Bên cạnh đó, các em học sinh yếu kém về đạo đức có nhiều cơ hội điều chỉnh nhận thức, hành vi sai lệch của mình. Từ đó hình thành những kinh nghiệm giao tiếp ứng xử có văn hóa, giúp cho việc hình thành và phát triển nhân cách ở các em.

Vai trò quan trọng nhất của hoạt động Đội TNTPHCM là góp phần phát triển nhân cách học sinh, góp phần giúp các em trở thành con ngoan, trò giỏi, công dân có ích cho xã hội.

Tổ chức Đội đã có nhiều hoạt động phát triển KNGT cho học sinh: Hoạt động nghi thức Đội, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động cắm trại, hoạt động chơi các trò chơi dân gian...đều có đủ điều kiện để học sinh có thể phát triển KNGT của bản thân. Khi tham gia các hoạt động các em được trao đổi, thảo luận, đóng góp ý kiến, thậm chí biết lắng nghe người khác để điều chỉnh cảm xúc bản thân, để tạo ra sự đồng thuận, thống nhất và cùng đi đến mục đích chung của cá nhân và tập thể.

Chương trình rèn luyện đội viên và nhất là các chuyên hiệu kỹ năng, đó chính là những nội dung giáo dục rèn luyện kỹ năng sống và đặc biệt là phát triển KNGT rất phong phú, đa dạng để thiếu nhi lựa chọn, trải nghiệm và phát huy vai trò của mình với tập thể và xã hội.

1.3.2. Hệ thống các KNGT cần phát triển cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

* Những KNGT cần phát triển cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM bao gồm các kỹ năng sau:

- Kỹ năng tiếp xúc, thiết lập mối quan hệ giao tiếp
- Kỹ năng định hướng
- Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ (bằng hành động, cử chỉ...)
- Kỹ năng biết cân bằng nhu cầu của cá nhân và đối tượng giao tiếp
- Kỹ năng nghe và biết lắng nghe đối tượng giao tiếp
- Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi
- Kỹ năng tự kiểm chế và kiểm tra đối tượng giao tiếp
- Kỹ năng diễn đạt ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu

- Kỹ năng linh hoạt, mềm dẻo trong giao tiếp
- Kỹ năng thuyết phục đối tượng giao tiếp
- Kỹ năng chủ động điều khiển quá trình giao tiếp
- Kỹ năng ra quyết định

* Các hoạt động của Đội giúp học sinh phát triển được các KNGT gồm:

- Chơi các trò chơi dân gian các giờ ra chơi
- Các buổi sinh hoạt lớp, chi đội, chào cờ đầu tuần
- Hoạt động giao lưu giữa các lớp
- Các cuộc thi do Liên đội tổ chức (văn nghệ, thể dục thể thao...)
- Các buổi sinh hoạt các câu lạc bộ (thể dục thể thao, văn nghệ, câu lạc bộ nghe nói tiếng anh)
- Các chuyên đề về tìm hiểu luật phòng chống ma túy, sức khỏe sinh sản, an toàn giao thông... do Liên đội tổ chức
- Các buổi đối thoại
- Các buổi giao lưu các câu lạc bộ với trường khác
- Các buổi tập huấn

1.3.3. Mục tiêu của hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

Học sinh ở lứa tuổi từ 11 - 15 (lứa tuổi học sinh bậc THCS) có sự nhạy cảm cao, đời sống tâm sinh lý có nhiều biến động. Đây là thời kỳ các em muốn tự khẳng định mình, muốn mình thực sự là người lớn, muốn được gia nhập vào các mối quan hệ xã hội, hình thành phẩm chất, năng lực của người công dân. Mặc dù học tập vẫn là hoạt động chủ đạo nhưng nội dung, hình thức và tính chất của hoạt động học tập ở lứa tuổi này khác nhiều so với lứa tuổi ở cấp học trước (cấp tiểu học). Chính vì thế, Mục tiêu của hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM là để phát triển hài hoà nhân cách cho học sinh, giúp học sinh ngày một trưởng thành, làm cho các em hiểu biết một cách toàn diện.

** Mục tiêu về nhận thức*

Hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM giúp học sinh củng cố, bổ sung và nâng cao thêm hiểu biết về các

lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, hoàn thiện những tri thức đã được học trên lớp, mở rộng nhân quan với thế giới xung quanh, với cộng đồng xã hội. Những tri thức tiếp thu được ở trên lớp mới chỉ là một phần kho tàng tri thức của loài người. Muốn bổ sung thêm, muốn làm sâu sắc thêm những tri thức ấy thì cần phải thông qua hoạt động giáo dục KNGT.

Hoạt động giáo dục KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM giúp học sinh biết vận dụng những tri thức đã học để giải quyết các vấn đề do thực tiễn đời sống đặt ra, tạo cơ hội kiểm nghiệm những tri thức đó, làm cho nó đi vào tiềm thức của học sinh một cách chắc chắn và lâu bền, kích thích sự phát triển tư duy của các em.

Hoạt động giáo dục KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM giúp học sinh hiểu biết nhất định về truyền thống đấu tranh cách mạng, truyền thống xây dựng bảo vệ tổ quốc, truyền thống văn hóa của đất nước... Từ đó tăng thêm hiểu biết của các em về Bác Hồ, về Đảng, về Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội TNTPHCM

** Mục tiêu về thái độ*

Hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM phải tạo cho học sinh hứng thú và ham muốn được hoạt động. Thực tế, hoạt động phải mang lại lợi ích cho học sinh để thu hút, lôi cuốn các em tự giác tham gia thì mới đạt được hiệu quả giáo dục.

Hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM bồi dưỡng tính tích cực, tính năng động, sẵn sàng tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động tập thể của trường, của lớp vì lợi ích chung, vì sự tiến bộ của bản thân.

Hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM bồi dưỡng cho học sinh những tình cảm đạo đức trong sáng với bạn bè, với thầy cô, với những người lớn khác, với quê hương đất nước,... Từ đó giúp các em biết kính yêu và trân trọng cái tốt, cái đẹp, biết ghét những cái xấu, cái lạc hậu không phù hợp với thời đại.

Hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM từng bước hình thành cho học sinh lòng tự hào dân tộc, mong muốn làm đẹp

thêm truyền thống của trường, của quê hương mình; mong muốn vươn lên thành con ngoan, trò giỏi đội viên tích cực để trở thành công dân có ích cho đất nước sau này.

Hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM góp phần giáo dục cho học sinh tình đoàn kết hữu nghị với các bạn thiếu nhi quốc tế, với các dân tộc khác trên thế giới.

** Mục tiêu về rèn kỹ năng*

Đối với học sinh cấp THCS, các kỹ năng cơ bản cần rèn luyện đó là:

- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử có văn hoá. Giao tiếp là hình thức đặc trưng cho mối quan hệ giữa con người với con người mà qua đó nảy sinh sự tiếp xúc tâm lý và được biểu hiện ở các quá trình thông tin, hiểu biết, rung cảm, ảnh hưởng và tác động qua lại lẫn nhau. Giao tiếp là nhu cầu của con người muốn tiếp xúc với con người. Nhu cầu tiếp xúc với những người khác trở thành tâm thế của mỗi người để cùng hợp tác với nhau hướng tới mục đích trong học tập, lao động, vui chơi và các hoạt động tập thể khác. Vì vậy rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là rất cần thiết.

- Kỹ năng tự quản các hoạt động tập thể. Đó là những kỹ năng lập kế hoạch hoạt động, kỹ năng thiết kế chương trình hoạt động, kỹ năng tự kiểm tra và đánh giá kết quả hoạt động. Đây là những kỹ năng rất cần cho việc tổ chức các hoạt động của học sinh theo những mức độ khác nhau, có tính đến đặc điểm cá biệt. Đồng thời rèn luyện cho học sinh biết cách tự điều chỉnh hành vi phù hợp với các yêu cầu xã hội, kỹ năng sống hoà nhập và nhiều kỹ năng khác.

1.3.4. Nội dung của hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

Các nội dung hoạt động Đội mang tính toàn diện, đa dạng và phong phú, có mối quan hệ với nhau, đan xen và bổ trợ cho nhau, cùng tác động đến đội viên và tập thể Đội trong quá trình tham gia hoạt động Đội. Nội dung hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM gồm:

- Hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho đội viên.
- Hoạt động học tập văn hóa, khoa học và công nghệ.
- Hoạt động lao động, kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp.
- Hoạt động thể chất, vệ sinh và bảo vệ môi trường.
- Hoạt động thẩm mỹ, văn hóa nghệ thuật.

- Hoạt động xây dựng tổ chức đội, tinh thần đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc.

Để thực hiện tốt các nội dung trên, hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM cụ thể hóa bằng việc triển khai nhiệm vụ theo chủ điểm các tháng cụ thể như sau:

Tháng 9: Truyền thống nhà trường

- Chuẩn bị cho lễ khai giảng.
- Kiện toàn ban cán sự lớp, đội cờ đỏ, học tập nội quy lớp, trường.
- Thi tìm hiểu truyền thống nhà trường, địa phương.

Tháng 10: Chăm ngoan học giỏi.

- Đại hội liên đội, kiện toàn ban chỉ huy liên đội.
- Tổ chức các hoạt động thi đua lập thành tích chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 như: Thi cắm hoa, văn nghệ, báo ảnh, báo tường....
- Chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, di tích lịch sử, vệ sinh đường làng ngõ xóm.

Tháng 11: Tôn sự trọng đạo.

- Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam (làm báo tường, tập văn nghệ), thi tìm hiểu chủ đề nhà trường, thầy cô, truyền thống “Tôn sự trọng đạo”.
- Hội diễn văn nghệ chủ đề “Đất nước - nhà trường” và lễ kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam.

- Chúc mừng thầy cô giáo nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11.

Tháng 12: Uống nước nhớ nguồn.

- Tìm hiểu, thảo luận về truyền thống cách mạng của địa phương, của đất nước.
- Tìm hiểu lịch sử ngày 22/12, ngày Quốc phòng toàn dân.
- Tìm hiểu anh hùng của quê hương đất nước, tham quan di tích lịch sử quê hương.
- Giao lưu với cựu chiến binh địa phương, nghe nói chuyện, giao lưu, tham quan các đơn vị bộ đội.
- Tổ chức tặng quà, giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình neo đơn, gia đình có công với cách mạng, các đơn vị bộ đội.
- Thi văn nghệ với chủ đề: “Hát mãi khúc quân hành”.
- Vệ sinh thôn bản, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ.
- Vệ sinh trường lớp, chăm sóc bồn hoa, cây cảnh.

Tháng 1,2: Mừng Đảng, mừng Xuân.

- Tìm hiểu, sưu tầm tục ngữ ca dao về quê hương, đất nước.
- Tìm hiểu truyền thống văn hóa và lễ tết cổ truyền dân tộc.
- Tìm hiểu gương sáng đảng viên.
- Thảo luận biện pháp nâng cao chất lượng học tập ở học kỳ II.
- Trồng cây đầu xuân.

Tháng 3: Tiến bước lên đoàn

- Thi đua học tập làm nghìn việc tốt chào mừng ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 và ngày thành lập đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3.

- Tổ chức hội trại, thi “trò chơi dân gian”, “Thi hát dân ca”.

Tháng 4: Hòa bình, hữu nghị

- Tìm hiểu di sản văn hóa trong nước và thế giới.
- Thi tìm hiểu về UNESCO và quyền trẻ em.
- Các hoạt động văn hóa thể thao chào mừng ngày 30/4 và 1/5: Thi đấu bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn... thi sáng tạo khoa học kỹ thuật.

Tháng 5: Bác Hồ kính yêu

- Thi đua học giỏi chăm ngoan chào mừng ngày thành lập Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh 15/5 và ngày sinh của Bác Hồ 19/5.

- Trao đổi nội dung thiếu nhi thực hiện 5 điều bác Hồ dạy với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

- Thi kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Tháng 6,7,8: Hè vui khỏe và bổ ích.

- Tham gia hoạt động vui chơi giải trí do hội đồng đội xã tổ chức theo chủ đề, chủ điểm hàng năm.

- Tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ, tham quan du lịch, hoạt động từ thiện, phòng chống ma túy.

- Tham gia các câu lạc bộ yêu thích như: Câu lạc bộ thể dục thể thao, câu lạc bộ thơ...

1.3.5. Hình thức tổ chức hoạt động phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

Hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM được tổ chức tương đối đa dạng và được thực hiện vào các buổi: Chào cờ đầu tuần, sinh hoạt cuối tuần, tổ chức theo chủ đề, chủ điểm hàng tuần, hàng tháng (đã được nêu ở trên), tổ chức vào các ngày lễ lớn trong năm..., trong mỗi nội dung đều thể hiện các hình thức hoạt động cụ thể và trong quá trình triển khai hoạt động thì lấy một hình thức tổ chức hoạt động để đạt được các mục tiêu về một hay nhiều nội dung đó.

** Hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho đội viên.*

- Sinh hoạt truyền thống.
- Xây dựng nhà truyền thống.
- Hoạt động tập thể.
- Sinh hoạt theo chủ đề.
- Tuyên truyền, cổ động, báo tường.
- Tìm hiểu các ngày lễ lớn.
- Tổ chức xây dựng quỹ giúp bạn vượt khó.
- Tổ chức hội thảo nghe báo cáo tình hình chính trị.
- Tổ chức các buổi gặp mặt, thi.
- Tổ chức các đội công tác.
- Phong trào nói lời hay, làm việc tốt.

+ Giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, giúp các em hiểu Đảng cộng sản Việt Nam, nhà nước và pháp luật.

- + Hiểu trách nhiệm của cá nhân với tập thể, “mình vì mọi người, mọi người vì mình.
- + Xác định trách nhiệm của mình đối với gia đình, nhà trường và xã hội.
- + Trở thành con ngoan, trò giỏi, công dân tốt.

** Hoạt động học tập văn hóa, khoa học và công nghệ.*

- Hội thảo gặp gỡ các nhà khoa học, những người lao động giỏi.
- Hội vui học tập.

- Tổ chức các nhóm bạn giúp nhau học tập, các câu lạc bộ học tập.
- “Tiết học hay, ngày học tốt”, đôi bạn chuyên cần.
- Tổ chức các cuộc thăm quan, du lịch, cắm trại.
- Giáo dục ý thức, trách nhiệm.
- Giáo dục mục đích động cơ, thái độ học tập, xây dựng nề nếp, hứng thú học tập và khả năng vận dụng những điều đã học và thực tiễn cuộc sống.

** Hoạt động lao động, kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp.*

- Sinh hoạt chủ đề, hội thảo.
 - Tham quan các cơ sở sản xuất nông nghiệp và công nghiệp...
 - Tổ chức các buổi lao động.
 - Tổ chức các buổi triển lãm.
 - Tổ chức các hội thi.
 - Kết nghĩa với các đơn vị quân đội, xí nghiệp.
 - Giáo dục lòng yêu lao động, tôn trọng người lao động.
 - Yêu quý thành quả lao động.
 - Ý thức trách nhiệm trong công tác.
 - Làm quen lao động từ đơn giản đến phức tạp.
 - Có sức khỏe, tính khéo léo.
 - Định hướng nghề nghiệp cho các em.
- * Hoạt động thể chất, vệ sinh và bảo vệ môi trường.*
- Thường xuyên tập thể dục thể thao thông qua thực hành nghi thức đội.
 - Thăm quan du lịch, hành quân cắm trại.
 - Tổ chức các câu lạc bộ y tế, lớp học cứu thương nhỏ tuổi, ngày không hút thuốc lá.
 - Nhận thức về mục đích của việc tập thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, vệ sinh các nhân.
 - Thường xuyên tập thể dục, nâng cao sức khỏe.
 - Ý thức giữ gìn vệ sinh các nhân, vệ sinh môi trường.
- * Hoạt động thẩm mỹ, văn hóa nghệ thuật.*
- Tổ chức hướng dẫn học sinh tham quan du lịch, các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, đọc sách, đọc truyện.

- Tổ chức thăm quan viện bảo tàng, danh lam thắng cảnh.

- Xem phim ảnh, ca múa kịch, hòa nhạc...

- Suu tầm tranh ảnh, nghệ thuật.

- Thi hát, vẽ theo chủ đề.

** Hoạt động xây dựng tổ chức Đội, tinh thần đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc.*

- Đảm bảo sinh hoạt Đội, rèn luyện nghi thức Đội.

- Thực hiện chương trình rèn luyện đội viên.

- Tổ chức các câu lạc bộ hữu nghị quốc tế: Tổ chức hội thi đề tài quốc tế.

- Tổ chức giao lưu, tham quan các trại hè, cuộc thi, tham quan du lịch nước ngoài.

- Tham gia các hoạt động quốc tế của thanh thiếu niên và nhi đồng các nước.

- Gặp gỡ các bạn thiếu nhi quốc tế.

- Giáo dục tổ chức kỉ luật, tính đoàn kết, nâng cao trình độ chuyên môn, kĩ năng tổ chức của ban chỉ huy.

- Giúp các em hiểu biết về các bạn thiếu nhi, về tổ chức và hoạt động của thiếu nhi quốc tế.

- Tham gia các phong trào đấu tranh, vì hòa bình, vì tiến bộ xã hội.

1.3.6. Những yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

** Điều kiện tổ chức hoạt động Đội.*

Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí phục vụ tổ chức các hoạt động là yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng tới việc tổ chức các hoạt động của Đội. Việc tổ chức các hoạt động của Đội sẽ hiệu quả hơn nếu cơ sở vật chất đầy đủ, có trang thiết bị hiện đại và đồng bộ phục vụ các hoạt động như: Loa đài, sân khấu, sân chơi bãi tập đảm bảo đủ tiêu chuẩn...

** Năng lực của TPT Đội.*

TPT Đội luôn đóng vai trò quan trọng các các hoạt động phong trào của nhà trường, là người phải giỏi chuyên môn, nắm vững những kiến thức liên quan đến nghiệp vụ tổ chức, chỉ đạo công tác Đội, có trình độ kiến thức và năng lực: toàn diện, rộng, sâu. Do đó khả năng tổ chức của TPT Đội ảnh hưởng rất lớn tới các hoạt động chung của Đội, nếu tổ chức tốt các hoạt động của Đội sẽ thu hút được các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường cùng tham gia và đặc biệt là tạo hứng thú cho học sinh để học sinh tham gia một cách nhiệt tình và có trách nhiệm.

TPT Đội phải nhận thức đúng vai trò của hoạt động giáo dục triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Bởi vì, hoạt động giáo dục triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM cũng là một hoạt động giáo dục giúp học sinh hoàn thiện nhân cách và giúp học sinh có những kỹ năng tốt hơn để dần dần hòa nhập với cuộc sống hiện nay.

* Đội ngũ giáo viên.

GVCN là người luôn đồng hành cùng học sinh trong mọi hoạt động của nhà trường, là người phải có chuyên môn, nghiệp vụ tốt và đặc biệt phải nắm rõ nội dung, hình thức hoạt động của Đội. Nếu GVCN nhiệt tình tham gia, chỉ đạo học sinh thực hiện tốt các hoạt động của Đội sẽ góp phần rất lớn trong các hoạt động giáo dục của nhà trường nói chung và hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM nói riêng.

Giáo viên bộ môn cũng ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Là lực lượng luôn thường trực để hỗ trợ, cố vấn trong các hoạt động của Đội về chuyên môn. Nếu đội ngũ giáo viên nhiệt tình tham gia các hoạt động của Đội sẽ tạo cho các hoạt động Đội thêm sinh động hơn, đa dạng hơn và có sức thu hút với học sinh tham gia nhiều hơn.

* Sự quan tâm tạo điều kiện của nhà trường

Để có điều kiện tổ chức tốt các hoạt động của Đội thì cần phải có sự quan tâm và vào cuộc của CBQL các nhà trường, các lực lượng giáo dục trong nhà trường để tạo mọi điều kiện về mặt thời gian tránh chồng chéo với các hoạt động khác, tạo mọi điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức các hoạt động. Nếu có sự quan tâm tạo điều kiện tốt của nhà trường thì các hoạt động của Đội sẽ được tổ chức thường xuyên hơn, phong phú hơn, đa dạng hơn và khi có nhiều các hoạt động tập thể thì học sinh có cơ hội tiếp xúc với nhiều người sẽ giúp các em phát triển tốt hơn các KNGT của bản thân.

* Tính tích cực của học sinh.

Học sinh bậc THCS là những người đang phát triển và hoàn thiện về trí tuệ và thể chất. Các em rất nhạy bén và hoạt bát, tích cực, nhiệt tình trong các hoạt động. Chính điều này giúp các em tự tin, chủ động, mạnh dạn trong quan hệ ứng xử với mọi

người, giúp các em xây dựng mối quan hệ tốt đẹp. Từ đó tự đánh giá, rèn luyện bản thân theo các chuẩn mực xã hội hoặc theo các tấm gương tốt mà các em gặp gỡ trong đời sống.

1.4. Quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh ở trường THCS

Hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh do nhà trường tổ chức và quản lý với sự tham gia của các lực lượng xã hội. Hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh diễn ra không chỉ trong năm học mà còn cả thời gian nghỉ hè.

Quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh ở trường THCS thực chất là quản lý mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, phương pháp tổ chức hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh trên cơ sở quản lý xây dựng kế hoạch, quản lý chỉ đạo thực hiện, quản lý kiểm tra đánh giá của hiệu trưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; quản lý các điều kiện cơ sở vật chất, môi trường, công tác phối kết hợp của các đoàn thể, lực lượng xã hội, ban ngành địa phương đối với việc thực hiện hoạt động này.

1.4.1. Quản lý xây dựng kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh

Kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh phải phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương, đáp ứng nhiệm vụ trọng tâm của năm học, đáp ứng chủ đề, chủ điểm tháng do Bộ GD&ĐT ban hành.

Quản lý việc xây dựng kế hoạch hoạt động tuần, tháng, năm bao gồm các nội dung cụ thể và hình thức tổ chức hoạt động sao cho phù hợp, thời gian tiến hành hoạt động, chuẩn bị các điều kiện cho hoạt động,... Quản lý việc triển khai kế hoạch, quản lý việc thực hiện chương trình hoạt động bắt buộc, hoạt động tự chọn; Quản lý việc xây dựng kế hoạch về CSVC và các điều kiện khác thực hiện hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh; Quản lý kế hoạch kiểm tra đánh giá chất lượng; quản lý kế hoạch phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.

Kế hoạch, chương trình rất cần trong hoạt động, sẽ làm cho công tác của nhà giáo dục có mục đích. Kế hoạch sẽ giúp nhà giáo dục không bị lôi cuốn vào những công việc lặt vặt, làm cho học sinh chủ động hơn, tự tin hơn trong công tác của mình.

phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh yêu cầu phải nắm chắc ba vấn đề quan trọng đó là ai làm, làm cái gì và làm như thế nào.

Trong việc quản lý xây dựng kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh nhà quản lý thực hiện quy trình xây dựng kế hoạch như sau:

Bước 1: Đề ra các mục tiêu hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh, khảo sát đội ngũ CBQL, GV, HS và các yếu tố về tài lực, vật lực, phân tích môi trường giáo dục tìm những thuận lợi, khó khăn, thời cơ và thách thức. Xác định được những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường, các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục phát triển KNKT cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM như: xem có điểm mạnh gì về giáo dục đạo đức và hình thành, phát triển nhân cách cho HS: năng lực của đội ngũ GV, kết quả tu dưỡng rèn luyện của HS, sự phối hợp các lực lượng trong nhà trường và ngoài nhà trường...; có những thành tích gì nổi bật về công tác này; những hoạt động nào trường tổ chức đạt kết quả tốt nhất.

Xác định các mối đe dọa, nguy hại ngoài nhà trường tác động đến GV và HS mà họ khó ứng phó... Thống kê lại toàn bộ CSVC, trang thiết bị, đồ dùng...phục vụ cho hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh.

Bước 2: Lập kế hoạch phải bám sát các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang trên cơ sở kế hoạch năm học của nhà trường xây dựng, kế hoạch quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh cho HS trường các THCS, Hiệu trưởng cần chú ý các yếu tố sau:

- Dự kiến mục tiêu, chỉ tiêu cần đạt.
- Xác định tiến độ thời gian thực hiện.
- Nội dung công việc gắn liền với các hoạt động Đội TNTPHCM.
- Người phụ trách và lực lượng tham gia, các điều kiện để thực hiện.
- Công tác tổ chức, chỉ đạo điều hành nội dung công việc.

Bước 3: Thành lập các nhóm công tác về giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh và phân công nhiệm vụ cho từng nhóm:

- Nhóm giáo dục KNGT về đạo đức và pháp luật thông qua các hoạt động chào cờ, sinh hoạt thứ bảy, sinh hoạt tập thể..

- Nhóm giáo dục KNGT thông qua hoạt động của các câu lạc bộ.

- Nhóm giáo dục KNGT thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan du lịch...

- Nhóm giáo dục KNGT thông qua hoạt động lao động, nhân đạo, từ thiện, bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh...

Bước 4: Điều chỉnh kế hoạch

Đầu năm giao nhiệm vụ cho các trưởng nhóm xây dựng dự thảo kế hoạch, thông qua tập thể, chính sửa bổ sung, ban hành thực hiện, thường xuyên kiểm tra đánh giá việc thực hiện để đánh giá rút kinh nghiệm điều chỉnh kế hoạch.

1.4.2. Tổ chức thực hiện hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động TNTPHCM

- Xác định mô hình thực hiện việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM (là giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách đội...)

- Thành lập ban chỉ đạo phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM: Hiệu trưởng, Tổng phụ trách Đội, giáo viên chủ nhiệm.

- + Xác định nhiệm vụ của Ban chỉ đạo: Xây dựng hệ thống văn bản quy định về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban chỉ đạo; xây dựng quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo; Bồi dưỡng năng lực cho cán bộ phụ trách; Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

- + Theo dõi hoạt động của các thành viên và có chế độ khen thưởng hợp lý...

- Huy động các nguồn tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị... cho việc thực hiện hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

- Xây dựng cơ chế giám sát hoạt động của các thành viên.

1.4.2.1. Quản lý đội ngũ giáo viên chủ nhiệm thực hiện kế hoạch hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động TNTPHCM

Giáo viên chủ nhiệm là người thiết kế tổ chức thực hiện các hoạt động của lớp theo chủ điểm, chủ đề hàng tháng của lớp mình phụ trách. Ngoài ra giáo viên chủ nhiệm còn tổ chức cho lớp mình tham gia các hoạt động do nhà trường, liên đội và địa phương tổ chức.

Quản lý giáo viên chủ nhiệm thực hiện các hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM bao gồm: Việc chuẩn bị kế hoạch hoạt động theo chủ đề, việc xác định các nội dung cần thực hiện, việc đề ra các biện pháp thực hiện, việc triển khai thực hiện và kết quả thực hiện mục tiêu đề ra. Thông qua kết quả hoạt động tổ chức rút kinh nghiệm từng hoạt động và có kế hoạch hoạt động tiếp theo.

Việc phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh được bố trí vào trong các chương trình mà Đội triển khai giúp các hoạt động mang tính sáng tạo hơn, và học sinh có hứng thú hơn trong các hoạt động của nhà trường và địa phương. Các hoạt động này có thể là: Tiểu phẩm, trò chơi dân gian, tìm hiểu pháp luật, cắm trại, thể dục thể thao, văn nghệ...và được cụ thể hóa bằng các cuộc thi để đánh giá phong trào thi đua của các lớp. Trong việc xây dựng kế hoạch tuần, tháng, hiệu trưởng yêu cầu giáo viên chủ nhiệm đưa các nội dung này vào các lớp chủ nhiệm. Yêu cầu các lớp phải thực hiện nghiêm túc các nội dung đã đề ra. Kết quả hoạt động của các nội dung này của các lớp sẽ được hiệu trưởng đánh giá nhận xét. Đây là minh chứng cụ thể để đánh giá mức độ đạt được trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh và cũng là để đánh giá xếp loại công tác chủ nhiệm.

Quản lý việc triển khai hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh thông qua hoạt động TNTPHCM: Hiệu trưởng là người nắm được các hoạt động này diễn ra ở các lớp hoặc diễn ra trong toàn trường. Vai trò của giáo viên chủ nhiệm như thế nào. Thời gian, hình thức tổ chức, nội dung có đúng theo quy định không, việc phân công nhiệm vụ của các thành viên trong lớp như thế nào và cách giải quyết các vấn đề ra sao.

Quản lý đánh giá kết quả học sinh: Sau mỗi chủ đề, chủ điểm... giáo viên chủ nhiệm đều đánh giá mức độ đạt được trong các hoạt động của học sinh. Việc đánh giá

mức độ của học sinh cần tập trung vào các yêu cầu: Nâng cao nhận thức, rèn các kỹ năng cơ bản, sự hứng thú và nhu cầu phát triển.

Quản lý việc phối hợp với các lực lượng khác: Để việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động TNTPHCM thì giáo viên chủ nhiệm cần biết tiếp cận và phát huy các lực lượng giáo dục cùng tham gia. Giáo viên chủ nhiệm với tư cách là người tham mưu, người tổ chức để các lực lượng này cùng tham gia vào quá trình hoạt động của học sinh. Trong việc phối hợp, giáo viên chủ nhiệm chủ động đề xuất nội dung và cách thức phối hợp, hình thức của sự phối hợp. Khi tổ chức các hoạt động câu lạc bộ, các cuộc thi của lớp hay trên phạm vi toàn trường thì việc phối hợp với các giáo viên bộ môn là rất quan trọng. Ngoài ra, việc phối hợp với hội cha mẹ học sinh, tổ chức đoàn, hội địa phương và các tổ chức xã hội khác để hướng vào việc tổ chức các hoạt động rèn luyện, vui chơi...nhằm phát triển các kỹ năng cho học sinh.

1.4.2.2. Quản lý đội ngũ cán bộ Tổng phụ trách Đội thực hiện kế hoạch hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động TNTPHCM

Đội ngũ cán bộ Tổng phụ trách Đội có vai trò quan trọng trong việc chỉ đạo hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh thông qua hoạt động TNTPHCM. Vì vậy việc quản lý thực hiện các nội dung sau: Việc xây dựng kế hoạch tuần, tháng, năm; sự phối hợp thường xuyên với giáo viên chủ nhiệm; chỉ đạo hoạt động đối với các chi đội; quản lý việc theo dõi các hoạt động của các chi đội, thực hiện các hoạt động của lớp hay trên phạm vi toàn trường và phối hợp với các lực lượng giáo dục khác.

1.4.3. Chỉ đạo thực hiện hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động TNTPHCM

- Chỉ đạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ Tổng phụ trách Đội, giáo viên chủ nhiệm.
- Chỉ đạo tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động.
- Chỉ đạo hướng dẫn học sinh tự lập kế hoạch cho việc phát triển kỹ năng giao tiếp của bản thân thông qua các hoạt động của Đội TNTPHCM.
- Chỉ đạo học sinh phương pháp thực hiện:
 - + Tự tìm hiểu về các kỹ năng.
 - + Quan sát người khác thực hiện sau đó hoàn thiện bản thân mình.
 - + Trải nghiệm thực tế để phát triển kỹ năng thông qua các hoạt động cụ thể do lớp, liên đội tổ chức.

1.4.4. Kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh

Kiểm tra, đánh giá là một khâu quan trọng trong việc tổ chức bất kỳ một hoạt động giáo dục nào. Thông qua kiểm tra, Hiệu trưởng sẽ nắm bắt được chất lượng, hiệu quả, rút ra những ưu điểm để phát huy, những hạn chế cần khắc phục để việc tổ chức hoạt động đạt hiệu quả cao hơn.

Nội dung kiểm tra gồm: Việc thực hiện hoạt động của học sinh, việc đánh giá các hoạt động của Tổng phụ trách đội thông qua báo cáo, thông qua ý kiến của giáo viên, và phản hồi của các cơ quan phối hợp (như các trường THCS Trên địa bàn, Hội đồng đội xã...), Hiệu trưởng kiểm tra các hoạt động này qua việc thực hiện kế hoạch của giáo viên Tổng phụ trách đội, GVCN, HS.

Đối với học sinh, thông qua kiểm tra các em sẽ nhận ra mặt mạnh mặt yếu của bản thân để tiếp tục phấn đấu. Đối với GV, thông qua kiểm tra sẽ tự đánh giá được khả năng tổ chức, rèn luyện thêm nghiệp vụ sư phạm; GV sẽ điều chỉnh, rút kinh nghiệm cho việc tổ chức các hoạt động của lớp lần sau.

Qua việc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh thông qua hoạt động TNTPHCM, Hiệu trưởng sẽ có cái nhìn tổng thể, từ đó có sự điều chỉnh để việc tổ chức hoạt động này đạt kết quả cao nhất.

1.4.5. Các lực lượng ảnh hưởng đến công tác quản lý phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

Trong hoạt động quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh có các lực lượng ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác này cụ thể:

- Về đội ngũ giáo viên chủ nhiệm: Đây là lực lượng quan trọng, bên cạnh các nhiệm vụ được nhà trường phân công, việc thực hiện các nhiệm vụ khác và đặc biệt là tổ chức triển khai các hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM đòi hỏi người giáo viên chủ nhiệm phải nghiên cứu, tích lũy trong quá trình nhận thức và tìm hiểu về các đối tượng học sinh. Biết phát huy tối đa khả năng của học sinh trong quá trình thực hiện các hoạt động. Nắm bắt tâm lý, tâm tư nguyện vọng, nhu cầu... của học sinh giúp học sinh ngày càng hoàn thiện nhân cách, góp phần vào hiệu quả chung của quá trình đào tạo.

- Về đội ngũ Tổng phụ trách Đội: Là đội ngũ tổ chức, quản lý toàn diện bộ máy và đội ngũ cán bộ đội. Tổ chức, điều hành các hoạt động Đội. Thiết kế và triển khai các mặt hoạt động Đội của nhà trường. Phối hợp chặt chẽ với các hoạt động chung của Đội trên địa bàn dân cư nơi trường đóng. Vì vậy nếu đội ngũ Tổng phụ trách đội có năng lực, lòng nhiệt tình, tâm huyết sẽ tác động to lớn tới các hoạt động chung của nhà trường.

- Về phía nhà quản lý, mà chủ yếu là công tác xây dựng các quy chế, cơ chế, chính sách đối với các đội ngũ tham gia vào các hoạt động. Trong quá trình quản lý, BGH nhà trường quan tâm đến các hoạt động Đội, thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động, thu thập thông tin, đánh giá kết quả các hoạt động đã đề ra thì sẽ tác động nhất định đến quá trình phát triển nhân cách của học sinh.

- Về phía người học: Nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của kỹ năng sống mà đặc biệt là phát triển kỹ năng giao tiếp sẽ giúp cho người học tự hoàn thiện bản thân mình, tạo ra các bước đột phá trong học tập cũng như sinh hoạt đời thường. Nếu như học sinh không tham gia vào các hoạt động hoặc chỉ tham gia ở mức độ nào đó thì việc phát triển các kỹ năng cho các em là rất hạn chế vì các em sẽ ít được tiếp xúc với môi trường thuận lợi, đặc biệt là môi trường giáo dục.

- Về các lực lượng bên ngoài nhà trường: Lực lượng này cũng đóng góp không nhỏ vào chất lượng giáo dục của nhà trường. Các tổ chức chính quyền địa phương, Đoàn, Hội đồng đội xã, hội cha mẹ học sinh...cùng tham gia vào các hoạt động sẽ tạo động lực rất lớn trong quá trình hoạt động và phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.

Như vậy, nhà quản lý bên cạnh việc am hiểu về đội ngũ thực hiện các hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, còn cần thiết phải tìm hiểu, đánh giá mức độ ảnh hưởng đến công tác này để có thể phát huy được những tác động thuận lợi, hạn chế khó khăn trong triển khai thực hiện quản lý.

1.4.6. Những thuận lợi và khó khăn trong tổ chức hoạt động nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh

** Thuận lợi:*

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành chương trình rèn luyện đội viên với nội dung phù hợp với từng đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị và địa phương triển khai và thực hiện.

Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, huyện Đoàn, hội đồng Đội huyện đã tổ chức nhiều đợt tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên về giáo dục kỹ năng sống trong đó có KNGT cho học sinh phổ thông; hướng dẫn tích hợp các kỹ năng sống vào các hoạt động Đội TNTPHCM...

Đối với các trường THCS, nhìn chung cán bộ quản lý trong các nhà trường đã nhận thức được vai trò của việc phát triển KNGT cho học sinh và được đa số các trường chú ý thực hiện. Các CBQL luôn quan tâm, chỉ đạo sát sao các hoạt động của Đội và huy động được các lực lượng trong và ngoài nhà trường cùng tham gia.

Khả năng của một số giáo viên (TPT Đội, GVCN) cơ bản đáp ứng được yêu cầu đề ra, tạo thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động.

Phụ huynh học sinh rất quan tâm tới các hoạt động giáo dục trong nhà trường và đặc biệt hoạt động phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội. Phụ huynh học sinh cùng dành nhiều thời gian đồng hành cùng các con em mình, giúp đỡ con em mình tham gia các hoạt động của trường, của Đội TNTPHCM tổ chức.

Học sinh THCS ngày càng trưởng thành, nhận thức cũng đã được nâng lên, các em đã chủ động hơn trong sinh hoạt và các hoạt động do nhà trường, địa phương tổ chức.

** Khó khăn:*

Thời gian để tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM cho học sinh còn hạn chế, bởi vì các hoạt động giáo dục của các nhà trường hiện nay chủ yếu quan tâm tới chất lượng giáo dục các môn học như: Chất lượng học sinh giỏi, chất lượng đại trà.

Một bộ phận TPT Đội chưa nhận thức đúng về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc tổ chức hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Do vậy việc tổ chức các hoạt động của Đội chỉ mang tính hình thức chứ chưa thực sự quan tâm tới việc rèn luyện, phát triển các kỹ năng cho học sinh, đặc biệt là KNGT.

Khi thực hiện một số giáo viên còn gặp nhiều khó khăn và lúng túng (chưa có tài liệu cho giáo viên và học sinh, tiêu chí đánh giá chưa cụ thể...).

Một số học sinh chưa mạnh dạn tham gia các hoạt động, thường chỉ làm qua loa cho xong và ít tự chủ trong công việc.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế chưa có sự đầu tư nhiều.

Tiểu kết chương 1

Hoạt động Đội TNTPHCM có vai trò quan trọng trong việc phát triển KNGT của học sinh. Hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM đã hệ thống được 12 KNGT cơ bản.

Hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM được tổ chức bằng nhiều hoạt động phong phú và đa dạng, thể hiện rõ ưu thế của Đội trong quá trình giáo dục học sinh đặc biệt là giáo dục phát triển KNGT.

Trong quá trình giáo dục phát triển KNGT cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM đều có sự tham gia của các CBQL các nhà trường, TPT Đội, GVCN... và các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường.

Quản lý phát triển KNGT cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM phải được thực hiện trên cơ sở của việc xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo sát sao thực hiện kế hoạch và kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

Quản lý phát triển KNGT cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM phải đảm bảo mục tiêu của giáo dục, phải dựa trên những điều kiện tổ chức thực hiện và phải tạo ra sự đồng thuận giữa các lực lượng trong và ngoài giáo dục.

Hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM chịu ảnh hưởng của các lực lượng sau: Đội ngũ CBQL, TPT Đội, GVCN, lực lượng bên ngoài nhà trường và học sinh trong các nhà trường.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG ĐỘI TNTP HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG THCS HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

2.1. Vài nét về huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Hiệp Hòa là một huyện trung du thuộc tỉnh Bắc Giang, nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Bắc Giang. Huyện lỵ là thị trấn Thắng cách thành phố Bắc Giang 30 km và cách thủ đô Hà Nội 50 km theo đường bộ. Phía Đông Bắc giáp huyện Tân Yên, phía Đông giáp huyện Việt Yên, phía Nam giáp vùng đồng bằng châu thổ Yên Phong của tỉnh Bắc Ninh, phía Tây Nam giáp huyện Sóc Sơn của Hà Nội, phía Tây Bắc giáp các thị xã Phả Yên và huyện Phú Bình của tỉnh Thái Nguyên. Hiệp Hòa có tổng diện tích 20.110 ha (tức 201 km²) với 26 đơn vị hành chính, dân số khoảng 223.000 người cơ bản là người Kinh và cư trú ở các thôn xóm được dựng đặt từ lâu đời. Cuộc sống nơi xóm làng với các mối quan hệ huyết thống “trong họ ngoài làng”, “phi nội tặc ngoại” đã gắn bó mọi người với nhau. Nền kinh tế huyện Hiệp Hòa chủ yếu sản xuất lương thực, rau màu, chăn nuôi gia súc gia cầm, nuôi trồng thủy sản. Nhờ hệ thống mương máng người dân có thể trồng hai vụ lúa và một vụ hoa màu trong một năm. Trong những năm gần đây Hiệp Hòa đã chú trọng chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, xây dựng các cụm công nghiệp nhằm thu hút đầu tư, nâng cấp hệ thống chợ nông thôn để phát triển thương mại. Ngành khảo cổ đã phát hiện nhiều đồ đá, đồ gốm, đồ đồng và cả khuôn đúc rìu đồng bằng đá có niên đại cách ngày nay khoảng 3070 năm và đặc biệt hơn nữa là việc phát hiện di chỉ khảo cổ học Đông Lâm và trống đồng Bắc Lý trên địa bàn Hiệp Hòa cho phép ta khẳng định rằng: Nơi đây đã là một khu vực quần cư đông đúc và trình độ kinh tế phát triển khá cao và Hiệp Hòa cũng là mảnh đất có truyền thống văn hóa, hiếu học đã đóng góp cho đất nước nhiều nhân tài. Không những nổi tiếng về khoa cử, Hiệp Hòa còn có nhiều danh thắng và di tích kiến trúc, nghệ thuật và lịch sử nổi tiếng đối với cả nước như: Đình Lỗ Hạnh, đình Thắng Núi, hệ thống lăng tẩm bệ thế nần rải rác khá nhiều trên địa phận huyện Hiệp Hòa.

2.2. Đặc điểm giáo dục của các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

2.2.1. Về quy mô

*** Về đội ngũ CBQL, GV, nhân viên**

Đội ngũ CBQL, GV, nhân viên THCS toàn huyện là 914, trong đó: có 68 CBQL; 708 giáo viên; 111 nhân viên; trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm 94,4%, trong đó: trên chuẩn (đại học) 66,5%; chuẩn (cao đẳng) 27,3%; dưới chuẩn 0,06% (nhạc, hoạ, thể dục, nhân viên hành chính). Hiện nay về cơ cấu giáo viên được phân bổ thì toàn huyện còn thiếu khoảng gần 40 giáo viên.

*** Về đội ngũ học sinh**

Toàn huyện 26 trường THCS và 01 trường TH&THCS với 382 lớp và 13581 học sinh; Quy mô trường, lớp đã đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập của con em trên địa bàn huyện, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ cho công cuộc xây dựng quê hương, đất nước.

*** Về cơ sở vật chất của các trường THCS trong huyện**

Công tác xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và xây dựng trường chuẩn quốc gia được các cấp ủy đảng quan tâm chỉ đạo. Tỷ lệ phòng học kiên cố không ngừng tăng lên. Trong thời gian tiếp theo, công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia vẫn tiếp tục được đẩy mạnh.

Đến nay, toàn huyện có 20/27 đạt tỷ lệ 74.1% trường THCS thuộc khối Phòng GD&ĐT đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 83%; toàn huyện còn tồn tại 38 phòng học tạm, phòng học nhờ và còn một số trường phải học hai ca vì không đủ phòng học.

2.2.2. Về chất lượng giáo dục

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của đất nước, sự nghiệp GD&ĐT huyện Hiệp Hòa có nhiều chuyển biến tích cực. Với tiêu chí: “Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển”, các cấp ủy đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục của địa phương. Chính sự quan tâm đó đã đưa giáo dục huyện Hiệp Hòa phát triển nhanh chóng cả về quy mô và chất lượng giáo dục.

Chất lượng giáo dục trong những năm vừa qua cũng có những bước tiến đáng kể; tỉ lệ học sinh có học lực yếu, kém giảm, tỉ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến có

chiều hướng tăng dần, tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học là đạt 99,65%; tốt nghiệp THCS đạt 97,48%; thứ tự xếp loại thi vào THPT của Hiệp Hòa luôn đứng trong top 3/10 huyện, thành phố; chất lượng đại trà luôn đạt chỉ tiêu đề ra: Giỏi đạt 13,36%, khá đạt 43,74%, trung bình đạt 39,2%, yếu, kém là 3,96%. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi cũng được đầu tư, quan tâm; chất lượng học sinh giỏi cũng có những tiến bộ vững chắc; hàng năm số giải thưởng học sinh giỏi quốc gia khoảng từ 30 đến 40 giải, thứ tự xếp loại học sinh giỏi ở các bậc tiểu học và trung học cơ sở đứng trong top 4/10 huyện, thành phố (*theo báo cáo số 176/BC-UBND của UBND huyện Hiệp Hòa về việc tổng kết phong trào GD&ĐT năm học 2015-2016*).

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh được chú trọng. Phòng GD&ĐT huyện Hiệp Hòa chỉ đạo các trường thực hiện nghiêm túc kế hoạch số 146/KH-PGD&ĐT ngày 14/10/2016 của phòng GD&ĐT và huyện Đoàn huyện Hiệp Hòa về kế hoạch phối hợp thực hiện hoạt động giữa Phòng GD&ĐT và huyện Đoàn huyện Hiệp Hòa, trong đó kế hoạch đã thể hiện rõ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, kỹ năng sống, giáo dục pháp luật cho học sinh, nâng cao kỷ cương nề nếp trong nhà trường. Công tác giáo dục pháp luật được đẩy mạnh. Các trường đã xây dựng tủ sách pháp luật nhằm cung cấp cho học sinh những kiến thức pháp luật cơ bản nhất. Bởi vậy, ở tất cả các bậc học, tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt đạt khoảng từ 90 đến 95%.

Bên cạnh việc quan tâm đầu tư về văn hóa, phòng GD&ĐT còn tăng cường công tác giáo dục tư tưởng đạo đức cho cán bộ, giáo viên và học sinh trong huyện thông qua ba cuộc vận động lớn của ngành như: Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, cuộc vận động “ Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức tự học, sáng tạo”, cuộc vận động “Hai không” ... Các trường tiểu học, THCS, THPT thực hiện đúng bộ tiêu chí quản lý chất lượng của Bộ GD&ĐT. Công tác thanh tra, kiểm tra được đẩy mạnh.

2.3. Thực trạng phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh

Để có cơ sở thực tiễn, cơ sở khoa học xác định cụ thể thực trạng trong quản lý phát triển KNGT của học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM các trường

THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Đề tài tập trung điều tra tại 10 trường THCS trên địa bàn.

Đối tượng và phương pháp điều tra tại 10 trường THCS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang:

Bảng 2.1: Đối tượng và phương pháp điều tra

Phương pháp điều tra	Đối tượng điều tra				
	CBQL	TPT Đội, Bí thư Đoàn	GVCN	PHHS	Học sinh
Bảng phiếu hỏi	20	16	24	30	120
Bảng phỏng vấn	4	4	4	5	24

2.3.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý về vai trò của hoạt động Đội TNTPHCM và việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

Để tìm hiểu về thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý về vai trò của hoạt động Đội TNTPHCM chúng tôi sử dụng câu hỏi 2 (phụ lục 2) và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.2: Nhận thức của CBQL về vai trò của hoạt động Đội TNTPHCM với việc phát triển KNGT cho học sinh

Các mức độ	Kết quả	
	SL	%
Rất quan trọng	12	60
Quan trọng	8	40
Không quan trọng	0	0

Bảng 2.2 cho thấy:

Có 60% CBQL cho rằng hoạt động Đội TNTPHCM rất quan trọng, có 40% cho rằng hoạt động Đội TNTPHCM quan trọng và không có CBQL cho rằng hoạt động Đội TNTPHCM không quan trọng. Như vậy hầu hết các cán bộ quản lý đều nhận thức được vai trò của hoạt động Đội TNTPHCM trong nhà trường là rất quan trọng trong nhà trường và trong quá trình giáo dục nhân cách học sinh.

Qua phỏng vấn 4 đồng chí là CBQL về hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM là hoạt động nào, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 2.3: Ý kiến của CBQL về hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

TT	Các loại hoạt động	Kết quả	
		SL	%
1	là hoạt động ngoại khóa	1	25
2	là hoạt động đoàn thể	1	25
3	là hoạt động ngoài giờ lên lớp	1	25
4	là hoạt động vui chơi giải trí	0	0
5	là hoạt động giáo dục	1	25

Kết quả trên cho thấy: Có 25% ý kiến cho rằng việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM là hoạt động ngoại khóa, 25% ý kiến cho rằng đó là hoạt động hoạt động đoàn thể, 25% ý kiến cho rằng đó là hoạt động ngoài giờ lên lớp và chỉ có 25% ý kiến cho rằng phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM là hoạt động giáo dục.

Như vậy, đa số CBQL đều đánh giá cao vai trò của hoạt động Đội TNTPHCM. Tuy nhiên, về hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM thì còn nhiều các CBQL còn nhận thức chưa đúng. Do nhận thức về vấn đề trên chưa cao nên việc đầu tư về nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất và các yếu tố liên quan còn rất hạn chế. Hầu hết các cán bộ quản lý đều chưa chú trọng và quan tâm đến vấn đề này.

2.3.2. Thực trạng phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP HCM tại các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2.3.2.1. Tự đánh giá của học sinh về sự phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

Để đánh giá về những dấu hiệu biểu hiện phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh thông qua các hoạt động Đội TNTPHCM, chúng tôi tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi 120 em học sinh của các trường THCS trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang bằng câu hỏi 4 (phụ lục 01) thu được kết quả như sau:

**Bảng 2.4: Thực trạng tự đánh giá của HS về những biểu hiện các KNGT
khi tham gia hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh**

TT	Các kỹ năng giao tiếp	Ý kiến đánh giá			
		Có		Không	
		SL	%	SL	%
1	Kỹ năng tiếp xúc, thiết lập mối quan hệ giao tiếp	67	55.8	53	44.2
2	Kỹ năng định hướng	46	38.3	74	61.7
3	Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ (bằng hành động, cử chỉ...)	23	19.2	97	80.8
4	Kỹ năng biết cân bằng nhu cầu của cá nhân và đối tượng giao tiếp	70	58.3	50	41.7
5	Kỹ năng nghe và biết lắng nghe đối tượng giao tiếp	64	53.3	56	46.7
6	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi	45	37.5	75	62.5
7	Kỹ năng tự kiểm chế và kiểm tra đối tượng giao tiếp	54	45	66	55
8	Kỹ năng diễn đạt ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu	78	65	42	35
9	Kỹ năng linh hoạt, mềm dẻo trong giao tiếp	69	57.5	51	42.5
10	Kỹ năng thuyết phục đối tượng giao tiếp	56	46.7	64	53.3
11	Kỹ năng chủ động điều khiển quá trình giao tiếp	61	50.8	59	49.2
12	Kỹ năng ra quyết định	49	40.8	71	59.2

Qua bảng trên cho thấy: Có trên 50% HS đã thấy được biểu hiện các KNGT của bản thân khi tham gia các hoạt động Đội TNTPHCM bao gồm: Kỹ năng tiếp xúc, thiết lập mối quan hệ giao tiếp; Kỹ năng biết cân bằng nhu cầu của cá nhân và đối tượng giao tiếp; Kỹ năng nghe và biết lắng nghe đối tượng giao tiếp; Kỹ năng linh hoạt, mềm dẻo trong giao tiếp; Kỹ năng chủ động điều khiển quá trình giao tiếp. Các em cho rằng khi tham gia các hoạt động của Đội các em được tiếp xúc với bạn bè, được trao đổi bày tỏ ý kiến của mình và các KNGT trên đã hình thành và phát triển một cách tự nhiên. Tuy vậy, có tới trên 50% học sinh lại cho rằng mình chưa có biểu hiện ở các KNGT như: Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ; Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi; Kỹ năng tự kiểm chế và kiểm tra đối tượng giao tiếp; Kỹ năng thuyết phục đối tượng giao tiếp; Kỹ năng ra quyết định. Các em cho rằng mình ít tham gia vào các hoạt động, khi tham gia các hoạt động các em chỉ thực hiện theo nhiệm vụ mà GVCN, cán bộ lớp giao cho những công việc đã được lập trình sẵn chứ không trực tiếp bàn bạc, thảo luận, đưa ra ý kiến của mình. Ngoài ra, còn có một số học sinh khác lại cho rằng: Việc học các môn văn hóa còn quá nặng và kiểm tra, kiểm định

thường xuyên nên thời gian chủ yếu của các em là dành cho học các môn văn hóa và ít tham gia vào các hoạt động của Đội.

Để đánh giá về nhu cầu của học sinh được phát triển các KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, chúng tôi tiếp tục sử dụng câu hỏi số 5 (phụ lục 1) và thu được kết quả như bảng 2.11.

Bảng 2.5: Thực trạng nhu cầu của HS về phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

(RCT: Rất cần thiết, CT: Cần thiết, ICT: Ít cần thiết, KCT: Không cần thiết)

TT	Các kỹ năng giao tiếp	Mức độ đánh giá							
		RCT		CT		ICT		KCT	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Kỹ năng tiếp xúc, thiết lập mối quan hệ giao tiếp	68	56.7	48	40	4	3.3	0	0
2	Kỹ năng định hướng	50	41.7	58	48.3	12	10	0	0
3	Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ (bằng hành động, cử chỉ...)	51	42.5	56	46.7	13	11	0	0
4	Kỹ năng biết cân bằng nhu cầu của cá nhân và đối tượng giao tiếp	53	44.2	56	46.7	11	9.2	0	0
5	Kỹ năng nghe và biết lắng nghe đối tượng giao tiếp	67	55.8	47	39.2	6	5	0	0
6	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi	66	55	47	39.2	7	5.8	0	0
7	Kỹ năng tự kiểm chế và kiểm tra đối tượng giao tiếp	46	38.3	60	50	14	12	0	0
8	Kỹ năng diễn đạt ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu	70	58.3	47	39.2	3	2.5	0	0
9	Kỹ năng linh hoạt, mềm dẻo trong giao tiếp	49	40.8	61	50.8	10	8.3	0	0
10	Kỹ năng thuyết phục đối tượng giao tiếp	52	43.3	59	49.2	9	7.5	0	0
11	Kỹ năng chủ động điều khiển quá trình giao tiếp	53	44.2	57	47.5	10	8.3	0	0
12	Kỹ năng ra quyết định	54	45	53	44.2	13	11	0	0

Kết quả bảng cho thấy, các kỹ năng 1 và kỹ năng 8 được đánh giá cao nhất với trên 96% HS mong muốn được phát triển, rèn luyện các KNGT này. Đây là KN rất quan trọng đối với các em trong học tập cũng như trong cuộc sống. Thứ hai, học sinh mong muốn được phát triển các kỹ năng nghe và biết lắng nghe đối tượng giao tiếp

và kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi, bởi vì kỹ năng nghe và biết lắng nghe mang lại hiệu quả thiết thực cho học sinh trong học tập, nâng cao kết quả học tập cũng như trong cuộc sống hàng ngày. Mặt khác, với học sinh THCS khi giao tiếp khả năng tự chủ cảm xúc thường hạn chế, các em mong muốn mình cải thiện được điều này để giao tiếp tốt hơn.

Nhìn chung, các em học sinh đều có mong muốn mình được phát triển 12 KNGT ở trên. Các em đã nhận thức rõ được tầm quan trọng của giao tiếp và vấn đề phát triển KNGT của bản thân.

Để đánh giá việc các hoạt động nào của Đội giúp học sinh có thể phát triển các KNGT, chúng tôi tiếp tục sử dụng câu hỏi số 6 (phụ lục 1) và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.6: Thực trạng hình thức hoạt động Đội TNTPHCM giúp phát triển KNGT cho học sinh

(RTX: Rất thường xuyên, TX: Thường xuyên, KTX: Không thường xuyên)

TT	Các hoạt động	Mức độ đánh giá					
		RTX		TX		KTX	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Chơi các trò chơi dân gian các giờ ra chơi	78	65	30	25	12	10
2	Qua các buổi sinh hoạt lớp, chi đội, chào cờ đầu tuần	81	67.5	29	24.2	10	8.3
3	Qua các hoạt động giao lưu giữa các lớp trong trường và qua các buổi giao lưu các câu lạc bộ với trường khác	50	41.5	45	37.5	25	21
4	Thông qua các cuộc thi do Liên đội tổ chức (văn nghệ, thể dục thể thao, nghi thức Đội...)	60	50	55	45.8	5	4.2
5	Qua các buổi sinh hoạt các câu lạc bộ (thể dục thể thao, văn nghệ, câu lạc bộ nghe nói tiếng anh...)	56	46.7	55	45.8	9	7.5
6	Qua các cuộc thi hiểu biết kiến thức xã hội, khóa học, các chuyên đề về tìm hiểu luật phòng chống ma túy, sức khỏe sinh sản, an toàn giao thông do Liên đội tổ chức	40	33.3	52	43.3	28	23.4
7	Các hoạt động trải nghiệm sáng tạo	24	20	24	20	72	60
8	Qua các buổi lao động công ích	23	19.2	31	25.8	66	55
9	Thông qua các buổi đối thoại	26	21.7	33	27.5	61	50.8
10	Qua các buổi tập huấn	15	12.5	29	24.2	76	63.3

Từ bảng trên cho thấy: Có tới trên 90% học sinh cho rằng các em thường xuyên được rèn KNKT qua các hoạt động chơi các trò chơi dân gian các giờ ra chơi; Qua các buổi sinh hoạt lớp, chi đội; Qua các cuộc thi do Liên đội tổ chức; Qua các buổi sinh hoạt các câu lạc bộ. Đây cũng là những hoạt động mà Liên đội các trường thường xuyên tổ chức giúp các em có cơ hội được tiếp xúc để rèn luyện và phát triển các KNKT của bản thân. Trong các hoạt động các em đều được trình bày quan điểm của mình, lắng nghe ý kiến của các bạn khác để đi tới thống nhất chung về phương pháp, cách thức thực hiện các hoạt động...Do vậy nếu các nhà trường tổ chức các hoạt động càng phong phú thì sẽ thu hút được các nhiều học sinh tham gia vào các hoạt động và việc giáo dục phát triển KNKT cho học sinh càng đạt kết quả cao hơn.

Tuy nhiên, học sinh cho rằng các em ít được tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo; Các buổi lao động công ích; Các buổi đối thoại; Các buổi tập huấn (kết quả đánh giá là trên 50%). Như vậy, một lần nữa khẳng định rằng, các trường vẫn chưa chú trọng vào hoạt động giáo dục phát triển KNKT cho học sinh một cách toàn diện bằng nhiều hoạt động khác nhau (ví dụ hoạt động trải nghiệm sáng tạo...) mà chỉ chú trọng tới các hoạt động mang tính thường xuyên của Đội. Do đó chưa kích thích được nhu cầu của học sinh, chưa có những điều mới mẻ, sinh động, dẫn đến sự nhàm chán và học sinh ít có hứng thú tham gia vào các hoạt động.

2.3.2.2. Đánh giá của GV và PHHS về nội dung phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

Việc PHHS tham gia vào các hoạt động giáo dục trong nhà trường sẽ tạo động lực rất lớn trong việc hình thành và phát triển nhân cách của học sinh. Hiện nay cơ bản các trường THCS trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đều có hội PHHS của trường và hội cha mẹ học sinh của lớp. Các hội PHHS đang dần quan tâm nhiều hơn tới các hoạt động giáo dục và hoạt động rất hiệu quả. Còn GVCN là cầu nối giữa nhà trường và PHHS, do vậy để việc giáo dục trong nhà trường có hiệu quả hơn thì sự đóng góp của PHHS là rất to lớn trong các hoạt động, PHHS có thể tham gia cùng nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục, đặc biệt là các hoạt động Đội TNTPHCM.

Chúng tôi tiến hành khảo sát các đồng chí TPT Đội, GVCN và PHHS thông qua phiếu hỏi và kết quả thu được như sau:

Bảng 2.7: Đánh giá của GV và PHHS về biểu hiện các KNGT của học sinh khi tham gia hoạt động Đội TNTPHCM

TT	Các kỹ năng giao tiếp	Đối tượng	Biểu hiện của KNGT			
			Có		Không	
			SL	%	SL	%
1	Kỹ năng tiếp xúc, thiết lập mối quan hệ giao tiếp	Đoàn-Đội	10	62.5	6	37.5
		GVCN	14	58.3	10	41.7
		PHHS	18	60	12	40
2	Kỹ năng định hướng	Đoàn-Đội	5	31.4	11	68.6
		GVCN	8	33.3	16	66.7
		PHHS	12	40	18	60
3	Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ (bằng hành động, cử chỉ...)	Đoàn-Đội	3	23.1	13	76.9
		GVCN	5	20.8	19	79.2
		PHHS	7	23.3	23	76.7
4	Kỹ năng biết cân bằng nhu cầu của cá nhân và đối tượng giao tiếp	Đoàn-Đội	9	56.2	7	43.8
		GVCN	11	45.8	13	54.2
		PHHS	13	43.3	17	56.7
5	Kỹ năng nghe và biết lắng nghe đối tượng giao tiếp	Đoàn-Đội	11	68.6	5	31.4
		GVCN	13	54.2	11	45.8
		PHHS	18	60	12	40
6	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi	Đoàn-Đội	8	50	8	50
		GVCN	10	41.7	14	58.3
		PHHS	12	40	18	60
7	Kỹ năng tự kiểm chế và kiểm tra đối tượng giao tiếp	Đoàn-Đội	5	31.3	11	68.7
		GVCN	7	29.2	17	70.8
		PHHS	9	30	21	70
8	Kỹ năng diễn đạt ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu	Đoàn-Đội	9	56.2	7	43.8
		GVCN	14	58.3	10	41.7
		PHHS	17	56.7	13	43.3
9	Kỹ năng linh hoạt, mềm dẻo trong giao tiếp	Đoàn-Đội	9	56.2	7	43.8
		GVCN	13	54.2	11	45.8
		PHHS	18	60	12	40
10	Kỹ năng thuyết phục đối tượng giao tiếp	Đoàn-Đội	7	43.8	9	56.2
		GVCN	10	41.7	14	58.3
		PHHS	13	43.3	17	56.7
11	Kỹ năng chủ động điều khiển quá trình giao tiếp	Đoàn-Đội	6	37.5	10	62.5
		GVCN	8	33.3	16	66.7
		PHHS	9	30	21	70
12	Kỹ năng ra quyết định	Đoàn-Đội	8	50	8	50
		GVCN	10	41.7	14	58.3
		PHHS	11	57.9	19	42.1

Từ kết quả thu được như trên ta thấy, các lực lượng giáo dục trên cho rằng: HS đều có biểu hiện ở tất cả các KNGT trên. Tuy nhiên, mức độ biểu hiện ở các kỹ năng có khác nhau. Họ cho rằng các kỹ năng mà HS có biểu hiện nhiều nhất là nhóm các kỹ năng: Kỹ năng tiếp xúc, thiết lập mối quan hệ giao tiếp, kỹ năng nghe và biết lắng nghe đối tượng giao tiếp, kỹ năng diễn đạt ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu và kỹ năng linh hoạt, mềm dẻo trong giao tiếp với tỉ lệ đánh giá đều trên 50%. Tiếp theo là nhóm các kỹ năng: Kỹ năng biết cân bằng nhu cầu của cá nhân và đối tượng giao tiếp, kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi, kỹ năng thuyết phục đối tượng giao tiếp và kỹ năng ra quyết định. Các kỹ năng còn lại thì mức độ biểu hiện của học sinh ít hơn. Điều đó cho thấy ở lứa tuổi học sinh THCS thì kỹ năng định hướng trong giao tiếp, kỹ năng tự kiểm chế và kỹ năng ra quyết định trong giao tiếp còn rất hạn chế.

Như vậy, thực trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó phải kể tới kinh nghiệm sống của học sinh, các em còn nhỏ tuổi, còn bỡ ngỡ khi phải thực hiện một nhiệm vụ nào đó, còn hồn nhiên thể hiện bản năng của mình mà chưa có chủ đích...Do đó việc tự chủ cảm xúc, kiểm chế bản thân và việc ra quyết định trong quá trình giao tiếp còn nhiều hạn chế.

Bảng 2.8: Đánh giá của GV và PHHS về các KNGT của HS có thể được phát triển kỹ thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

TT	Các kỹ năng giao tiếp	Đối tượng	Ý kiến đánh giá			
			Có		Không	
			SL	%	SL	%
1	Kỹ năng tiếp xúc, thiết lập mối quan hệ giao tiếp	Đoàn-Đội	15	93.8	1	6.2
		GVCN	22	91.7	2	8.3
		PHHS	28	93.3	2	6.7
2	Kỹ năng định hướng	Đoàn-Đội	13	81.3	3	18.7
		GVCN	21	87.5	3	12.5
		PHHS	26	86.7	4	13.3
3	Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ (bằng hành động, cử chỉ...)	Đoàn-Đội	10	62.5	6	37.5
		GVCN	16	66.7	8	33.3
		PHHS	24	80	6	20
4	Kỹ năng biết cân bằng nhu cầu của cá nhân và đối tượng giao tiếp	Đoàn-Đội	12	75	4	25
		GVCN	20	83.3	4	16.7
		PHHS	27	90	3	10
5	Kỹ năng nghe và biết lắng nghe đối tượng giao tiếp	Đoàn-Đội	14	87.5	2	12.5
		GVCN	21	87.5	3	12.5
		PHHS	26	86.7	4	13.3

TT	Các kỹ năng giao tiếp	Đối tượng	Ý kiến đánh giá			
			Có		Không	
			SL	%	SL	%
6	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi	Đoàn-Đội	12	75	4	25
		GVCN	20	83.3	4	16.7
		PHHS	25	83.3	5	16.7
7	Kỹ năng tự kiểm chế và kiểm tra đối tượng giao tiếp	Đoàn-Đội	12	75	4	25
		GVCN	19	79.2	5	20.8
		PHHS	24	80	6	20
8	Kỹ năng diễn đạt ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu	Đoàn-Đội	15	93.8	1	6.2
		GVCN	22	91.7	2	8.3
		PHHS	28	93.3	2	6.7
9	Kỹ năng linh hoạt, mềm dẻo trong giao tiếp	Đoàn-Đội	15	93.8	1	6.2
		GVCN	21	87.5	3	12.5
		PHHS	28	93.3	2	6.7
10	Kỹ năng thuyết phục đối tượng giao tiếp	Đoàn-Đội	14	87.5	2	12.5
		GVCN	22	91.7	2	8.3
		PHHS	27	90	3	10
11	Kỹ năng chủ động điều khiển quá trình giao tiếp	Đoàn-Đội	15	93.8	1	6.2
		GVCN	22	91.7	2	8.3
		PHHS	28	93.3	2	6.7
12	Kỹ năng ra quyết định	Đoàn-Đội	13	81.3	3	18.7
		GVCN	21	87.5	3	12.5
		PHHS	24	80	6	20

Từ kết quả trên kết hợp với phỏng vấn cán bộ Đoàn-Đội, GVCN, PHHS của các trường chúng tôi có nhận xét như sau:

Đa số cán bộ Đoàn-Đội, GVCN, PHHS đều đánh giá rất cao việc học sinh có thể phát triển được các KNGT trên thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Các kỹ năng mà học sinh có thể phát triển ở mức cao (đều được đánh giá ở mức trên 85%) là: Kỹ năng tiếp xúc, thiết lập mối quan hệ giao tiếp; Kỹ năng diễn đạt ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu; Kỹ năng linh hoạt, mềm dẻo trong giao tiếp. Họ cho rằng, tuy các em ít có biểu hiện ở một số các kỹ năng như: Kỹ năng ra quyết định, kỹ năng định hướng...nhưng nếu các hoạt động Đội tổ chức sinh động, tạo ra nhiều sự mới mẻ, tạo hứng thú cho học sinh và thu hút học sinh vào các hoạt động thì sẽ có đủ các điều kiện về môi trường để các em có thể phát triển các kỹ năng giao tiếp của mình.

Ngoài ra, để đánh giá mức độ được rèn luyện và phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Chúng tôi cũng tiến hành khảo sát ý kiến của các cán bộ Đoàn-Đội, GVCN, PHHS với câu hỏi số 5 (phụ lục 2) cụ thể như sau:

Bảng 2.9: Thực trạng mức độ rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp của HS THCS thông hoạt động Đội TNTPHCM

(RTX: Rất thường xuyên, TX: Thường xuyên, KTX: Không thường xuyên)

TT	Các hoạt động	Đối tượng	Mức độ đánh giá					
			RTX		TX		KTX	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Chơi các trò chơi dân gian các giờ ra chơi	Đoàn-Đội	4	25	9	56.3	3	18.7
		GVCN	10	41.7	11	45.8	3	12.5
		PHHS	8	26.7	17	56.7	5	16.6
2	Qua các buổi sinh hoạt lớp, chi đội, chào cờ đầu tuần	Đoàn-Đội	3	18.8	10	62.4	3	18.8
		GVCN	4	16.7	18	75	2	8.3
		PHHS	3	10	26	86.7	1	3.3
3	Qua các hoạt động giao lưu giữa các lớp	Đoàn-Đội	3	18.8	9	56.2	4	25
		GVCN	3	12.5	18	75	3	12.5
		PHHS	8	26.7	20	66.6	2	6.7
4	Thông qua các cuộc thi do Liên đội tổ chức (văn nghệ, thể dục thể thao...)	Đoàn-Đội	7	43.8	9	56.2	0	0
		GVCN	9	37.5	13	54.2	2	8.3
		PHHS	4	13.3	26	86.7	0	0
5	Qua các buổi sinh hoạt các câu lạc bộ (thể dục thể thao, văn nghệ, câu lạc bộ nghe nói tiếng anh...)	Đoàn-Đội	8	50	8	50	0	0
		GVCN	9	37.5	15	62.5	0	0
		PHHS	14	46.7	16	53.3	0	0
6	Qua các chuyên đề về tìm hiểu luật phòng chống ma túy, sức khỏe sinh sản, an toàn giao thông do Liên đội tổ chức	Đoàn-Đội	1	6.2	8	50	7	43.8
		GVCN	2	8.3	10	41.7	12	50
		PHHS	3	10	17	56.7	10	33.3
7	Thông qua các buổi đối thoại	Đoàn-Đội	0	0	10	62.5	6	37.5
		GVCN	0	0	12	50	12	50
		PHHS	0	0	23	76.7	7	23.3
8	Qua các buổi giao lưu các câu lạc bộ với trường khác	Đoàn-Đội	1	6.2	11	68.8	4	25
		GVCN	5	20.8	16	66.7	3	12.5
		PHHS	6	20	22	73.3	2	6.7
9	Qua các buổi tập huấn	Đoàn-Đội	0	0	8	50	8	50
		GVCN	0	0	13	54.2	11	45.8
		PHHS	1	3.3	18	60	11	36.7

Từ kết quả trên cho thấy: cán bộ Đoàn-Đội, GVCN, PHHS đánh giá rất cao việc giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua các hoạt động của Đội, có trên 80% đánh giá các hoạt động chơi các trò chơi dân gian, các buổi sinh hoạt lớp, các hoạt động giao lưu, các buổi sinh hoạt câu lạc bộ giúp các em phát triển KNGT. Tuy nhiên, còn một số hoạt động mà cán bộ Đoàn-Đội, GVCN, PHHS đánh giá thấp như việc phát triển KNGT cho học sinh còn hạn chế ở các hoạt động như thông qua các buổi đối thoại, các buổi sinh hoạt chuyên đề và các buổi tập huấn. Họ cho rằng các hoạt động trên chủ yếu mang tính tuyên truyền theo hướng một chiều chứ chưa có sự tác động qua lại giữa các đối tượng với nhau, HS ít được trao đổi, thảo luận và nêu quan điểm của bản thân. Thậm chí các hoạt động trên các nhà trường còn xem nhẹ và ít tổ chức hoạt động.

2.3.2.3. Đánh giá của CBQL về nội dung phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

Để đánh giá về biểu hiện của các KNGT được phát triển kỹ năng ở học sinh khi tham gia các hoạt động Đội TNTPHCM, chúng tôi tiến hành khảo sát 20 đồng chí CBQL của các trường THCS trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang bằng câu hỏi 3 (phụ lục 02) thu được kết quả như sau:

Bảng 2.10: Đánh giá của CBQL về biểu hiện của KNGT được phát triển ở học sinh khi tham gia hoạt động Đội TNTPHCM

TT	Các kỹ năng giao tiếp	Biểu hiện của KNGT			
		Có		Không	
		SL	%	SL	%
1	Kỹ năng tiếp xúc, thiết lập mối quan hệ giao tiếp	15	75	5	25
2	Kỹ năng định hướng	4	20	16	80
3	Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ (bằng hành động, cử chỉ...)	2	10	18	90
4	Kỹ năng biết cân bằng nhu cầu của cá nhân và đối tượng giao tiếp	6	30	14	70
5	Kỹ năng nghe và biết lắng nghe đối tượng giao tiếp	8	40	12	60
6	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi	7	35	13	65
7	Kỹ năng tự kiểm chế và kiểm tra đối tượng giao tiếp	8	40	12	60
8	Kỹ năng diễn đạt ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu	16	80	4	20
9	Kỹ năng linh hoạt, mềm dẻo trong giao tiếp	13	65	7	35
10	Kỹ năng thuyết phục đối tượng giao tiếp	12	60	8	40
11	Kỹ năng chủ động điều khiển quá trình giao tiếp	7	35	13	65
12	Kỹ năng ra quyết định	6	30	14	70

Từ kết quả trên cho thấy, có 80% HS có biểu hiện ở kỹ năng diễn đạt ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu, có 75% HS có biểu hiện ở kỹ năng tiếp xúc, thiết lập mối quan hệ giao tiếp khi tham gia hoạt động Đội TNTPHCM. Từ đây các CBQL có thể nhận thấy được rằng hai kỹ năng trên học sinh dễ biểu hiện nhất khi tham gia hoạt động Đội TNTPHCM. Đây cũng là các kỹ năng quan trọng nhất đối với học sinh giúp học sinh có thể hòa nhập với cuộc sống cộng đồng, giúp học sinh tự chủ trong quá trình học tập cũng như trong cuộc sống. Tiếp theo có 65% HS biểu hiện ở kỹ năng linh hoạt mềm dẻo trong giao tiếp và có 60% HS biểu hiện ở kỹ năng thuyết phục đối tượng giao tiếp. Các kỹ năng còn lại thì theo các CBQL thì biểu hiện chưa nhiều, đây cũng là điều dễ hiểu bởi vì với đối tượng là học sinh THCS thì biểu hiện các KNGT như: kỹ năng định hướng, KNGT phi ngôn ngữ, Kỹ năng biết cân bằng nhu cầu của cá nhân và đối tượng giao tiếp, Kỹ năng ra quyết định...còn chưa cao, chưa thể hiện rõ những năng lực của bản thân, chưa chủ động trong quá trình giao tiếp mà chủ yếu là thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động đã được xây dựng trên nền tảng có sẵn mà học sinh chỉ có nhiệm vụ thực hiện theo.

Để đánh giá được nội dung những KNGT nào được phát triển ở học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, chúng tôi tiếp tục sử dụng câu hỏi 4 (phụ lục 2) và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.11: Đánh giá của CBQL về các KNGT của học sinh có thể được phát triển thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

TT	Các kỹ năng giao tiếp	Ý kiến của CBQL			
		Có		Không	
		SL	%	SL	%
1	Kỹ năng tiếp xúc, thiết lập mối quan hệ giao tiếp	18	90	2	10
2	Kỹ năng định hướng	16	80	4	20
3	Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ (bằng hành động, cử chỉ...)	4	20	16	80
4	Kỹ năng biết cân bằng nhu cầu của cá nhân và đối tượng giao tiếp	16	80	4	20
5	Kỹ năng nghe và biết lắng nghe đối tượng giao tiếp	16	80	4	20
6	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi	14	70	6	30
7	Kỹ năng tự kiểm chế và kiểm tra đối tượng giao tiếp	14	70	6	30
8	Kỹ năng diễn đạt ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu	17	85	3	15
9	Kỹ năng linh hoạt, mềm dẻo trong giao tiếp	16	80	4	20
10	Kỹ năng thuyết phục đối tượng giao tiếp	12	60	8	40
11	Kỹ năng chủ động điều khiển quá trình giao tiếp	18	90	2	10
12	Kỹ năng ra quyết định	18	90	2	10

Từ bảng kết quả trên cho thấy: Chỉ có 20% CBQL cho rằng học sinh có thể phát triển được kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ, còn lại phần lớn các CBQL đều cho rằng học sinh có thể phát triển được tất cả các KNGT ở trên, thể hiện ở việc các CBQL đánh giá rất cao việc học sinh có thể phát triển được toàn bộ các KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM với tỉ lệ trên 70% ở các kỹ năng còn lại. Như vậy phần lớn các CBQL đều cho rằng học sinh có thể phát triển được tất cả các KNGT ở trên. Qua đây cũng thể hiện rõ vai trò và ưu thế của đội TNTPHCM trong việc giáo dục phát triển KNGT cho học sinh THCS. Việc phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM cũng được các CBQL rất chú trọng và thực hiện.

Để đánh giá mức độ được rèn luyện và phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Chúng tôi cũng tiến hành khảo sát các CBQL với câu hỏi số 5 (phụ lục 2) cụ thể như sau:

Bảng 2.12: Thực trạng mức độ rèn luyện và phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

(RTX: Rất thường xuyên, TX: Thường xuyên, KTX: Không thường xuyên)

TT	Các hoạt động	Mức độ đánh giá					
		RTX		TX		KTX	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Chơi các trò chơi dân gian các giờ ra chơi	3	15	11	55	6	30
2	Qua các buổi sinh hoạt lớp, chi đội, chào cờ đầu tuần	2	10	12	60	6	30
3	Qua các hoạt động giao lưu giữa các lớp	1	5	11	55	8	40
4	Thông qua các cuộc thi do Liên đội tổ chức (văn nghệ, thể dục thể thao...)	5	25	14	70	1	5
5	Qua các buổi sinh hoạt các câu lạc bộ (thể dục thể thao, văn nghệ, câu lạc bộ nghe nói tiếng anh...)	7	35	13	65	0	0
6	Qua các chuyên đề về tìm hiểu luật phòng chống ma túy, sức khỏe sinh sản, an toàn giao thông do Liên đội tổ chức	2	10	9	45	9	45
7	Thông qua các buổi đối thoại	1	5	11	55	8	40
8	Qua các buổi giao lưu các câu lạc bộ với trường khác	3	15	16	80	1	5
9	Qua các buổi tập huấn	1	5	10	50	9	45

Qua khảo sát cho thấy, có trên 50% CBQL cho rằng học sinh được rèn luyện và phát triển KNGT thường xuyên qua các hoạt động chơi các trò chơi dân gian các giờ ra chơi, qua các buổi sinh hoạt lớp, chi đội, qua các cuộc thi do Liên đội tổ chức, qua các buổi sinh hoạt các câu lạc bộ và qua các buổi giao lưu các câu lạc bộ với các lớp, các trường khác. Tuy nhiên, có trên 40% các CBQL đánh giá việc học sinh không được rèn luyện và phát triển KNGT thông qua các buổi đối thoại, các buổi tập huấn, qua các hoạt động giao lưu giữa các lớp và các buổi sinh hoạt chuyên đề. Nguyên nhân là các nhà trường ít tổ chức các hoạt động trên do không đảm bảo thời gian thực hiện.

Từ kết quả trên cho thấy, việc quan tâm đến việc phát triển phát triển KNGT cho học sinh còn nhiều hạn chế và mức độ quan tâm chưa cao. Các trường mới chỉ chú trọng tổ chức các hoạt động theo chủ đề, chủ điểm và các hoạt động mang tính thường xuyên của Đội, chứ chưa chú trọng tới các hoạt động khác cũng rất quan trọng trong việc phát triển phát triển KNGT cho học sinh như: Thông qua các buổi đối thoại, tập huấn... học sinh được tiếp nhận các thông tin quan trọng từ đó có thể trao đổi, rút kinh nghiệm tạo cho các em phát triển thêm các kỹ năng sống, đặc biệt là KNGT. Qua đây cũng thấy rằng các CBQL cũng chưa quan tâm đầu tư và tổ chức nhiều các hoạt động của Đội, thường phó mặc cho TPT Đội tổ chức các hoạt động dẫn đến các hoạt động Đội vẫn còn mang tính hình thức, thiếu sinh động và đa dạng.

2.4. Thực trạng quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTP HCM

2.4.1. Thực trạng công tác lập kế hoạch hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS

Hiệu trưởng nhà trường là người xây dựng kế hoạch chung của toàn trường và duyệt các kế hoạch của TPT Đội, GVCN dựa trên kế hoạch của nhà trường, là những người nắm rõ nhất, tổng quát nhất các hoạt động của nhà trường. Để đánh giá được thực trạng công tác lập kế hoạch quản lý phát triển KNGT cho học sinh, chúng tôi sử dụng câu hỏi số 10 (phụ lục 2) và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.13: Thực trạng lập kế hoạch quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

TT	Các loại kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM	Mức độ thực hiện							
		Tốt		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Kế hoạch cả năm về hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.	3	15	5	25	12	60	0	0
2	Kế hoạch hàng tháng theo các chủ điểm, kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, các hoạt động ngoại khóa...	1	5	6	30	13	65	0	0
3	Kế hoạch thực hiện nội dung, chương trình, quá trình và các điều kiện hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.	0	0	5	25	8	40	7	35
4	Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ lòng cốt tham gia hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM	1	5	3	15	12	60	4	20
5	Kế hoạch phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia...			12	60	6	30	2	10
6	Kế hoạch kiểm tra đánh giá thực hiện kế hoạch...	2	10	8	40	10	50	0	0

Từ kết quả trên cho thấy:

Nội dung 1: Không có CBQL nào đánh giá đánh giá loại yếu, tỉ lệ đánh giá từ trung bình trở lên là 100%. Các CBQL cho rằng từ đầu năm học, hiệu trưởng thường tổ chức buổi duyệt kế hoạch của các mảng hoạt động, trong đó có hoạt động giáo dục KNGT cho học sinh. Tuy nhiên, việc duyệt này diễn ra cũng khá nhanh, thường thì hiệu trưởng xem qua, rồi ký, không hỏi nhiều về nội dung, hình thức hoạt động và biện pháp thực hiện. Điều đó khá hợp lí vì có tới 60% CBQL đánh giá nội dung này là TB.

Nội dung 2: Các CBQL đều đánh giá nội dung này có tỉ lệ trung bình là khá cao 65%. Họ nhận định, do khâu quản lý xây dựng kế hoạch còn chung chung, không cụ thể, thì khâu quản lý triển khai kế hoạch hoạt động cho HS toàn trường đương nhiên sẽ sơ sài. BGH chủ yếu xem nội dung hoạt động đó, ít khi để ý xem là hoạt động đó có đúng theo kế hoạch không và kế hoạch chỉ thể hiện việc điểm các công việc dự kiến diễn ra chứ chưa chú trọng tới phát triển các KNGT cho học sinh. Tuy nhiên cũng có 35% CBQL đánh giá ở mức khá, tốt chứng tỏ cũng có một bộ phận các

CBQL chú trọng tới rèn các kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là KNGT chứ không đơn thuần chỉ xác định mục tiêu để HS đạt được những kiến thức khoa học và rèn luyện đạo đức.

Nội dung 3: Đối với nội dung này có tới 35% CBQL đánh giá mức yếu, 40% CBQL đánh giá mức trung bình và chỉ có 25% CBQL đánh giá mức khá. Điều đó thể hiện việc xây dựng kế hoạch còn rất sơ sài, chưa có nội dung, chương trình cụ thể chi tiết và đội ngũ CBQL, giáo viên vẫn chưa quan tâm nhiều đến hoạt động này. Theo phỏng vấn một số CBQL thì họ cho rằng: Hiện nay, các nhà trường chủ yếu chú trọng tới việc dạy kiến thức cho học sinh, trang bị kiến thức cho HS để đạt được mục tiêu học sinh thi đỗ vào các trường THPT, còn việc rèn các kỹ năng sống cho HS (đặc biệt là KNGT) đã có sự quan tâm nhưng chưa nhiều.

Nội dung 4: Có 60% CBQL đánh giá việc lập kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ giáo viên làm nòng cốt cho các hoạt động phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ở mức trung bình. Các CBQL cho rằng việc hầu hết CBQL, GV đều chưa được tập huấn mà chỉ làm theo kinh nghiệm của bản thân và chủ yếu là giao cho cán bộ Đoàn-Đội và GVCN. Như vậy việc lập kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ nòng cốt tham gia các hoạt động rèn KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM còn thấp và chưa được chú trọng nhiều.

Nội dung 5: Từ bảng trên ta thấy, có 30% CBQL đánh giá việc phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường cùng tham gia hoạt động phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ở mức trung bình và có 60% CBQL đánh giá là khá, còn lại đánh giá là yếu.

Nội dung 6: Từ bảng trên cho thấy, tất cả đều lập kế hoạch kiểm tra đánh giá. Tuy nhiên, tất cả đều chưa xây dựng tiêu chí kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Việc kiểm tra việc thực hiện chưa thường xuyên, mà chủ yếu là các hoạt động về chuyên môn.

Từ kết quả đánh giá các nội dung trên chúng tôi có nhận xét như sau: Các CBQL các nhà trường đã xây dựng kế hoạch quản lý phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM lồng ghép với kế hoạch năm học, kế hoạch xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, kế hoạch giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh...Tuy nhiên, việc xây dựng kế hoạch còn chung chung, chưa cụ thể và thống nhất các nội dung hoạt động, thể hiện ở việc CBQL đánh giá mức độ trung bình cho các nội dung là khá cao. Điều này chứng tỏ các CBQL chưa thực sự quan tâm,

chưa vào cuộc với hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

2.4.2. Thực trạng công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

Kế hoạch là công cụ chủ yếu để các CBQL quản lý, chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các hoạt động của nhà trường, đồng thời nó là căn cứ để TPT Đội, GVCN xây dựng và triển khai các hoạt động của nội dung mình phụ trách trong Liên đội và lớp chủ nhiệm. Do vậy việc thực hiện kế hoạch hoạt động của TPT Đội và GVCN là rất cần thiết. Để chỉ đạo tốt TPT Đội, GVCN và các lực lượng tham gia vào hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, chúng tôi tiến hành khảo sát các CBQL, GV với nội dung câu hỏi số 11 (phụ lục 2) và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.14: Thực trạng công tác tổ chức chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch hoạt động Đội TNTPHCM để phát triển KNGT cho học sinh

TT	Tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM	Mức độ thực hiện							
		Tốt		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Xác định nội dung, chương trình, quá trình và các điều kiện tổ chức hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM	3	15	5	25	11	55	1	5
2	Thành lập Ban chỉ đạo hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM	3	15	4	20	7	35	6	30
3	Xây dựng quy chế và triển khai đến các bộ phận	4	20	3	15	6	30	7	35
4	Giám sát các hoạt động của Đội TNTPHCM	4	20	4	20	8	40	4	20
5	Huy động các nguồn lực tham gia	2	10	5	25	7	35	6	30

Về thực trạng tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch qua bảng trên cho thấy: Việc tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển KNGT cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM tại các nhà trường chưa được thực hiện tốt. Các nhà trường mới chỉ thực hiện tương đối có hiệu quả ở việc xác định nội dung, chương trình và điều kiện tổ chức, chỉ có 5% CBQL đánh giá yếu. Các nội dung còn lại đều đánh giá ở mức trung

bình và thấp chiếm tỉ lệ cao, như: Thành lập ban chỉ đạo hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM (có 30 % CBQL đánh giá yếu); Xây dựng quy chế và triển khai (có 35 % CBQL đánh giá yếu); Huy động các nguồn lực tham gia (có 30 % CBQL đánh giá yếu). Như vậy, việc giáo dục phát triển KNGT cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM vẫn được xem nhẹ và mức độ quan tâm tới hoạt động này ở các nhà trường trên địa bàn còn chưa cao, chưa chú trọng đầu tư cho sự phát triển toàn diện của học sinh.

2.4.3. Thực trạng về việc quản lý các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS

Để đánh giá về việc quản lý các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh. Chúng tôi điều tra các cán bộ Đoàn - Đội và GVCN với câu hỏi số 8 (phụ lục 2) và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.15: Thực trạng quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

TT	Nội dung	Đối tượng	Mức độ thực hiện							
			Tốt		Khá		TB		Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Việc sử dụng các phòng chức năng, nhà đa năng, sân chơi bãi tập phục vụ cho các hoạt động giáo dục phát triển KNGT	Đoàn-Đội	2	12.5	6	37.5	8	50	0	0
		GVCN	4	16.7	8	33.3	12	50	0	0
2	Việc sử dụng các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động giáo dục phát triển KNGT	Đoàn-Đội	4	25	8	50	4	25	0	0
		GVCN	5	20.8	10	41.7	9	37.5	0	0
3	Việc đầu tư bổ sung các trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục phát triển KNGT	Đoàn-Đội	3	18.8	6	37.5	7	43.7	0	0
		GVCN	3	12.5	12	50	9	37.5	0	0
4	Kinh phí dành cho tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về tổ chức hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho giáo viên	Đoàn-Đội	1	6.25	3	18.8	7	43.7	5	31.3
		GVCN	0	0	7	29.2	10	41.6	7	29.2
5	Kinh phí dành cho việc bồi dưỡng năng lực công tác Đội, hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho cán bộ lớp	Đoàn-Đội	1	6.2	4	25	8	50	3	18.8
		GVCN	0	0	4	16.7	14	58.3	6	25
6	Kinh phí dành cho các hoạt động của các câu lạc bộ và sinh hoạt chuyên đề	Đoàn-Đội	1	6.4	5	31.2	5	31.2	5	31.2
		GVCN	0	0	4	16.7	14	58.3	6	25
7	Huy động các nguồn kinh phí cho hoạt động giáo dục phát triển KNGT	Đoàn-Đội	0	0	4	25	8	50	4	25
		GVCN	0	0	5	20.8	13	54.2	6	25

Bảng số liệu cho thấy: Có tới trên 50% cán bộ Đoàn - Đội, GVCN đánh giá cao việc sử dụng các phòng chức năng, nhà đa năng, sân chơi bãi tập để phục vụ cho các hoạt động giáo dục phát triển KNGT; Việc sử dụng các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động giáo dục phát triển KNGT; Việc đầu tư bổ sung các trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục phát triển KNGT. Qua đây cho thấy về cơ bản các CBQL các nhà trường đã đầu tư kinh phí và tạo điều kiện tốt cho các hoạt động của Đội nhằm phát triển KNGT cho học sinh. Tuy nhiên, có tới trên 60% cán bộ Đoàn - Đội, GVCN đánh giá chưa cao ở các nội dung 4; 5; 6; 7. Qua trao đổi với TPT Đội và GVCN thì được biết hầu như nhà trường không có kinh phí dành cho các hoạt động câu lạc bộ, việc đầu tư kinh phí để tập huấn nâng cao trình độ cho TPT Đội, cán bộ lớp...còn rất hạn chế và chưa được quan tâm đúng mức.

2.4.4. Thực trạng phối hợp chỉ đạo các lực lượng giáo dục tham gia tổ chức hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh

Để đánh giá thực trạng sự phối kết hợp chỉ đạo các lực lượng giáo dục tham gia tổ chức hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh. Chúng tôi sử dụng câu hỏi số 9 (phụ lục 2) và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.16: Thực trạng phối hợp chỉ đạo các lực lượng giáo dục tham gia tổ chức hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh

TT	Nội dung	Đối tượng	Mức độ thực hiện							
			Tốt		Khá		TB		Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Phối kết giữa Đội với GVCN	Đoàn-Đội	3	18.8	4	25	9	56.3	0	0
		GVCN	5	20.8	4	16.7	15	62.5	0	0
2	Phối kết giữa GVCN với Ban đại diện cha mẹ học sinh	Đoàn-Đội	2	12.5	2	12.5	12	75	0	0
		GVCN	3	12.5	5	20.8	16	66.7	0	0
3	Phối kết giữa GVCN với giáo viên bộ môn	Đoàn-Đội	1	6.2	4	25	11	68.8	0	0
		GVCN	2	8.3	6	25	16	66.7	0	0
4	Phối kết giữa Đội với cấp trên	Đoàn-Đội	5	31.3	4	25	7	43.8	0	0
		GVCN	5	20.8	7	29.2	12	50	0	0
5	Nhà trường với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường	Đoàn-Đội	3	18.8	2	12.5	11	68.8	0	0
		GVCN	2	8.3	6	25	16	66.7	0	0

Kết quả điều tra cho thấy:

- Nội dung 1: GVCN, cán bộ Đoàn-Đội đánh giá công tác quản lý việc phối hợp giữa TPT Đội với GVCN là không cao (56.3% cán bộ Đoàn-Đội, 62.5% GVCN đánh giá mức trung bình), nhiều hoạt động giáo dục phát triển KNGT được tổ chức nhưng sự quán triệt công việc, quán triệt sự phối kết hợp của các lực lượng tham gia (TPT đội với GVCN) đều không được quan tâm đúng mức.

- Với nội dung 2: BGH (cụ thể là hiệu trưởng) thường giao cho GVCN chủ động liên hệ, phối hợp với PHHS khi cần thiết (trước các khi tổ chức các hoạt động Đội, ...), thực chất hiệu trưởng cũng không nắm được sự quan hệ qua lại giữa GVCN và PHHS trong giải quyết công việc là diễn ra bao nhiêu lần/tháng, giải quyết những công việc gì...Cho nên, chỉ có 25% cán bộ Đoàn-Đội và 33.3% GVCN đánh giá nội dung này là khá tốt.

- Nội dung 3: Sự phối kết giữa GVCN với giáo viên bộ môn cũng được đánh giá không cao. Giáo viên bộ môn thường chỉ tập chung vào chất lượng bộ môn mình phụ trách chứ ít quan tâm phối hợp với GVCN để cùng triển khai các hoạt động giáo dục khác (có tới trên 65% cán bộ Đoàn-Đội, GVCN đánh giá trung bình)

- Nội dung 4 và 5, quản lý việc phối hợp với lực lượng khác như đoàn xã, công an xã, y tế xã...và cấp trên; đây là hoạt động cần thiết trong suốt quá trình thực hiện hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh, tuy nhiên theo điều tra, công tác quản lý hoạt động này chưa được BGH thực hiện đúng mức. Cơ bản hiệu trưởng vẫn còn ủy quyền cho TPT đội, trong khi đó rất cần sự quan tâm quản lý của BGH. Ví dụ phối hợp với công an xã trong việc tổ chức hoạt động giáo dục an toàn giao thông, phòng chống ma túy...từ đó giúp học sinh phát triển các kỹ năng đặc biệt là KNGT. Do đó, tỉ lệ đánh giá mức trung bình đối với việc quản lý 2 nội dung này là trên 50%, thậm chí là 70%.

2.4.5. Công tác kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

Để lấy ý kiến của CBQL về thực trạng công tác kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ở các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang chúng tôi sử dụng câu hỏi số 12 (phụ lục 2) và thu được kết quả sau:

Bảng 2.17: Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

TT	Công việc cần làm	Mức độ thực hiện							
		Tốt		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá về hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.	1	5	5	25	11	55	3	15
2	Quản lý việc thực hiện kế hoạch kiểm tra đánh giá....	1	5	4	20	10	50	5	25
3	Xây dựng lực lượng kiểm tra đánh giá về hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.	1	5	10	50	8	40	1	5
4	Kiểm tra, giám sát thường xuyên, hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng.	2	10	7	35	9	45	2	10
5	Kiểm tra định kỳ về việc thực hiện kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.	2	10	7	35	9	45	2	10
6	Kiểm tra đột xuất về việc thực hiện kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.	1	5	6	30	10	50	3	15
7	Kiểm tra công tác phối hợp giữa các lực lượng vào hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.	3	15	9	45	8	40	0	0
8	Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.	1	15	5	25	11	55	3	15
9	Đánh giá kết quả phát triển KNGT thông qua kết quả rèn luyện	4	20	9	45	7	35	0	0

Từ kết quả trên ta thấy: Công tác quản lý kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM của hiệu trưởng được đánh giá ở mức khá và tốt có tỷ lệ cao nhất là ở nội dung 9, chiếm 65%, tiếp đó là nội dung 7, chiếm tỷ lệ 60%, sau đó là nội dung 3, chiếm tỷ lệ 55% ; các nội dung còn lại chủ yếu được đánh giá ở mức trung bình.

Hiệu trưởng đã xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá cho hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM lồng ghép trong kế hoạch kiểm tra nội bộ của trường; đã quan tâm đến việc xây dựng lực lượng kiểm tra; việc đánh giá kết quả thực hiện hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM chủ yếu dựa trên kết quả rèn luyện của HS (thể hiện qua việc học sinh, lớp đạt giải trong các cuộc thi do Liên đội... tổ chức). Có kế hoạch kiểm tra nhưng chưa quan tâm việc tổ chức và chỉ đạo thực hiện, việc kiểm tra của các lực lượng dưới quyền thực hiện chưa thường xuyên, chỉ mang tính hình thức, đối phó; chưa gắn kết quả giáo dục KNGT vào việc đánh giá giáo viên cũng như trong công tác thi đua, khen thưởng, chưa thực sự thúc đẩy học sinh tham gia giáo dục KNGT cho HS. Điều đó nói lên rằng công tác quản lý kiểm tra đánh giá về kết quả hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM chưa được quan tâm thực hiện, việc đánh giá chưa thực chất, còn mang tính hình thức. Đây là khâu yếu nhất trong các nội dung quản lý hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM cần được quan tâm điều chỉnh trong thời gian tới.

2.4.6. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS

Để tìm hiểu thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh THCS. Chúng tôi đã khảo sát các CBQL, cán bộ Đoàn - Đội và GVCN thông qua câu hỏi số 7 (phụ lục 2) và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.18: Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM

(RAH: Ảnh hưởng; AH: Ảnh hưởng; IAH: Ít ảnh hưởng; KAH: Không ảnh hưởng)

TT	Các yếu tố ảnh hưởng	Đối tượng	Mức độ đánh giá							
			RAH		AH		IAH		KAH	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Điều kiện tổ chức các hoạt động Đội (Cơ sở vật chất, trang thiết bị...)	CBQL	6	30	4	20	6	30	4	20
		Đoàn-Đội	6	37.5	4	25	4	25	2	12.5
		GVCN	5	20.8	10	41.7	7	29.2	2	8.3
2	Năng lực tổ chức của TPT Đội	CBQL	10	50	8	40	2	10	0	0
		Đoàn-Đội	9	56.3	7	43.7	0	0	0	0
		GVCN	15	62.5	7	29.2	2	8.3	0	0
3	Năng lực của GVCN	CBQL	5	25	13	65	2	10	0	0
		Đoàn-Đội	6	37.5	10	62.5	0	0	0	0
		GVCN	20	83.3	4	16.7	0	0	0	0
4	Sự tham gia của các giáo viên bộ môn	CBQL	2	10	5	25	10	50	3	15
		Đoàn-Đội	3	18.8	6	37.5	7	43.7	0	0
		GVCN	3	12.5	9	37.5	10	41.7	2	8.3
5	Sự quan tâm tạo điều kiện của nhà trường	CBQL	12	60	7	35	1	5	0	0
		Đoàn-Đội	10	62.5	6	37.5	0	0	0	0
		GVCN	14	58.4	8	33.3	2	8.3	0	0
6	Tính tích cực của học sinh	CBQL	13	65	6	30	1	5	0	0
		Đoàn-Đội	10	62.5	5	31.3	1	6.2	0	0
		GVCN	14	58.3	8	33.4	2	8.3	0	0

Kết quả trên cho thấy: Có tới trên 90% CBQL, cán bộ Đoàn, TPT Đội, GVCN cho rằng, những yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển KNGT của học sinh là do: Năng lực tổ chức của TPT Đội, năng lực của GVCN, sự quan tâm tạo điều kiện của nhà trường, tính tích cực của học sinh. Các yếu tố còn lại được đánh giá ở mức ít ảnh hưởng hơn. Điều đó thể hiện được rằng: Nếu có sự quan tâm tạo điều kiện của nhà trường sẽ tạo ra được môi trường phong phú và đa dạng để giáo dục phát triển các

KNGT của học sinh. Nếu TPT Đội, GVCN có năng lực chỉ đạo, tổ chức các hoạt động sẽ giúp học sinh có cơ hội thể hiện khả năng của mình trước bạn bè, trước tập thể đám đông và đặc biệt nếu học sinh tích cực tham gia các hoạt động sẽ giúp các em ngày càng hoàn thiện bản thân, tạo dựng được niềm tin trong cuộc sống, chủ động được các hành vi, chuẩn bị tốt hành trang sự nghiệp phía trước.

2.5. Đánh giá chung về thực trạng

2.5.1. Những điểm mạnh

Đội ngũ CBQL, cán bộ TPT đội và GVCN các trường các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã có nhận thức tương đối đầy đủ về vị trí, vai trò của hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Đội ngũ GV các nhà trường phần lớn còn trẻ, giàu nhiệt huyết. HS các nhà trường cơ bản là ngoan, có ý thức tổ chức kỷ luật, nhiệt tình tham gia các hoạt động tập thể, năng động, sáng tạo, có ý chí vươn lên trong học tập và rèn luyện. Các nhà trường đã có sự quan tâm tới việc lập kế hoạch, triển khai kế hoạch hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM theo năm học, từng tháng, từng tuần và chỉ đạo thực hiện hoạt động này trong từng năm học. Công tác quản lý hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ở các trường các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang dù biểu hiện ở các sắc thái và mức độ khác nhau, song cũng đều đã có tác dụng tạo động lực cho chất lượng và hiệu quả của mỗi nhà trường, của hệ thống các trường các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nói riêng và ngành GD&ĐT Bắc Giang nói chung.

2.5.2. Những điểm còn hạn chế

Cơ bản các trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ngay từ đầu năm học, song việc triển khai kế hoạch tới các bộ phận, các cá nhân chưa tốt. Một số trường hiệu trưởng còn phân công TPT đội xây dựng kế hoạch hoạt động, hiệu trưởng chỉ ký duyệt cho đủ thủ tục mà không xem kỹ, sau đó kế hoạch được triển khai theo tháng tới GV, GVCN mà không qua sự bàn bạc, thống nhất.

Các trường THCS huyện Hiệp Hòa rất chú trọng đến công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, ôn thi tuyển sinh vào lớp 10, nên hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM còn bị xem nhẹ.

Các hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM cứ lặp đi lặp lại năm này qua năm khác, từ giờ chào cờ đầu tuần, giờ sinh hoạt lớp, đến các hoạt động tập trung như: Kỉ niệm ngày 20/11, 22/12, 26/3..., tiến trình, nội dung của các hoạt động này lặp đi, lặp lại, không có đột phá dẫn đến nhàm chán, học sinh không có hứng thú tham gia.

Ở một số trường GVCN lơ là với hoạt động này, những buổi sinh hoạt tập thể, múa hát, chơi trò chơi dân gian giờ ra chơi phần lớn là TPT đội điều hành, GVCN vẫn ngồi trong văn phòng, mặc nhiên phó thác công việc cho TPT đội; nhiều lần như thế, TPT đội cũng chán, cũng không thực sự chuyên tâm vào công việc nữa.

Khi tiến hành tổ chức một số hoạt động tập thể nhiều phụ huynh học sinh không cho con em đến trường, họ cho rằng tham gia hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM là đi chơi, mất thời gian, không giúp ích gì cho gia đình cũng như không tập trung được vào việc học hành.

Bên cạnh đó, nguồn kinh phí hạn hẹp cũng là một khó khăn không nhỏ để tổ chức hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Kinh phí ít đồng nghĩa với việc quy mô tổ chức nhỏ đi, thành phần tham gia, đầu tư công sức ít đi, phần thưởng nhỏ đi, không khích lệ được người tham gia.

Công tác kiểm tra đánh giá của BGH còn chưa thường xuyên, chưa cụ thể, nên việc nắm bắt, quản lý thực hiện kế hoạch của BGH đối với bí thư đoàn, TPT đội và GVCN chưa sâu; đồng thời không tạo động lực thúc đẩy hoạt động phát triển.

2.5.3. Nguyên nhân của thực trạng

Một số Hiệu trưởng chưa thực sự chú trọng đến hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM (từ khâu xây dựng kế hoạch đến việc triển khai, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá), còn giao phó trách nhiệm cho TPT đội và GVCN trong việc tổ chức thực hiện các nội dung của hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

CSVC, thiết bị dạy học một số trường chưa đáp ứng đầy đủ để phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, kinh phí nhà trường dành cho tổ chức hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua

hoạt động Đội TNTPHCM còn hạn hẹp, việc huy động kinh phí chưa tốt, nên khó khăn cho việc đi giao lưu, học hỏi ở các trường có phong trào mạnh.

Do tiêu chí thi đua của phòng GD&ĐT còn chú trọng nhiều đến chất lượng học sinh giỏi, điểm tuyển sinh vào lớp 10, nên các trường phải tập trung vào công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 nhiều hơn so với việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

Một số trường chưa làm tốt công tác tuyên truyền đối với phụ huynh học sinh về vị trí, vai trò quan trọng của hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, nên họ thường ít tạo điều kiện cho con em mình tham gia các hoạt động này.

Công tác kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm về hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM của BGH các trường chưa thường xuyên, còn hời hợt, không động viên khích lệ được những người làm tốt. Chưa xây dựng được tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, vì vậy công tác kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm chưa thực sự hiệu quả.

Tiểu kết chương 2

Qua nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ở các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang cho thấy:

Một số CBQL, GVCN, TPT đội nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, vai trò, mục tiêu của hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM; việc xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM đã được thực hiện, xong việc triển khai kế hoạch tới GVCN, HS thực hiện chưa tốt. Một số trường còn giao cho TPT đội xây dựng kế hoạch mà không qua bàn bạc, thống nhất.

Việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM chưa thường xuyên, còn mang tính hình thức.

Sự phối kết hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường chưa thường xuyên, hiệu quả không cao.

Thực hiện chưa tốt công tác tuyên truyền về hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM tới các tổ chức ngoài nhà trường, tới phụ huynh học sinh.

Công tác kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm về hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM của BGH các trường chưa thường xuyên. Chưa xây dựng được tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

Để khắc phục những hạn chế yếu kém, đồng thời phát huy những mặt tích cực, tổ chức thực hiện tốt và có hiệu quả hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM cần đưa ra những biện pháp quản lý khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế của các nhà trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chương 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG THCS HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống

Hệ thống là một tổng thể gồm nhiều yếu tố liên quan đến nhau như: mục tiêu, nội dung, phương pháp, điều kiện thực hiện và đánh giá kết quả. Các yếu tố này có mối quan hệ qua lại với nhau. Mỗi thay đổi của yếu tố nào đó đều có sự tác động lên yếu tố khác và ngược lại. Phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM đòi hỏi phải được xây dựng trên cơ sở thực hiện nguyên tắc tính hệ thống. Trong quá trình tổ chức hoạt động cần xác định rõ vai trò, mục tiêu, nhiệm vụ của từng yếu tố và tác động của các yếu tố đến hoạt động, các hoạt động phải hướng vào việc bổ trợ kiến thức, kỹ năng cho học sinh. Cần có sự thống nhất cao giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động để tạo thành một chỉnh thể thống nhất.

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích

Tất cả các biện pháp quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM của Hiệu trưởng các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang phải được xây dựng thống nhất để có được kết quả cuối cùng, đó là sự quan tâm đầu tư vật lực, trí lực và sự thống nhất đồng bộ của các lực lượng tham gia giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Nhà trường cần có sự chỉ đạo đồng bộ về các văn bản tạo thành cơ sở pháp lý để thống nhất về nội dung, chương trình, hình thức tổ chức và cách thức tiến hành giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Vì vậy, khi lựa chọn mục tiêu phải đảm bảo rõ ràng và được quán triệt tới mọi thành viên của trường.

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn

Quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM đòi hỏi phải được xây dựng trên định hướng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, trên cơ sở thực tiễn của nhà trường, phù hợp với điều kiện thực

tế, năng lực tổ chức hoạt động, nhận thức của GV và HS, CSVC, thiết bị của nhà trường. Nếu không đảm bảo tính thực tiễn thì không thể đáp ứng được yêu cầu giáo dục.

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ giữa các lực lượng tham gia giáo dục

Các lực lượng giáo dục bao gồm: GVCN, GV bộ môn, bí thư đoàn, TPT đội, hội cha mẹ học sinh, các tổ chức đoàn thể địa phương phải có sự đồng thuận về nội dung, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục. Nguyên tắc này đặt ra yêu cầu nhà trường, gia đình và xã hội cần có sự gắn kết, phối hợp chặt chẽ nhằm huy động cao nhất sức mạnh về vật chất và tinh thần trong hoạt động giáo dục.

3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính chất lượng và hiệu quả

Các biện pháp đề xuất để quản lý hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ở các trường THCS phải thực sự cần thiết để thực hiện cả trước mắt và lâu dài, đồng thời phải có khả năng thực hiện được. Do đó các biện pháp được lựa chọn phải phù hợp với điều kiện về nguồn lực của trường. Các biện pháp này phải mang lại kết quả cuối cùng cho HS đó là vốn kiến thức về kỹ năng giao tiếp và khả năng thực hành nhất định và có tính khả thi cao thì việc quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM mới thực sự mang lại hiệu quả mong đợi.

3.1.6. Đảm bảo tính kế thừa và phát triển

Các biện pháp quản lý hoạt động quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM mang tính kế thừa và phát triển, cụ thể là: Đảm bảo tính liên tục trong quá trình tổ chức các hoạt động quản lý giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM; đồng thời phát huy được mặt tích cực của biện pháp đã có, bổ sung thêm các biện pháp phù hợp với tình hình hiện tại và chiều hướng phát triển các biện pháp trong những năm tới.

3.2. Biện pháp quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh ở các trường THCS

3.2.1. Biện pháp 1: Bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên và các lực lượng tham gia giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh ở các trường THCS

3.2.1.1. Mục tiêu của biện pháp

Trong các nhà trường, việc nâng cao nhận thức cho CBQL, đội ngũ giáo viên về vị trí, vai trò của hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM là rất quan trọng. Bởi nếu có nhận thức đúng

thì họ sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và sẽ là tuyên truyền viên vận động các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường cùng phối hợp tổ chức có hiệu quả hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Có thể khẳng định rằng quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM rất quan trọng, giúp học sinh rèn luyện các phẩm chất đạo đức, nhân cách sống, các kỹ năng cần thiết để ứng xử phù hợp với hoàn cảnh. Quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM chỉ có hiệu quả tốt khi có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường và khi có nhận thức đúng thì các bậc phụ huynh sẽ ủng hộ, sẵn sàng đóng góp, huy động nguồn lực và phối hợp tham gia và tổ chức đạt kết quả tốt.

Ngoài ra, việc xây dựng đội ngũ là một trong những biện pháp đặc biệt quan trọng. Người thực hiện nhiệm vụ giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp và tổ chức hoạt động Đội TNTPHCM cần có một số phẩm chất sẵn có thuộc về năng khiếu bẩm sinh.

3.2.1.2. Nội dung và cách tiến hành

Hiệu trưởng phải thường xuyên bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS trong và ngoài nhà trường, làm cho mọi người thấy được vai trò và tầm quan trọng của việc cần giáo dục kỹ năng giao tiếp cho HS hiện nay. Cụ thể :

- Hiệu trưởng quan tâm đầu tư thời gian cho việc tìm hiểu về tầm quan trọng của việc giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM để xây dựng tài liệu bồi dưỡng cho lực lượng tham gia hoạt động này nhằm làm cho họ hiểu rõ về tầm quan trọng của việc giáo dục phát triển KNGT cho HS, đồng thời giúp họ nắm vững nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM và đối với lực lượng tham gia nhiệm vụ giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM cần có một số tiêu chuẩn sau: Tâm huyết, yêu quý trẻ, yêu thích hoạt động, có năng lực tổ chức, khả năng diễn đạt tốt, thích ứng với tình huống mới, sáng tạo, chịu đổi mới và có khả năng huy động các lực lượng tham gia hoạt động.

- Tạo điều kiện, thời gian cho lực lượng tham gia giáo dục KNGT thực hiện nhiệm vụ một cách hệ thống, tác động tới học sinh giúp HS ý thức được việc rèn kỹ năng sống là hoạt động thiết thực đáp ứng tốt nhất nhu cầu của bản thân và nhu cầu

xã hội. Từ đó, HS tự nguyện, tự giác tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM để trang bị những kỹ năng sống quan trọng, cần thiết để ứng phó với những thách thức của cuộc sống.

- Xác định hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM là một nội dung quan trọng không thể thiếu trong các nội dung GD của nhà trường, nhất là các trường THCS. Do công tác giáo dục phát triển KNGT cho HS còn rất mới trong trường THCS, vì thế Hiệu trưởng cần phải có biện pháp chỉ đạo bảo đảm sự nhất trí cao, tạo sự đồng thuận, khơi dậy trong đội ngũ CBQL, GV tinh thần trách nhiệm của người thầy, khuyến khích lực lượng này tích cực tham gia vào hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội về giáo dục phát triển KNGT bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, với các phương tiện thông tin, đại chúng...

- Hiệu trưởng tích cực tuyên truyền ngay từ đầu năm học thông qua: Sinh hoạt tập thể; hội nghị cha mẹ học sinh; hội nghị cán bộ giáo viên nhân viên nhà trường; tiếp tục tuyên truyền thông qua các giờ chào cờ, các cuộc họp giao ban của nhà trường; các hoạt động ngoại khóa và các ngày kỷ niệm lớn trong năm, thông qua các câu lạc bộ...

- Tích cực tổ chức các hội thảo, sinh hoạt chuyên đề, tổ chức các lớp tập huấn trang bị cho đội ngũ CBQL, GV, NV nhà trường những kiến thức, hiểu biết về giáo dục phát triển KNGT, hoặc tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề để tìm hiểu về tầm quan trọng, sự cần thiết giáo dục phát triển KNGT. Mời chuyên gia đến trường tham gia giáo dục giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

- Mời phụ huynh học sinh tham gia các hoạt động để thấy các em tham gia nhiều hoạt động tập thể thì mạnh dạn hơn trong giao tiếp, ứng xử; nói năng mạch lạc hơn, tự tin hơn, và có khả năng tổ chức tốt hơn. Việc học không chỉ là để được vào các đội tuyển học sinh giỏi..., không nhất thiết ai cũng là kỹ sư, bác sỹ... mà quan trọng hơn cả là được học và làm những công việc mình thích, phù hợp với khả năng, trình độ của mình.

- Triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo về giáo dục phát triển của ngành tới các thành viên trong nhà trường, tích cực vận động, khuyến khích CBQL, GV thực hiện phát triển KNGT cho HS lồng ghép trong các phong trào thi đua xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực; phong trào “Xây dựng nhà trường văn hóa - nhà giáo mẫu mực - học sinh thanh lịch; phong trào “dân chủ- kỉ cương - tình thương và trách nhiệm”.

- Xây dựng được môi quan hệ thân thiện giữa trò với trò, thầy với trò và thầy với thầy, môi trường sư phạm thân thiện với cộng đồng xung quanh; xây dựng hệ thống thư viện xanh, trang bị các tài liệu, sách báo,... đáp ứng nhu cầu đọc của học sinh nhằm nâng cao hiểu biết về phát triển KNGT cho học sinh.

3.2.1.3. Điều kiện thực hiện

- Hiệu trưởng cần phải nắm vững định hướng giá trị và giáo dục giá trị cho HS trong nhà trường, am hiểu về giáo dục KNGT và con đường hình thành, phát triển KNGT, các phương pháp rèn luyện phát triển KNGT cho học sinh THCS.

- Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng các kiến thức về phát triển KNGT và kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM đối với giáo viên và thực hiện nghiêm túc hoạt động này.

- Tổ chức nhiều hoạt động tập thể, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khóa, các buổi chào cờ...; Hiệu trưởng tạo điều kiện về CSVC, thiết bị và nguồn kinh phí để hỗ trợ và nâng cao chất lượng các hoạt động, đạt hiệu quả và mục đích tuyên truyền đã đề ra.

3.2.2. Biện pháp 2: Lập kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh

3.2.2.1. Mục tiêu của biện pháp

Ngay từ đầu năm học, căn cứ vào kế hoạch chỉ đạo của Phòng GD&ĐT, căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và đơn vị, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của đơn vị mình. Kế hoạch này phủ soát toàn bộ các lĩnh vực hoạt động ở một đơn vị nhà trường như: Phát triển đội ngũ, nâng cao chất lượng học sinh giỏi, chất lượng giáo viên giỏi, đầu tư CSVC, xã hội hóa giáo dục,...Căn cứ vào kế hoạch chung này, các kế hoạch cụ thể về các mảng hoạt động sẽ được xây dựng, trong đó có Hoạt động Đội TNTPHCM.

Cũng như các loại kế hoạch khác, kế hoạch hoạt động phát triển KNGT cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM được xây dựng từ những yêu cầu chung, nhiệm vụ chung cả năm học đến nhiệm vụ từng tháng, từng tuần, sau đó được triển khai và cụ thể hóa vào kế hoạch của tổ, của GVCN và của GV. Yêu cầu của kế hoạch là cần cụ thể, chi tiết, đảm bảo tính thống nhất về nội dung, chương trình, thời gian hoạt động chung trong toàn trường, mang tính khả thi và đạt hiệu quả cao. Lựa chọn các hoạt động phù hợp với lứa tuổi của các em, phải có cả nội dung các môn học, kiến thức xã hội, hình thức phải hấp dẫn như vậy hiệu trưởng sẽ nắm bắt sâu hơn, chỉ đạo sát sao hơn và sẽ tránh được sự chông chéo với các nhiệm vụ khác.

3.2.2.2. Nội dung và cách tiến hành

Kế hoạch là hành động đầu tiên của nhà quản lý, vì kế hoạch là công cụ quản lý, là phương hướng hành động, là phương pháp quản lý và là con đường đi đến mục tiêu của quản lý. Chính vì vậy, ngay từ đầu năm học, Hiệu trưởng kiến toàn lại ban chỉ đạo hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM (nếu thấy cần thiết) đảm bảo đủ các thành phần như: BGH, bí thư đoàn, TPT đội, các tổ trưởng chuyên môn, GVCN, đại diện hội cha mẹ học sinh. Hiệu trưởng chủ trì cùng các thành viên trong ban chỉ đạo nhà trường nghiên cứu nội dung của các KNGT, căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, của địa phương, đặc điểm tâm, sinh lý lứa tuổi để tập trung thảo luận, hoàn thiện kế hoạch phát triển KNGT cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM đảm bảo phù hợp, chi tiết, thống nhất và phải dựa trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

BGH nhà trường chỉ đạo, theo dõi sát sao việc xây dựng, hoàn thiện kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM về cả nội dung và hình thức hoạt động đối với đội ngũ thực hiện chương trình là một nội dung quan trọng.

Hoàn thiện kế hoạch kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM phải đảm bảo đầy đủ các bước đã nêu ở phần 1.4.1. và phải khảo sát đúng thực trạng học sinh, thu thập chứng cứ, cơ sở pháp lý, nội dung chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức phải đảm bảo mục tiêu cần đạt.

3.2.1.3. Điều kiện thực hiện

- Các tổ chức và cá nhân phải nắm chắc tình hình, đặc điểm công việc đang đảm nhiệm.

- Có kỹ năng lập kế hoạch, được sự hỗ trợ của hiệu trưởng.

- Hiệu trưởng phân công hợp lý, phù hợp năng lực sở trường của người dưới quyền, đồng thời tạo điều kiện cho họ để hoàn thành công việc.

- Hiệu trưởng phải xây dựng được kế hoạch chung và kế hoạch hoạch cụ thể cho từng tổ chức, từng bộ phận.

- Kế hoạch phải có tính khả thi, tạo được sự đồng thuận, có sự phối hợp giữa các bộ phận.

3.2.3. Biện pháp 3: Chỉ đạo đa dạng hóa các hình thức hoạt động Đội nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh

3.2.3.1. Mục tiêu của biện pháp

TPT Đội là chức danh đứng đầu công tác Đội trong nhà trường; là nhà giáo dục, một cán bộ quân chúng tích cực, có năng lực lãnh đạo giỏi, có phương pháp công tác khoa học, có nghệ thuật tiếp cận với đối tượng, có quan hệ mật thiết với quần chúng và có nhiều thuận lợi thu hút học sinh tham gia vào hoạt động. Vai trò của TPT Đội luôn gắn liền với vị trí, vai trò của Đội TNTPHCM trong nhà trường phổ thông. Hoạt động Đội TNTPHCM của nhà trường tốt hay xấu, mạnh hay yếu một phần quan trọng là phụ thuộc vào phẩm chất, năng lực của TPT Đội. Do đó, chỉ đạo TPT Đội tổ chức các hoạt động Đội với nhiều hình thức đa dạng sẽ tạo ra những trải nghiệm sôi động, bổ ích và thu hút học sinh tham gia từ đó sẽ giúp học sinh phát triển được các kỹ năng, đặc biệt là KNKT.

GVCN có vai trò trong việc đoàn kết, thống nhất và chỉ đạo thực hiện mọi hoạt động của lớp, chịu trách nhiệm trước nhà trường về công tác quản lý lớp học, trong đó có việc rèn luyện ý thức đạo đức, nề nếp, nội quy kỷ luật và thực hiện nghiêm túc các hoạt động của nhà trường. GVCN chỉ giữ vai trò cố vấn vừa định hướng, vừa giữ trách nhiệm tư vấn kịp thời cho các em. Chỉ đạo GVCN tổ chức đa hóa các hoạt động, nhằm giúp cho học sinh tham gia sinh hoạt lớp, Đội một cách chủ động và tích cực; phát huy khả năng của cá nhân trong các hoạt động sáng tạo và rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống cho

học sinh nhằm tạo cho các em có một sân chơi lành mạnh, có sự gắn bó, đoàn kết yêu thương nhằm giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và cuộc sống.

3.2.2.2. Nội dung và cách tiến hành

* Nội dung

Nội dung của các hoạt động Đội TNTPHCM phải hướng tới phát triển các kỹ năng sống cho học sinh, đặc biệt là KNGT. Nội dung của các hoạt động phải gắn liền với các hoạt động học tập, văn hóa đời sống, chính trị, xã hội, vui chơi giải trí... Nội dung của các hoạt động này có thể tổ chức theo các hình thức: Các cuộc thi, hoạt động theo câu lạc bộ, trò chơi, hoạt động ngoại khóa... việc phân chia các hoạt động này chỉ mang tính chất tương đối vì các dạng hoạt động trên có thể lồng ghép và đan xen lẫn nhau. Do vậy việc vận dụng linh hoạt quy trình thiết kế các hoạt động sẽ giúp cho những người tổ chức dễ dàng xây dựng đa dạng, phong phú các hoạt động để phát triển KNGT cho học sinh. Đồng thời có thể đổi mới về cả nội dung, hình thức hoạt động và nhiều thời điểm khác nhau tạo điều kiện thu hút học sinh tham gia thường xuyên hơn.

Hơn thế nữa, với đặc thù là đối tượng học sinh THCS có xuất phát điểm, trình độ khác nhau, nhiều học sinh năng lực còn hạn chế do đó việc đa dạng hóa các hình thức hoạt động để kích thích tính tích cực, sáng tạo, hứng thú của học sinh đối với các hoạt động để phát triển KNGT cho học sinh, giúp học sinh gần gũi hơn, tích cực hơn, mạnh dạn hơn, tự tin hơn...

Để nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, Hiệu trưởng nhà trường cần phải lựa chọn những giáo viên có trình độ chuyên môn giỏi, khả năng quản lý tốt, nhiệt tình với công tác chủ nhiệm. GVCN cần cần có ý kiến tham mưu với Hiệu trưởng ngay từ khi nhận lớp về tình hình thực tế của lớp mình để có phương pháp tác động sau này.

Chỉ đạo GVCN cần phải nắm vững về phương pháp giáo dục kỹ năng sống, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp, chủ động xây dựng nội dung các hoạt động theo đặc thù riêng của lớp phù hợp với các hoạt động chung của Đội.

Chỉ đạo TPT Đội xây dựng bản kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS thông qua hoạt động Đội TNTPCM bao gồm các nội

dung: Tên chủ điểm giáo dục, mục tiêu cần đạt, dự kiến những nội dung hoạt động, biện pháp, đối tượng và thời gian thực hiện để đảm bảo mục tiêu đề ra. Quan điểm chỉ đạo phải được xuất phát từ nhiệm vụ năm học và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên. Kế hoạch hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM phải bao gồm các nội dung cơ bản đó là :

- Tên chủ điểm giáo dục.
- Mục tiêu cần đạt của chủ điểm.
- Dự kiến những nội dung hoạt động của chủ điểm.
- Biện pháp thực hiện các nội dung đó.
- Đối tượng thực hiện.
- Thời gian thực hiện và hoàn thành.

Bản kế hoạch càng chi tiết, rõ ràng thì càng giúp giáo viên thực hiện tốt. Khi đã có bản kế hoạch tổ chức hoạt động, TPT Đội phải trực tiếp điều hành việc thực thi bản kế hoạch.

*** Cách tiến hành**

- Đối với TPT Đội:

Tổ chức các hoạt động phải tính đến khả năng của từng khối, lớp và các điều kiện để thực hiện. Trong cùng một hoạt động nhưng yêu cầu giáo dục ở mỗi khối lớp khác nhau là khác nhau, do đó nội dung và hình thức hoạt động cũng khác nhau.

Tổ chức các hoạt động phải tính đến sự cân đối về mặt thời gian, tránh chồng chéo với các hoạt động khác.

Tổ chức, xây dựng chương trình hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh lồng ghép với hoạt động giáo dục phát triển KNGT của từng khối.

Tổ chức giao lưu với các đơn vị khác thông qua các câu lạc bộ (CLB nghe nói tiếng anh, TDTT...)

Xây dựng kế hoạch cho hoạt động bắt buộc trong từng tuần, tháng theo các chuyên đề, kỉ niệm các ngày lễ lớn trong năm học... của các khối nhằm phát triển kỹ năng sống, đặc biệt là phát triển KNGT.

Có kế hoạch tổ chức tập huấn cho cán sự lớp, cán bộ Đội về phát triển KNGT, giúp cho cán sự lớp, cán bộ Đội mạnh dạn, chủ động hơn trong việc tổ chức, chỉ đạo các hoạt động.

Kết hợp cùng BGH tăng cường kiểm tra các hoạt động nhằm đánh giá mức độ đạt được của hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

- Đối với GVCN:

GVCN phải nắm chắc kế hoạch của nhà trường về tổ chức hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM để lập kế hoạch hoạt động cho lớp mình. Khi có kế hoạch GVCN phải chủ động hơn trong việc cụ thể hóa các chương trình hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. GVCN cần phải nắm vững những nội dung sau:

- + Những nội dung của hoạt động chủ điểm.
- + Biện pháp thực hiện nội dung đó.
- + Các lực lượng tham gia để có sự chuẩn bị phối hợp cùng nhau.
- + Bố trí thời gian cho hoạt động.

GVCN tổ chức các hoạt động giao lưu giữa lớp mình với lớp khác.

GVCN thường xuyên bồi dưỡng, huấn luyện đội ngũ cán sự lớp có khả năng điều khiển các hoạt động giáo dục phát triển KNGT thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

GVCN tổ chức hướng dẫn HS cùng thiết kế các hoạt động theo các chủ điểm giáo dục do Đội TNTPHCM tổ chức nhằm tham gia và đạt kết quả tốt nhất.

GVCN thể hiện rõ sự phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường ở mỗi hoạt động. Thường xuyên thông tin các hoạt động giáo dục của lớp mình với PHHS, các giáo viên bộ môn để nhận được sự hỗ trợ khi cần thiết

GVCN phải đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả hoạt động khi kết thúc mỗi chủ điểm. Xem các em đã phát triển được những KNGT nào từ đó có kế hoạch với những mục tiêu tiếp theo.

3.2.3.3. Điều kiện thực hiện

Nội dung, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM phải chi tiết và đa dạng.

Sự quan tâm hỗ trợ của các cấp, BGH nhà trường, các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường trong việc phát triển được những KNGT cho HS.

Có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị và kinh phí phục vụ tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

BGH nhà trường kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm thường xuyên.

3.2.4. Biện pháp 4: Tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh

3.2.4.1. Mục tiêu của biện pháp

Hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh gồm các hoạt động diễn ra trong lớp học như: Sinh hoạt cuối tuần, đại hội chi đội... hoạt động diễn ra ngoài sân trường như: Nghi thức Đội, thi thể dục thể thao, thi trò chơi dân gian, thi văn nghệ, tiểu phẩm, thi cắm trại, các hoạt động câu lạc bộ... hoạt động ngoài phạm vi nhà trường như: Tham quan, cắm trại, vệ sinh thôn bản, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ... Dù hoạt động diễn ra ở đâu, trong lớp, sân trường, ngoài phạm vi nhà trường thì kinh phí, CSVC, thiết bị đều rất quan trọng và hết sức cần thiết. Chính vì vậy, cần phải tạo điều kiện thuận lợi nhất về CSVC, thiết bị, kinh phí... để tổ chức có hiệu quả HĐGDNGLL.

3.2.4.2. Nội dung và cách tiến hành

Ngay sau khi kết thúc năm học, hiệu trưởng cần giao trách nhiệm cho TPT đội, GVCN rà soát, kiểm kê lại toàn bộ hệ thống CSVC, thiết bị phục vụ các hoạt động của Đội xem mức độ còn mất, mới cũ, mức độ sử dụng...; sau kiểm kê, các bộ phận đề nghị với nhà trường về việc mua sắm, sửa chữa thiết bị, CSVC... để phục vụ cho hoạt động vào năm học tiếp theo. Trong đề nghị cần nêu rõ loại thiết bị, CSVC nào? dùng cho hoạt động gì (trong lớp, sân trường hay ngoài nhà trường)? số lượng cần bao nhiêu? Thời gian cần thiết bị đó là khi nào?...Cụ thể:

Hoạt động văn hóa, văn nghệ như: thi tiếng hát dân ca, thi thời trang tuổi hồng, tuyên truyền, vẽ tranh... rất cần phòng để các em thực hành; tập duyệt phải có đài, đầu đĩa, băng hình, giá vẽ, giấy đủ các khổ, bút màu... Hoạt động thể dục - thể thao, vui chơi giải trí như: thể dục giữa giờ, hội khỏe Phù Đổng, trò chơi dân gian, múa hát sân trường... lại rất cần đến diện tích sân bãi rộng rãi, thoáng đãng, không ẩm ướt, bụi, nắng nóng và cần có âm ly, loa đài, trống các loại.

Hoạt động khoa học phát huy tính sáng tạo, trí tuệ của học sinh rất cần đến các đầu sách tham khảo, tư liệu, tài liệu, sách báo.

Căn cứ vào tình hình, nhà trường xây dựng kế hoạch xây dựng CSVC, tu sửa, mua sắm thiết bị ngay từ hè. Trong kế hoạch phải nêu rõ lộ trình từng giai đoạn, từng nội dung công việc cần thực hiện. Ví dụ: Sửa chữa, trang trí lại lớp học phải thực hiện trong hè (khi chưa có học sinh học), mua sắm hệ thống âm thanh nên từ ngay đầu năm học (lúc này chưa có nhiều hoạt động tập thể diễn ra)... Bên cạnh việc mua sắm, cần chú trọng khuyến khích giáo viên, học sinh thiết kế các đồ dùng tự làm đảm bảo tiện ích, hiệu quả sử dụng cao và tiết kiệm kinh phí.

Bên cạnh đó, công tác giữ gìn CSVC, thiết bị cũng rất quan trọng. Hiệu trưởng phân công một đồng chí trong ban lãnh đạo nhà trường phụ trách quản lý tài sản, cơ sở vật chất; thường xuyên có kế hoạch tổ chức cho cán bộ, giáo viên và học sinh duy tu bảo dưỡng cơ sở vật chất. Mặt khác xây dựng quy chế sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất nhà trường. Bên cạnh đó hàng năm tổ chức thi thiết kế làm đồ dùng dạy học, đồ dùng học tập trong giáo viên và học sinh để bổ sung cơ sở vật chất nhà trường. Cán bộ phụ trách tài sản cơ sở vật chất, nhân viên thư viện, thiết bị phải có đầy đủ hệ thống sổ sách theo dõi sát sao, ghi nhận cụ thể tình trạng bảo quản và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

Đối với nguồn tài chính, hiệu trưởng cần xây dựng dự toán, cân đối thu chi, bố trí đầy đủ. Nguồn kinh phí bao gồm: kinh phí xây dựng CSVC, kinh phí mua sắm đồ dùng dạy học, thiết bị, kinh phí khen thưởng cho hội thi làm đồ dùng dạy học, học tập, kinh phí khen thưởng, kinh phí tổ chức các hoạt động nhằm phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM... Nguồn kinh phí này có thể sử dụng từ ngân sách sự nghiệp giáo dục, nguồn học phí...

Đồng thời, hiệu trưởng cần thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, nhằm huy động vật chất, tinh thần từ các lực lượng xã hội như: chính quyền địa phương, phụ huynh học sinh, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm... tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

3.2.4.3. Điều kiện thực hiện

- Chủ động bố trí nguồn kinh phí được cấp và tiết kiệm các nguồn chi khác cho việc mua sắm thiết bị dạy học, xây dựng, tu sửa CSVC.

- Có kế hoạch xây dựng CSVC phù hợp với khả năng, điều kiện của nhà trường địa phương.

- Tích cực tham mưu với chính quyền địa phương trong việc xây dựng CSVC; tạo mối quan hệ thường xuyên và tốt đẹp với các tổ chức, doanh nghiệp... đóng trên địa bàn để huy động tối đa các nguồn lực trong việc xây dựng CSVC.

- Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

3.2.5. Biện pháp 5: Huy động các lực lượng giáo dục tham gia thực hiện phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh

3.2.5.1. Mục tiêu của biện pháp

Phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để tổ chức tốt hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM chính là thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục. Điều 12, Luật giáo dục sửa đổi năm 2009 đã nêu: "*Mọi tổ chức, gia đình và công dân đều có trách nhiệm chăm lo sự nghiệp giáo dục, phối hợp với nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh và an toàn*". Như vậy, sự phối hợp chặt chẽ của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường sẽ tạo nên môi trường giáo dục tốt nhất cho HS. Bản chất của sự phối hợp đó là đạt được sự thống nhất về mục tiêu giáo dục, nội dung, hình thức và các điều kiện cho hoạt động. Do đó, khẳng định rằng sự phối hợp này là rất cần thiết cho cả người lớn và cho chính HS. Nhờ sự thống nhất phối hợp trong tổ chức hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM mà HS tích lũy được nhanh chóng các kinh nghiệm ứng xử đúng đắn trong các tình huống khác nhau, giúp các em hình thành được quan điểm, niềm tin và tình cảm một cách thuận lợi, củng cố thêm ý chí của các em. Và cũng nhờ sự phối hợp này người lớn hiểu trẻ em hơn, cùng chia sẻ và động viên các em trong quá trình học tập và rèn luyện hàng ngày.

Hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM cùng với hoạt động dạy học ở trường THCS là một quá trình sư phạm

thống nhất nhằm hình thành phát triển nhân cách HS, vì vậy Hiệu trưởng cần phải thống nhất một số quan điểm nhận thức sau tới các lực lượng giáo dục:

- Trong hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM phải luôn đề cao, phát huy vai trò chủ thể của HS và tập thể HS, tạo mọi điều kiện để các em phát huy tính tích cực của mình bởi vì chỉ có thông qua hoạt động mới là điều kiện tốt để HS được thể hiện khả năng, nhu cầu, hứng thú của mình và là dịp để các em rèn luyện các kỹ năng tổ chức hoạt động.

- Hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM không phải là hoạt động ngoại khoá môn học, hay thuần túy chỉ là một hoạt động ngoại khoá, hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM là một bộ phận hữu cơ trong kế hoạch giáo GD&ĐT của nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu cấp học.

- Hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM phải có sự chỉ đạo của một Ban điều hành. Đây là một tập hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường để chỉ đạo và thực hiện. Dưới sự chỉ đạo của Ban điều hành, GVCN là người trực tiếp tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đã được thống nhất trong toàn Hội đồng sư phạm. Các GV bộ môn, các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

3.2.5.2. Nội dung và cách tiến hành

Trước hết, Hiệu trưởng cần phải xác định thành phần lực lượng giáo dục tham gia phối hợp, vai trò của từng lực lượng đó.

- Lực lượng giáo dục phối hợp chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM trong nhà trường THCS bao gồm: BGH, TPT Đội (cán bộ Đoàn - Đội), GVCN, GV bộ môn, tổ chức đoàn thể, Hội cha mẹ học sinh. Mỗi thành phần lực lượng giáo dục có vai trò và nhiệm vụ cụ thể. Tuy nhiên, hoạt động của từng lực lượng giáo dục không phải là độc lập mà được thể hiện trong sự phối hợp với nhau theo một cơ chế chặt chẽ.

- Đầu mỗi năm học, nhà trường đều ra quyết định thành lập ban chỉ đạo hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Thường thì hiệu trưởng là trưởng ban điều hành. Nhiệm vụ của trưởng ban là: xây dựng phương hướng chỉ đạo việc thực hiện hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho

học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM theo một kế hoạch thống nhất. Phương hướng này bao gồm cả về nội dung, phương thức tổ chức, trong đó đặc biệt là sự phối hợp của các lực lượng giáo dục để thực hiện có hiệu quả hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Trên cơ sở phương hướng này, TPT đội phải thiết kế bản kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, chỉ đạo và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đó, đôn đốc và tạo điều kiện cho GVCN thực hiện tốt kế hoạch. Bên cạnh đó phải tham mưu cho ban chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM về cách thức phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường nhằm động viên, phát huy khả năng của họ vào quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

- TPT Đội là phó ban điều hành phải trực tiếp chỉ huy các tập thể lớp thực hiện kế hoạch theo tuần, tháng, học kỳ và năm học. Đồng thời phải giúp đỡ các lớp còn vướng mắc về nội dung và hình thức hoạt động.

- GVCN có vai trò rất quan trọng, phải chịu trách nhiệm chính trong việc thực thi kế hoạch hoạt động của lớp mình phụ trách. Đồng thời phải phối hợp các lực lượng giáo dục tham gia vào việc thực hiện hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Hiệu trưởng yêu cầu GVCN cùng với khối chủ nhiệm tăng cường sinh hoạt khối, trao đổi, thống nhất nội dung sinh hoạt theo chủ đề tháng; tổ chức các buổi sinh hoạt mẫu theo khối để học tập kinh nghiệm, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức hoạt động cho GV và HS.

- GV bộ môn có nhiệm vụ tham gia vào các hoạt động có nội dung gắn với nội dung của môn mình giảng dạy khi được GVCN yêu cầu. Họ có thể tham gia vào việc thiết kế nội dung hoạt động hoặc trực tiếp cùng hoạt động với học sinh với tư cách là nhà cố vấn hoặc tư vấn.

- Hội cha mẹ học sinh cùng tham gia phối hợp với nhà trường trong việc tư vấn về nội dung hoạt động hay hỗ trợ về vật chất.

Các chi hội cha mẹ học sinh ở các lớp là thành phần tích cực trong việc giúp đỡ và tư vấn cho GVCN tổ chức tốt các hoạt động. Thường xuyên liên lạc với nhà

trường (đặc biệt là GVCN) để nắm bắt được thông tin, phối hợp cùng giáo dục và chăm sóc HS, đặc biệt là các em có hoàn cảnh gia đình khó khăn, HS cá biệt.

Từ những nhiệm vụ cụ thể của các lực lượng giáo dục nêu trên, cần có một cơ chế phối hợp có hiệu quả để đảm bảo cho việc thực hiện hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM thành công. Sự phối hợp giữa TPT đội với đội ngũ GVCN trong quá trình triển khai hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM thể hiện mối quan hệ mang tính sư phạm tương tác, đem lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục toàn diện cho HS.

3.2.5.3. Điều kiện thực hiện

Để biện pháp huy động các lực lượng giáo dục tham gia vào quá trình tổ chức hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM đạt hiệu quả, cần chú ý đến các điều kiện dưới đây:

- Nhà trường cần có mối quan hệ tốt đẹp với chính quyền địa phương, với các cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn xung quanh nhà trường để tranh thủ sự giúp đỡ của họ cả về vật chất và tinh thần phục vụ hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

- Tạo sự đoàn kết trong nội bộ, các tổ chức, lực lượng giáo dục trong nhà trường (Chi bộ Đảng, BGH, công đoàn...) phải là một thể thống nhất, luôn phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền tới phụ huynh học sinh để họ hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM trong việc giáo dục học sinh, từ đó họ sẽ đồng viên và tạo điều kiện thuận lợi cho con em mình tham gia, và cùng tham gia với nhà trường.

3.2.6. Biện pháp 6: Chỉ đạo đổi mới việc kiểm tra đánh giá phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh thông qua tổ chức hoạt động Đội TNTPHCM

3.2.6.1. Mục tiêu của biện pháp

Kiểm tra được xem là phương tiện và hình thức của đánh giá. Kiểm tra sẽ cung cấp những dữ kiện, những thông tin làm cơ sở cho việc đánh giá. Kiểm tra đánh giá nhằm tìm hiểu xem các mục tiêu đã thực hiện như thế nào? phát hiện kịp thời những

hiện tượng lệch lạc, trì trệ và nguyên nhân của chúng; thu thập thông tin từ mối quan hệ ngược; tác động kịp thời, đúng lúc đến các hành vi con người nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, động viên, khích lệ tích cực. Như vậy, kiểm tra đánh giá việc thực hiện là một quy trình của công tác quản lý giúp hiệu trưởng có cơ sở để thay đổi phương pháp quản lý.

Đổi mới công tác kiểm tra đánh giá chất lượng hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh giúp cho việc thúc đẩy công tác quản lý hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM trong nhà trường ngày càng hiệu quả hơn.

3.2.6.2. Nội dung và cách tiến hành

- Nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm của các nhà quản lý và đội ngũ giáo viên của trường về vai trò và tầm quan trọng và sự cần thiết đổi mới công tác kiểm tra đánh giá, nhất là trong công tác quản lý hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM cho HS ở các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Xây dựng kế hoạch đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, thống nhất được với mục tiêu, nội dung kế hoạch hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM của nhà trường. Ngay cả những kế hoạch được chuẩn bị chu đáo nhất cũng có thể bị thất bại, do đó cần có hệ thống giám sát để cảnh báo sớm những vấn đề có thể xảy ra. Vì thế, Hiệu trưởng cần nắm vững các biện pháp giám sát hiệu quả và phương thức xây dựng quy trình cho phép phát hiện những vấn đề tiềm ẩn.

- Xây dựng lực lượng kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM bao gồm Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, Tổng phụ trách đội, nhân viên y tế,... phân công nhiệm vụ cụ thể, thống nhất nội dung kiểm tra, hình thức kiểm tra, xây dựng tiêu chí đánh giá. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đổi mới công tác kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, thường xuyên thực hiện sơ kết trong Ban chỉ đạo để đánh giá và điều chỉnh phù hợp cho việc triển khai kế hoạch tiếp theo.

- Bồi dưỡng cho lực lượng kiểm tra đánh giá những hiểu biết về công tác kiểm tra, đánh giá, phương pháp, cách thức tổ chức, tiến hành kiểm tra đánh giá, hiểu biết về KNS, đặc biệt là KNGT; nâng cao vai trò và năng lực tự kiểm tra, đánh giá của học sinh. Rèn luyện năng lực, kỹ thuật tự đánh giá hiệu quả của học sinh giúp cho học sinh nhận thức đúng vai trò của kiểm tra, đánh giá trong học tập và GD; quan tâm, gần gũi chỉ cho HS cách học, cách làm, khuyến khích các em lựa chọn phương pháp hay công cụ kiểm tra, đánh giá để tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau.

- Việc thực hiện kế hoạch hiệu quả cho biện pháp hiệu trưởng thu thập thông tin, qua đó đánh giá và điều chỉnh tiến độ hiện tại so với kế hoạch ban đầu. Thường xuyên sơ kết, tổng kết đánh giá thi đua, ghi nhận và nhân rộng kết quả thực của quá trình thực hiện hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

- Hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM: Kiểm tra đánh giá thường xuyên hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, theo từng hoạt động cụ thể; kiểm tra đánh giá kết hợp với sơ kết, tổng kết thi đua và rút ra bài học kinh nghiệm.

- Cần có sự động viên, khen thưởng đối với những cá nhân, tập thể có thành tích trong hoạt động. Có thể động viên GV và HS có nhiều thành tích bằng việc tổ chức chuyên tham quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, tham gia giao lưu, hội thảo để nâng cao trình độ hiểu biết.

3.2.6.3. Điều kiện thực hiện

- Trước hết, phải nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm của CBQL nhà trường; nâng cao vai trò, trách nhiệm của GV để kiểm tra đánh giá thực sự phát huy tính tích cực và đúng với yêu cầu, ý nghĩa của nó. Hiệu trưởng phải thực sự muốn đổi mới, đi đầu làm gương, có hiểu biết sâu rộng về vai trò, ý nghĩa, các phương pháp và kỹ thuật kiểm tra, đánh giá; tích cực bồi dưỡng GV trang bị những kiến thức, kỹ năng kiểm tra đánh giá; báo cáo trung thực không chạy theo thành tích.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát cụ thể. Kế hoạch tổng thể theo năm học, kế hoạch từng tháng, từng tuần, kiểm tra từng đối tượng, từng hoạt động.

- Có kế hoạch tổ chức đánh giá và rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động, làm rõ những ưu điểm, nhược điểm, nguyên nhân của những ưu điểm, nhược điểm, từ đó rút

kinh nghiệm cho những hoạt động sau. Ngoài ra, có chế độ khen thưởng động viên kịp thời.

- Phải có sự phối kết hợp với GVCN, cha mẹ học sinh nhằm đánh giá mức độ chuyển biến về tư cách của học sinh sau mỗi hoạt động, từ đó đề ra giải pháp mới tích cực hơn, hiệu quả hơn.

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp

Trên đây là 6 biện pháp giúp nhà trường thực hiện tốt hoạt động phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Các biện pháp này luôn có sự tác động qua lại lẫn nhau, phải được thực hiện một cách đồng bộ, thường xuyên, liên tục, không tách rời nhau. Có như vậy, thì hiệu quả của việc thực hiện hoạt động phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM mới đạt được mục đích.

Để có hoạt động giáo dục tốt, trước hết người thực hiện hoạt động giáo dục phải có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về hoạt động đó. Đặc biệt, với hoạt động phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, việc tổ chức nâng cao nhận thức cho những người thực hiện chương trình trong giai đoạn hiện nay càng cần thiết và quan trọng hơn. Nếu không nhận thức đúng về vị trí, vai trò, tác dụng của nó thì dù có kế hoạch tốt, CSVN, thiết bị đầy đủ cũng không thể có hoạt động tốt được. Cho nên biện pháp 1: Tổ chức bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên và các lực lượng tham gia giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh ở các trường THCS được đánh giá là rất quan trọng.

Khi đã có sự nhận thức đầy đủ về hoạt động phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, người thực hiện sẽ sẵn sàng tham gia vào hoạt động, lúc này cần thiết phải có một kế hoạch hoạt động chu đáo. Một kế hoạch dài hạn, cụ thể, chi tiết với nhiều phương án. Kế hoạch cụ thể, chi tiết thì các nội dung thực hiện sẽ đạt hiệu quả cao và không bị chông chéo.

Để thu hút được học sinh và các lực lượng giáo dục tham gia vào hoạt động phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM thì các hình thức hoạt động phải đa dạng, phong phú và có sự đổi mới. Do đó, để thực hiện được nhiệm

vụ này thì việc chỉ đạo TPT Đội và GVCN đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM cũng rất quan trọng.

Bên cạnh đó, hoạt động phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM chỉ thành công khi có sự kết hợp của nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố về CSVC, thiết bị, kinh phí hoạt động. Một khi đã thay đổi nhận thức, tư tưởng trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và họ đã đổi mới phương pháp, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hoạt động phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, làm cho học sinh hứng thú tham gia thì không thể tổ chức hoạt động đối thoại, tập huấn trong một căn phòng chật hẹp; không thể tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao mà thiếu loa, đài; không thể tổ chức các hoạt động tuyên truyền cổ động mà thiếu băng rôn, khẩu hiệu; không thể tổ chức đi trải nghiệm mà không có kinh phí.. Chính vì vậy biện pháp tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, kinh phí phục vụ hoạt động phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM là biện pháp cần thiết.

Nhận thức đúng đắn, kế hoạch hợp lý chưa thể đảm bảo cho hoạt động phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM đạt hiệu quả cao nếu như các lực lượng giáo dục không có sự phối hợp, tham gia. Vì vậy, cần thiết phải có sự quản lý việc phối hợp và huy động các lực lượng này ngay từ khâu lên kế hoạch đầu năm cho đến suốt quá trình thực hiện.

Kết thúc hoạt động nhất thiết bao giờ cũng phải có khâu kiểm tra, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm để bổ sung và điều chỉnh kịp thời. Việc kiểm tra đánh giá phải căn cứ vào kế hoạch đề ra, yêu cầu về mục tiêu giáo dục của hoạt động và đánh giá cần dựa vào quy trình đánh giá thì kết quả đánh giá sẽ khách quan và chính xác.

Như vậy, các biện pháp trên có sự kết hợp chặt chẽ, tương tác lẫn nhau. Mỗi biện pháp có thể mạnh, có vị trí cần thiết trong quá trình quản lý hoạt động phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Muốn đạt được hiệu quả cao nhất thì không thể xem nhẹ biện pháp nào, không thể thực hiện riêng biệt, tách rời các biện pháp nêu trên mà cần thực hiện một cách đồng bộ trong quản lý hoạt

động phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM tại các trường THCS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3.4. Khảo nghiệm về tính cần thiết và tính khả thi của những biện pháp đề xuất

Sau khi nghiên cứu lý luận chung về các vấn đề quản lý, quản lý phát triển; quản lý phát triển KNGT, để làm cơ sở, nền tảng nghiên cứu đề tài, chúng tôi đã khảo sát thực trạng quản lý phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM của các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Qua đánh giá thực trạng chúng tôi đề xuất 6 biện pháp quản lý phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM cho các trường THCS nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động này ở các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang trong thời gian tới.

Biện pháp 1: Bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên và các lực lượng tham gia giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh ở các trường THCS.

Biện pháp 2: Lập kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh.

Biện pháp 3: Chỉ đạo đa dạng hóa các hình thức hoạt động Đội nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh.

Biện pháp 4: Tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP HCM.

Biện pháp 5: Huy động các lực lượng giáo dục tham gia thực hiện phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

Biện pháp 6: Chỉ đạo đổi mới việc kiểm tra đánh giá phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh thông qua tổ chức hoạt động Đội TNTPHCM.

3.4.1. Mục đích khảo nghiệm

Lấy ý kiến của các đối tượng khảo nghiệm của 10 trường THCS trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp.

3.4.2. Đối tượng khảo nghiệm

Để khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp nêu trên, chúng tôi đã tiến hành trưng cầu ý kiến của:

- Cán bộ quản lý (Hiệu trưởng, hiệu phó): 20 đồng chí.
- TPT đội, bí thư đoàn: 16 đồng chí.
- GVCN: 24 đồng chí.

3.4.3. Nội dung khảo nghiệm

Nhận thức về mức độ cần thiết của 06 biện pháp đề ra, có 03 mức độ:

- Rất cần thiết: RCT
- Cần thiết: CT
- Không cần thiết: KCT

Nhận thức về mức độ khả thi của 06 biện pháp đề ra có 03 mức độ:

- Rất khả thi: RKT
- Khả thi: KT
- Không khả thi: KKT

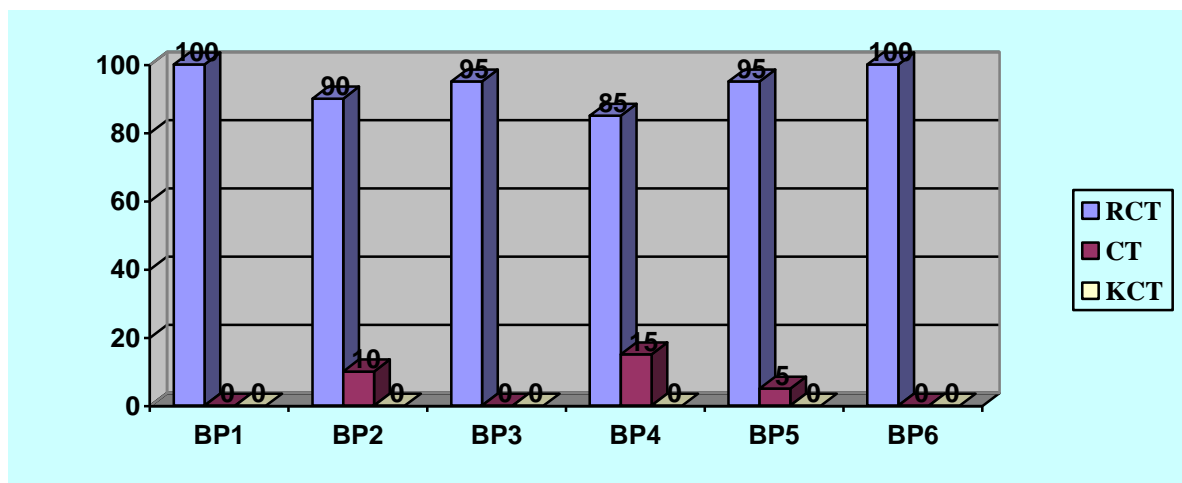
3.4.4. Phương pháp khảo nghiệm

- Điều tra bằng phiếu hỏi.

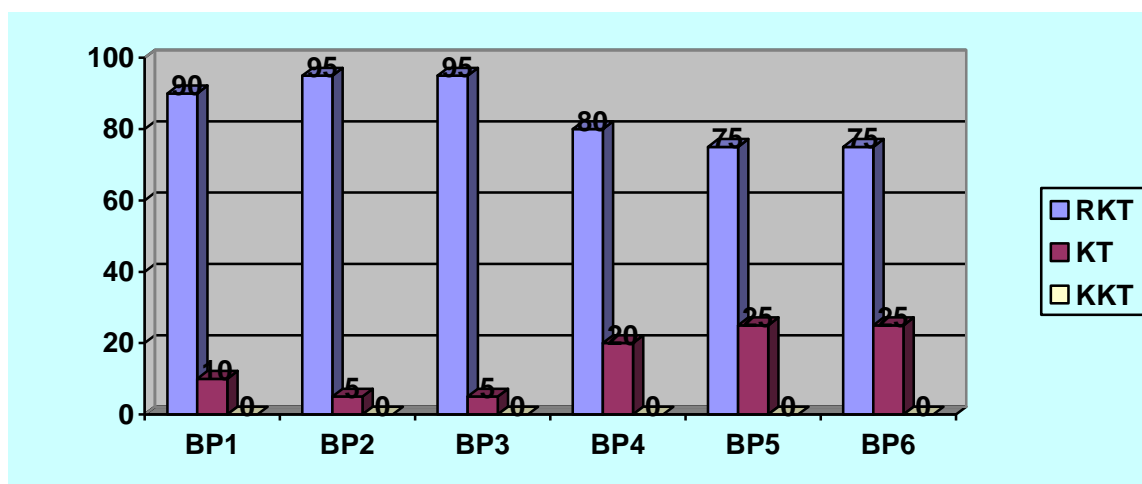
* Kết quả thống kê của CBQL về hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM trong các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bảng 3.1: Thống kê kết quả khảo sát ý kiến của CBQL về mức độ cần thiết, tính khả thi của 06 biện pháp đề xuất

TT	Các biện pháp	Tính cần thiết						Tính khả thi					
		RCT		CT		KCT		RKT		KT		KKT	
		SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
1	Biện pháp 1	20	100	0	0	0	0	18	90	2	10	0	0
2	Biện pháp 2	18	90	2	10	0	0	19	95	1	5	0	0
3	Biện pháp 3	19	95	0	0	0	0	19	95	1	5	0	0
4	Biện pháp 4	17	85	3	15	0	0	16	80	4	20	0	0
5	Biện pháp 5	19	95	1	5	0	0	15	75	5	25	0	0
6	Biện pháp 6	20	100	0	0	0	0	15	75	5	25	0	0



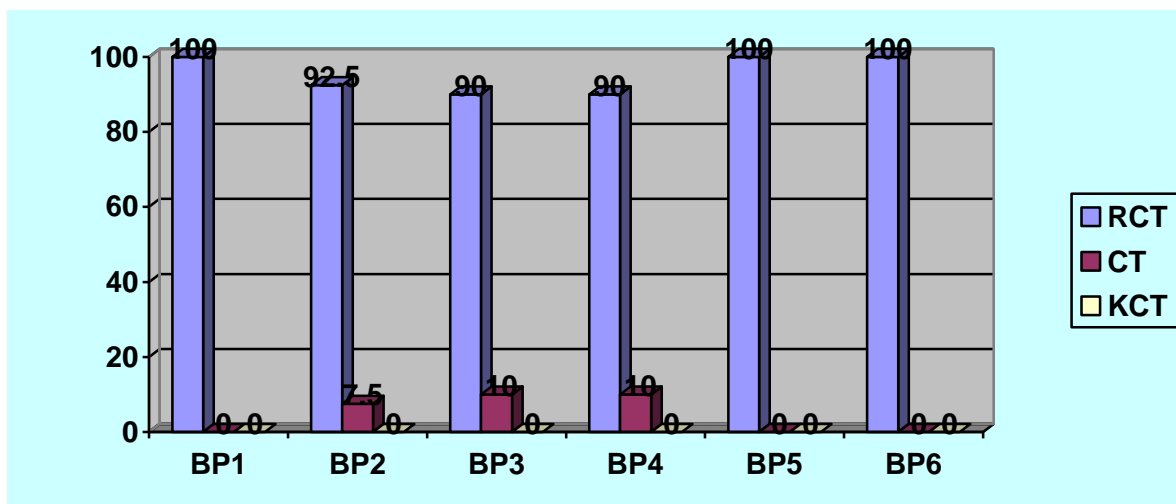
Biểu đồ 3.1. Ý kiến của CBQL về mức độ cần thiết của 6 biện pháp



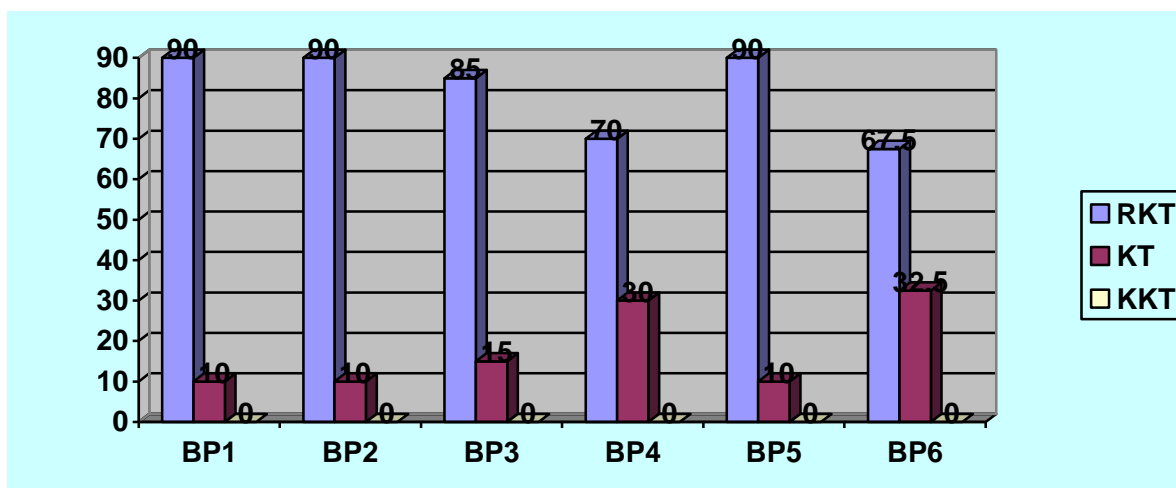
Biểu đồ 3.2. Ý kiến của CBQL về tính khả thi của 6 biện pháp

Bảng 3.2: Thống kê kết quả khảo sát ý kiến của cán bộ Đoàn-Đội, GVCN về mức độ cần thiết, tính khả thi của các biện pháp đề xuất

TT	Các biện pháp	Tính cần thiết						Tính khả thi					
		RCT		CT		KCT		RKT		KT		KKT	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
1	Biện pháp 1	40	100	0	0	0	0	36	90	4	10	0	0
2	Biện pháp 2	37	92.5	3	7.5	0	0	36	90	4	10	0	0
3	Biện pháp 3	36	90	4	10	0	0	34	85	6	15	0	0
4	Biện pháp 4	36	90	4	10	0	0	28	70	12	30	0	0
5	Biện pháp 5	40	100	0	0	0	0	36	90	4	10	0	0
6	Biện pháp 6	40	100	0	0	0	0	27	67.5	13	32.5	0	0



Biểu đồ 3.3. Ý kiến của GVCN, TPT đội, bí thư đoàn về mức độ cần thiết của 6 biện pháp



Biểu đồ 3.4. Ý kiến GVCN, TPT đội, bí thư đoàn về tính khả thi của 6 biện pháp

- Kết quả thống kê qua bảng 3.1 và bảng 3.2 và biểu đồ 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 cho thấy:

Đối với biện pháp 1; 2; 3: Theo số liệu thống kê có 100% CBQL và GV (GVCN, TPT đội, bí thư đoàn) đều đánh giá biện pháp này có tính cần thiết và tính khả thi. Họ cho rằng, khi CBQL, giáo viên, và các lực lượng tham gia giáo dục nhận thức đúng về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM thì việc thực hiện sẽ hiệu đạt hiệu quả cao. Việc hoàn thiện kế hoạch kế hoạch quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh sẽ giúp cho các lực lượng giáo dục có cơ sở

để thực hiện nhiệm vụ tốt hơn. Và việc các hoạt động của Đội được đa dạng hóa về hình thức sẽ thu hút được các lực lượng giáo viên và học sinh nhiệt tình tham gia, từ đó sẽ góp phần vào nâng cao chất lượng giáo dục của các nhà trường.

Đối với biện pháp 4; 5; 6: CBQL và GVCN, TPT đội, bí thư đoàn cũng đánh giá rất cao 03 biện pháp này. Họ cho rằng lâu nay trong các trường THCS trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, việc đầu tư cơ sở vật chất để thực hiện các nhiệm vụ giáo dục, đặc biệt là hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM là rất hạn chế. Nếu có sự đầu tư và quan tâm hơn thì việc nâng cao hiệu quả giáo dục là rất có cơ sở. Từ điều kiện thực tế của nhà trường của địa phương; họ cũng cho rằng khi có sự vào cuộc của các lực lượng giáo dục, khi công tác tổ chức kiểm tra đánh giá đạt hiệu quả thì hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM sẽ phát được phát huy tốt. Chính vì vậy, 100% CBQL, GVCN, TPT đội và bí thư đoàn đánh giá các biện pháp này là cần thiết và khả thi.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn quản lý phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ở các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tác giả đã đề xuất 6 biện pháp quản lý phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và tiến hành khảo nghiệm 6 biện pháp này. Qua kiểm chứng, có thể khẳng định rằng các biện pháp đưa ra để quản lý phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM của các trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là cần thiết và khả thi. Tuy nhiên, các biện pháp đề xuất trên không phải là mới, có những biện pháp đã được nhiều tác giả khi nghiên cứu nội dung này ở các đơn vị khác đã đưa ra, nhưng quan trọng hơn là các biện pháp này đã được thử nghiệm và vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tế ở các THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Qua khảo nghiệm, có thể khẳng định rằng các biện pháp đưa ra để quản lý phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM các THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là cấp thiết và khả thi, cần có thời gian triển khai, phát triển vào thực tiễn quản lý ở nhà trường trong những năm học tiếp theo.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Hoạt động giáo dục KNGT cho học sinh trong các trường THCS có vai trò hết sức quan trọng. Do đó, giáo dục KNGT không những thúc đẩy sự phát triển cá nhân, mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội; Việc giáo dục KNGT sẽ thúc đẩy những hành vi mang tính xã hội tích cực, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống xã hội và giảm các vấn đề xã hội. Giáo dục KNGT là yêu cầu cấp thiết đối với thế hệ trẻ; Giáo dục KNGT nhằm thực hiện yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. Vì vậy, Giáo dục KNGT là hình thành cách sống tích cực trong xã hội hiện đại, là xây dựng những hành vi lành mạnh và thay đổi hành vi, thói quen tiêu cực trên cơ sở giúp người học có cả kiến thức, giá trị, thái độ và các kỹ năng thích hợp.

Đề tài đã làm rõ hơn một số vấn đề lý luận, một số khái niệm về quản lý phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM; làm rõ mục tiêu, yêu cầu và một số vấn đề có liên quan về phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ở các trường THCS.

Đề tài tiến hành khảo sát thực trạng thực hiện và quản lý phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ở các trường THCS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; đánh giá được những ưu điểm, những tồn tại, hạn chế, nêu được nguyên nhân của những tồn tại hạn chế đó. Các trường đều có kế hoạch về phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, tuy nhiên kế hoạch xây dựng chưa chi tiết, chưa có sự đồng thuận, thống nhất cao. Các hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM đã được tổ chức, xong còn mang tính hình thức, lặp đi lặp lại, không gây được hứng thú cho học sinh. Công tác tuyên truyền phối hợp hoạt động với phụ huynh học sinh chưa tốt.

Trên cơ sở đó, để khắc phục tình trạng trên đề tài đề xuất 6 biện pháp về quản lý phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM đối với các trường THCS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động này.

Biện pháp 1: Bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên và các lực lượng tham gia giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh ở các trường THCS.

Biện pháp 2: Lập kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh.

Biện pháp 3: Chỉ đạo đa dạng hóa các hình thức hoạt động Đội nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh.

Biện pháp 4: Tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTP HCM.

Biện pháp 5: Huy động các lực lượng giáo dục tham gia thực hiện phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

Biện pháp 6: Chỉ đạo đổi mới việc kiểm tra đánh giá phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh thông qua tổ chức hoạt động Đội TNTPHCM.

Kết quả khảo nghiệm cho thấy tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp. Thực hiện đồng bộ 6 biện pháp sẽ góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM tại các trường THCS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Sở Giáo dục - Đào tạo Bắc Giang

Cần có những văn bản chỉ đạo toàn diện đối với các trường về công tác giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Có những yêu cầu, nội dung mang tính đặc thù cho các trường trên địa bàn tỉnh. Hàng năm tổ chức các đợt tập huấn về hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM cho đội ngũ CBQL và GV; tổ chức Hội thảo chuyên đề về giáo dục phát triển KNGT cho HS. Tổ chức cho đội ngũ CBQL tham quan học hỏi kinh nghiệm về quản lý phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ở các trường trong và ngoài tỉnh. Công tác kiểm tra, thanh tra đối với các trường cần chú trọng tới hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho HS, phát hiện những trường làm tốt, nhân rộng điển hình giáo dục phát triển KNGT cho HS trong toàn tỉnh. Làm tốt công tác thi đua, khen thưởng.

2.2. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hiệp Hòa

Mở lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng công tác tổ chức giáo dục kỹ năng sống, đặc biệt là phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM cho GVCN (hiện nay Phòng GD&ĐT thường tổ chức cho TPT đội).

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hiệp Hòa xây dựng lại tiêu chí đánh giá xếp loại thi đua các nhà trường, trong đó chú trọng đến mảng giáo dục kỹ năng sống, cần nâng số điểm thi đua lên cao hơn để vị trí của hoạt động này tương xứng với trong phong trào khác trong các nhà trường.

Khi thanh tra, kiểm tra đánh giá xếp loại trường học hàng năm cần kiểm tra mảng hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM kỹ hơn, từ khâu kế hoạch đến việc tổ chức thực hiện, có thể kiểm tra khảo sát hành vi đạo đức của học sinh của các trường đến thanh tra. Tránh tình trạng chỉ khảo sát chất lượng các môn văn hóa, kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn đối với các môn trong lớp học mà bỏ qua các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục kỹ năng sống.

Tổ chức mô hình điểm về giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, về hoạt động tập thể như: Buổi chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp, sinh hoạt sao nhi đồng, tổ chức nói chuyện truyền thống..., triệu tập đầy đủ ban giám hiệu, tổng phụ trách đội, một số GV chủ nhiệm của các trường trong huyện tới dự để cùng học tập, rút kinh nghiệm.

Trong báo cáo hàng tháng, phòng GD&ĐT nên yêu cầu các đơn vị báo cáo có kèm theo hình ảnh về việc tổ chức giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM để minh chứng xem việc tổ chức các hoạt động là thật hay chỉ báo cáo mà không làm (hiện tượng các đơn vị báo cáo có tổ chức nhưng thực chất là không tổ chức gì cũng đã xảy ra ở một vài đơn vị).

Tổ chức và duy trì thường xuyên cuộc thi GVCN giỏi cấp huyện, TPT đội giỏi cấp huyện.

2.3. Với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương.

Phát huy vai trò lãnh đạo quản lý trực tiếp của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội, trước hết là các ban ngành đoàn thể và nhân dân địa phương để làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực cho giáo dục THCS, để đào tạo nguồn nhân lực lao động chất lượng cao cho chính quyền địa phương.

2.4. Đối với các trường THCS huyện Hiệp Hòa.

Tổ chức học tập chuyên đề về hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ngay từ đầu năm học để nâng cao nhận

thức cho đội ngũ giáo viên, cha mẹ học sinh về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM trong việc giáo dục học sinh.

Có kế hoạch hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM một cách cụ thể, chi tiết và được triển khai tới toàn thể CBGV, học sinh, phụ huynh học sinh.

Chú ý tôn tạo CSVC, bổ sung thiết bị phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM được tốt hơn.

Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng, phê bình các tập thể, cá nhân trong việc thực hiện hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

Tích cực và hiệu quả hơn nữa công tác xã hội hóa giáo dục. Thường xuyên tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền nhằm tranh thủ sự ủng hộ. Kêu gọi các tổ chức tập thể, cá nhân, các doanh nghiệp có tấm lòng hảo tâm đóng góp cho nhà trường nói chung và cho hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt:

1. A.G. Côvaliov (1994), *Tâm lý học cá nhân*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. A.N. Lêônchiev (1972), *Con người và văn hoá*, Tài liệu dịch, Hà Nội.
3. Hoàng Anh, Vũ Kim Thanh (1997), *Giao tiếp Sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Hoàng Thị Anh (1992), *Kỹ năng giao tiếp sư phạm của sinh viên*, Luận án tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội.
5. Ban chấp hành Trung ương (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.
6. Đặng Quốc Bảo(2010), *Tư tưởng giáo dục*, Tập bài giảng lớp cao học QLGD năm 2010.
7. Đặng Quốc Bảo (2011), *Những vấn đề cơ bản về lãnh đạo quản lý và sự vận dụng vào điều hành nhà trường*, Tập bài giảng lớp cao học QLGD năm 2010.
8. Hoàng Chí Bảo (2007), *Phát triển xã hội và quản lý sự phát triển xã hội: Quan niệm, vấn đề, sự cần thiết cho Việt Nam và xác định logic nghiên cứu*, Thông tin khoa học xã hội, số 12. 2007.
9. Nguyễn Ngọc Bảo (2005), *Lý luận dạy học ở trường THCS*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
10. B.F. Lômov (1978), “Giao tiếp là một vấn đề của tâm lý học đại cương”, *Những vấn đề của tâm lý học xã hội*, NXB Khoa học, Hà Nội, tr. 13, 100.
11. B.F. Lômov (1986), *Phạm trù giao tiếp và hoạt động trong tâm lý học*, Bản dịch của Viện khoa học giáo dục, Hà Nội.
12. B.F. Lômov (2000), *Những vấn đề lý luận và phương pháp luận tâm lý học*, Bản dịch của Nguyễn Đức Hưởng, Dương Diệu Hoa, Phan Trọng Ngọ, NXB ĐHQG, Hà Nội.
13. Nguyễn Thanh Bình (1996), *Trở ngại tâm lý của sinh viên trong giao tiếp với học sinh khi thực tập tốt nghiệp*, Luận án Tiến sĩ khoa học Sư phạm - Tâm lý, Hà Nội.
14. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề: Giáo dục kỹ năng sống*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
15. Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Kim Dung, Lưu Thu Thủy, Vũ Thị Sơn (2003), *Những nghiên cứu và thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam*, Viện chiến lược và chương trình giáo dục, Hà Nội.

16. Bộ GD&ĐT(2009), *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS*, Thông tư 30/TT-BGDĐT quy định chuẩn giáo viên trung học cơ sở, giáo viên THPT.
17. Bộ GD&ĐT(2010), *Giáo dục kỹ năng sống trong hoạt động GDNGLL ở trường THCS*, NXB giáo dục.
18. Bộ GD&ĐT(2011), Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/03/2011 ban hành điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.
19. Bộ GD&ĐT(2014), Thông tư ban hành quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.
20. Lê Thị Bùng (1997), *Tâm lý học ứng xử*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
21. Cẩm nang công tác Thanh thiếu niên dành cho cán bộ Đoàn, Hội, Đội (2006), Nhà xuất bản chính trị quốc gia.
22. Nguyễn Liên Châu (2000), *Một số đặc điểm giao tiếp của Hiệu trưởng trường tiểu học*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý, Hà Nội.
23. Nguyễn Phúc Châu (2010), *Quản lý quá trình sư phạm trong nhà trường phổ thông*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
24. Nguyễn Đức Chính (2011), *Đo lường và đánh giá trong giáo dục - Tập bài giảng lớp cao học chuyên ngành QLGD, K9 (2009 - 2011)*, Trường ĐHGĐ- ĐHQG, Hà Nội.
25. Lê Thị Dắt (2010), *Trò chơi trong sinh hoạt Thanh thiếu niên*, NXB Kim Đồng
26. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh - Dự án P12 (2003), Cẩm nang giáo dục kỹ năng sống về sức khỏe sinh sản vị thành niên.
27. Trần Khánh Đức (2009), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
28. F. B. Abbatt (1989), *Dạy tốt, học tốt*, Trung tâm nghiên cứu chất lượng đào tạo Bộ y tế, Hà Nội.
29. Nguyễn Văn Giới (2014), *Phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh trường PTDT nội trú tỉnh Hà Giang*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
30. Phạm Minh Hạc (2001), *Phát triển con người toàn diện thời kỳ CNH - HĐH đất nước*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia.
31. Đặng Xuân Hải (2010), *Quản lý sự thay đổi vận dụng cho quản lý các trường*, Tập bài giảng tại lớp cao học chuyên ngành QLGD, K9 (2009 - 2011), Trường ĐHGĐ - ĐHQG, Hà Nội.
32. Phùng Thị Hằng (2006), *Một số đặc điểm giao tiếp của học sinh THPT dân tộc Tày, Nùng*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Đại học sư phạm Hà Nội.

33. H. Hipsor, M. Phorvec (1994), *Nhập môn Tâm lý học xã hội*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
34. Ngô Công Hoàn (1992), *Một số vấn đề về tâm lý học về giao tiếp sư phạm*, Hà Nội.
35. Đặng Vũ Hoạt (1998), *Hoạt động GDNGLL ở trường THCS*, NXB giáo dục.
36. Trần Kiểm (1997), *Quản lý giáo dục và trường học*, Viện khoa học giáo dục Hà Nội.
37. Nguyễn Sông Lam (2007), *Người phụ trách đội cần biết*, NXB Thanh niên.
38. Nguyễn Thị Mỹ Loan (2014), *Quản lý phát triển đội ngũ giảng viên trường cao đẳng nghề đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
39. Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Đinh Thị Kim Thoa - Bùi Thị Thúy Hằng (2010), *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh tiểu học*, Nhà Xuất bản đại học quốc gia Hà Nội.
40. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (1996), *Tâm lý học sư phạm, trường cán bộ quản lý giáo dục*.
41. M.A. Đanhilop, M.N. Xcatkin (1980), *Lý luận dạy học của trường phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
42. Nguyễn Thị Thanh Mai, Đặng Thúy Anh, *Module 35: giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THCS*.
43. Nguyễn Bá Minh (2008), *Giáo trình nhập môn khoa học giao tiếp*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
44. N.D.Lêvitov (1972), *Tâm lý học trẻ em và tâm lý học Sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
45. N.D. Lêvitov (1983), *Tâm lý học cá nhân, tập 3*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
46. Ngô Giang Nam (2013), *Giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh tiểu học nông thôn miền núi phía Bắc*, Luận án tiến sĩ, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
47. Nguyễn Hồng Nga (2005), *Nghi thức Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh*. NXB đại học sư phạm.
48. Nguyễn Ngọc Quang (1989), *Những khái niệm cơ bản về lý luận quản lý giáo dục*, Tài liệu trường cán bộ QLGD, Hà Nội.
49. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Luật giáo dục*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội

50. S. Ostrander (1989), *Nghệ thuật giao tiếp*, NXB Long An.
51. Huỳnh Văn Sơn (2009), *Nhập môn kỹ năng sống*, nhà xuất bản giáo dục.
52. R.S. Laurent (1995), *28 bài học xử thế: ở sao cho vừa lòng người*, NXB Thanh Niên, Hà Nội.
53. Đinh Thị Kim Thoa (2010), *Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT*, Nhà xuất bản đại học quốc gia Hà Nội.
54. Đinh Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Trần Văn Tính (2009), *Tâm lý học phát triển*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.
55. Trần Trọng Thủy (1993), *Bài giảng tâm lý học giao tiếp*, Đại học sư phạm, Hà Nội.
56. V.A. Cancalic (1991), *Hoạt động sư phạm là quá trình sáng tạo*, Viện nghiên cứu Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
57. V.A. Cruchetxki (Tập 1 -1980, Tập 2-1981), *Những cơ sở của tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
58. V.P. Đavudov (2000), *Các dạng khái quát hoá trong dạy học*, NXB ĐHQG Hà Nội.
59. Phạm Viêt Vượng (2005), *Lý luận giáo dục*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

Tài liệu tiếng Anh:

60. Thomas, Alan (Technology Faculty, Open University, Milton Keynes, UK), (1996): *What is development management?*; Journal of International Development; Volume 8, Issue 1, pages 95-110, January 1996; [http://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1002/\(SICI\)10991328\(199601\)8:1%3C95::AID-JID348%3E3.0.CO;2-B/abstract](http://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1002/(SICI)10991328(199601)8:1%3C95::AID-JID348%3E3.0.CO;2-B/abstract);
61. Thomas, Alan (1999): *What makes good development management?* Development in Practice; Volume 9, Issue 1-2, 1999; <http://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/09614529953179?journalCode=cdip20#.Uy-a7qiSzdM>;

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN VỀ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG ĐỘI TNTPHCM TẠI CÁC TRƯỜNG THCS HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Mẫu 1.1:

PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho học sinh THCS)

Để phục vụ cho công tác nghiên cứu thực trạng quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM, mong em vui lòng cho biết những thông tin dưới đây:

Phần 1: Thông tin cá nhân

Trường:

Lớp:

Giới tính:

Dân tộc:

Phần 2: Nội dung phỏng vấn

Câu 1: Em hiểu kỹ năng giao tiếp là gì?

(Hãy đánh dấu x vào nội dung mà em chọn)

Stt	Nội dung	Ý kiến
1	<i>là những vấn đề mà các em được viết, được làm để đạt được mục tiêu.</i>	
2	<i>là những kỹ năng được nói, được làm, được trao đổi, được thể hiện đối với người khác.</i>	
3	<i>là năng lực tiến hành các thao tác, hành động, kể cả năng lực thể hiện xúc cảm, thái độ nhằm giúp chủ thể giao tiếp trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm với đối tượng giao tiếp.</i>	
4	<i>là cách thức tổ chức các hoạt động mà người khác hoạt động theo ý muốn của mình</i>	

Câu 2: Theo em, Hoạt động Đội TNTPHCM có vai trò như thế nào trong các hoạt động giáo dục ở nhà trường? Đánh dấu (x) vào đáp án em chọn.

Rất quan trọng

Quan trọng

Không quan trọng

Câu 3: Theo em, hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh có giúp em phát triển kỹ năng giao tiếp ko? Đánh dấu (x) vào đáp án em chọn.

Có

Không

Câu 4: Em nhận thấy mình có những biểu hiện nào khi tham gia các hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh ? Hãy đánh dấu (x) vào ô tương ứng mà em chọn.

TT		Các dấu hiệu biểu hiện	Mức độ đánh giá	
			Có	Không
1	a	Niềm nở trong lần giao tiếp đầu tiên		
	b	Nhanh chóng thích nghi với các hoạt động		
	c	Tự nhiên khi tiếp xúc với tập thể, đám đông		
	d	Sẵn sàng tiếp xúc với người lạ, không rụt rè		
2	a	Thường chú ý tới hình thức bên ngoài của bạn		
	b	Chú ý tới động tác, cử chỉ của bạn		
	c	Chú ý tới ngôn ngữ diễn tả, cách nói của bạn		
	d	Chú ý tới sắc thái biểu cảm của bạn		
3	a	Thường xuyên cười với mọi người khi tham gia các hoạt động		
	b	Thường nhìn vào mắt đối tượng khi tham gia các hoạt động		
	c	Thường ngoảnh đầu hoặc hơi nghiêng đầu khi tham gia các hoạt động		
	d	Thường gật đầu khi đồng ý		
4	a	Quan tâm đến nhu cầu sở thích của bạn bè khi tiếp xúc với họ		
	b	Thường xuyên chú ý tới những việc mà người xung quanh thường quan tâm		
	c	Dành thời gian hợp lý để quan tâm đến tất cả công việc của đối tượng giao tiếp đang làm		
	d	Hiểu biết về mối quan hệ giữa mong muốn của đối tượng giao tiếp và hiệu quả của việc tiếp xúc với họ		
5	a	Có thể nhắc lại bằng lời chính xác những gì đối tượng giao tiếp đã nói		
	b	Nhanh chóng nhận ra được ý định của đối tượng giao tiếp trong câu chuyện của họ		
	c	Sự quan tâm của mình đối với mọi người được mọi người công nhận		
	d	Nhanh chóng nhận ra sự lạc đề của đối tượng giao tiếp khi nghe họ trình bày		

6	a	Biết kiềm chế mình khi đối tượng giao tiếp trêu chọc, khích bác, nói xấu		
	b	Thường xuyên giữ được bình tĩnh khi tranh cãi		
	c	Được mọi người thừa nhận về khả năng tự chủ cảm xúc khi tranh luận trong giao tiếp		
	d	Tự kiềm chế mình trong các tình huống giao tiếp phức tạp		
7	a	Nhanh chóng nhận ra sự thiếu tế nhị khi xen vào câu chuyện của đối tượng giao tiếp khi họ không yêu cầu		
	b	Thành thạo khi ngăn cản đối tượng giao tiếp khi họ nói quá nhiều		
	c	Linh hoạt, nhẹ nhàng khi tác động vào đối tượng giao tiếp khi họ lúng túng, bối rối		
	d	Linh hoạt, thông minh biết dừng tranh luận đúng lúc với đối tượng giao tiếp		
8	a	Khả năng trình bày vấn đề hấp dẫn, sinh động, thu hút đối tượng giao tiếp lắng nghe		
	b	Sẵn sàng học cách trình bày ngắn gọn, dễ hiểu, logic		
	c	Không hài lòng về sự dài dòng, không toát ý khi chính mình diễn đạt nội dung giao tiếp		
	d	Chủ động rèn luyện nhằm nâng cao hơn khả năng diễn đạt của bản thân		
9	a	Sẵn sàng tiếp nhận quan điểm, ý kiến đúng của đối tượng giao tiếp		
	b	Linh hoạt khi cần nhường nhịn đối tượng giao tiếp trong tranh luận để giải quyết các vấn đề quan trọng khác		
	c	Kịp thời thay đổi quan điểm cho phù hợp trong các tình huống giao tiếp		
	d	Khéo léo phản đối những đối tượng giao tiếp khi không để ý tới thái độ của người tiếp xúc		
10	a	Trình bày luận điểm của mình rõ ràng, cụ thể, có sức thuyết phục trong tranh luận		
	b	Học cách thuyết phục đối tượng giao tiếp và rèn luyện để nâng cao hơn khả năng đó cho mình		
	c	Quyết tâm thuyết phục đối tượng giao tiếp khi họ có ý kiến trái ngược mình		
	d	Có khả năng làm cho mọi người đồng tình và ủng hộ quan điểm của mình ngay cả khi họ thiếu tự tin		

11	a	Mạnh dạn, chắc chắn khi khẳng định những điều mình tin tưởng		
	b	Chủ động đề xướng, tổ chức các hoạt động tập thể		
	c	Thông minh, linh hoạt khi hướng đối tượng giao tiếp giải quyết dứt điểm từng phần việc trong bàn bạc thảo luận		
	d	Mong muốn giữ vai trò chủ chốt trong tập thể, đơn vị		
12	a	Kiên quyết các quyết định của bạn trong quá trình giao tiếp		
	b	Thường có lời khuyên phù hợp với đối tượng giao tiếp khi họ gặp khó khăn		
	c	Mọi người luôn đồng ý với ý kiến của bạn trong các hoạt động tập thể		
	d	Luôn tự tin với các quyết định mà mình đưa ra		

Câu 5: Em mong muốn được phát triển kỹ năng giao tiếp nào trong thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ? Hãy đánh dấu (x) vào ô tương ứng.

(RCT: Rất cần thiết CT: Cần thiết ICT: Ít cần thiết KCT: Không cần thiết)

TT	Các kỹ năng giao tiếp	Mức độ đánh giá							
		RCT		CT		ICT		KCT	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Kỹ năng tiếp xúc, thiết lập mối quan hệ giao tiếp								
2	Kỹ năng định hướng								
3	Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ (bằng hành động, cử chỉ...)								
4	Kỹ năng biết cân bằng nhu cầu của cá nhân và đối tượng giao tiếp								
5	Kỹ năng nghe và biết lắng nghe đối tượng giao tiếp								
6	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi								
7	Kỹ năng tự kiểm chế và kiểm tra đối tượng giao tiếp								
8	Kỹ năng diễn đạt ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu								
9	Kỹ năng linh hoạt, mềm dẻo trong giao tiếp								
10	Kỹ năng thuyết phục đối tượng giao tiếp								
11	Kỹ năng chủ động điều khiển quá trình giao tiếp								
12	Kỹ năng ra quyết định								
13	Các kỹ năng khác (kể tên):								

Câu 6: Em hãy cho biết, các hoạt động của Đội TNTPHCM, hoạt động nào giúp em phát triển kỹ năng giao tiếp của bản thân? Đánh dấu (x) vào ô mức độ mà em chọn.

(RCT: *Rất cần thiết*, CT: *Cần thiết*, KCT: *Không cần thiết*)

Stt	Các hoạt động	Mức độ		
		RCT	CT	KCT
1	Chơi các trò chơi dân gian các giờ ra chơi			
2	Qua các buổi sinh hoạt lớp, chi đội			
3	Qua các hoạt động giao lưu giữa các lớp trong trường và qua các buổi giao lưu các câu lạc bộ với trường khác			
4	Thông qua các cuộc thi do Liên đội tổ chức (văn nghệ, thể dục thể thao, nghi thức Đội...)			
5	Qua các buổi sinh hoạt các câu lạc bộ (thể dục thể thao, văn nghệ, câu lạc bộ nghe nói tiếng anh...)			
6	Qua các cuộc thi hiểu biết kiến thức xã hội, khoa học, các chuyên đề về tìm hiểu luật phòng chống ma túy, sức khỏe sinh sản, an toàn giao thông do Liên đội tổ chức			
7	Các hoạt động trải nghiệm sáng tạo			
8	Qua các buổi lao động công ích			
9	Thông qua các buổi đối thoại			
10	Qua các buổi tập huấn			
11	Các hoạt động khác (kể tên):			

Câu 7: Để giúp em phát triển kỹ năng giao tiếp khi tham gia các hoạt động của Đội TNTP HCM, em có mong muốn gì ?

1. Với thầy cô:

.....

2. Với Nhà trường

.....

3. Với các bạn học sinh

.....

Phụ lục 2
PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN VỀ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN
KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG ĐỘI
TNTPHCM TẠI CÁC TRƯỜNG THCS HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Mẫu 1.2:

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN
(Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên)

Để phục vụ đề tài nghiên cứu thực trạng quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM. Kính mong quý Thầy (Cô) vui lòng trả lời các câu hỏi sau:

Phần 1: Thông tin cá nhân

- Trường:
- Đối tượng : Cán bộ quản lý Giáo viên
- Số năm công tác:
- Môn học giảng dạy:

Phần 2: Nội dung phỏng vấn

Câu 1: Đồng chí hiểu thế nào là kỹ năng giao tiếp? Hãy đánh dấu (x) vào nội dung mà đồng chí chọn.

Stt	Câu hỏi	Đáp án
1	<i>là những vấn đề mà các em được viết, được làm để đạt được mục tiêu.</i>	
2	<i>là những những kỹ năng được nói, được làm, được trao đổi, được thể hiện đối với người khác.</i>	
3	<i>là năng lực tiến hành các thao tác, hành động, kể cả năng lực thể hiện xúc cảm, thái độ nhằm giúp chủ thể giao tiếp trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm với đối tượng giao tiếp.</i>	
4	<i>là cách thức tổ chức các hoạt động mà người khác hoạt động theo ý muốn của mình</i>	

Câu 2: Theo đồng chí, Hoạt động Đội TNTPHCM có vai trò như thế nào trong các hoạt động giáo dục ở nhà trường? Đánh dấu (x) vào đáp án Đ/c chọn.

- Rất quan trọng Quan trọng Không quan trọng

Câu 3: Đồng chí hãy cho biết học sinh có những biểu hiện nào khi tham gia các hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh ? Hãy đánh dấu (x) vào ô tương ứng mà đồng chí chọn.

TT		Các dấu hiệu biểu hiện	Mức độ đánh giá	
			Có	Không
1	a	Niềm nở trong lần giao tiếp đầu tiên		
	b	Nhanh chóng thích nghi với các hoạt động		
	c	Tự nhiên khi tiếp xúc với tập thể, đám đông		
	d	Sẵn sàng tiếp xúc với người lạ, không rụt rè		
2	a	Thường chú ý tới hình thức bên ngoài của bạn		
	b	Chú ý tới động tác, cử chỉ của bạn		
	c	Chú ý tới ngôn ngữ diễn tả, cách nói của bạn		
	d	Chú ý tới sắc thái biểu cảm của bạn		
3	a	Thường xuyên cười với mọi người khi tham gia các hoạt động		
	b	Thường nhìn vào mắt đối tượng khi tham gia các hoạt động		
	c	Thường ngoảnh đầu hoặc hơi nghiêng đầu khi tham gia các hoạt động		
	d	Thường gật đầu khi đồng ý		
4	a	Quan tâm đến nhu cầu sở thích của bạn bè khi tiếp xúc với họ		
	b	Thường xuyên chú ý tới những việc mà người xung quanh thường quan tâm		
	c	Dành thời gian hợp lý để quan tâm đến tất cả công việc của đối tượng giao tiếp đang làm		
	d	Hiểu biết về mối quan hệ giữa mong muốn của đối tượng giao tiếp và hiệu quả của việc tiếp xúc với họ		
5	a	Có thể nhắc lại bằng lời chính xác những gì đối tượng giao tiếp đã nói		
	b	Nhanh chóng nhận ra được ý định của đối tượng giao tiếp trong câu chuyện của họ		
	c	Sự quan tâm của mình đối với mọi người được mọi người công nhận		
	d	Nhanh chóng nhận ra sự lạc đề của đối tượng giao tiếp khi nghe họ trình bày		

6	a	Biết kiềm chế mình khi đối tượng giao tiếp trêu chọc, khích bác, nói xấu		
	b	Thường xuyên giữ được bình tĩnh khi tranh cãi		
	c	Được mọi người thừa nhận về khả năng tự chủ cảm xúc khi tranh luận trong giao tiếp		
	d	Tự kiềm chế mình trong các tình huống giao tiếp phức tạp		
7	a	Nhanh chóng nhận ra sự thiếu tế nhị khi xen vào câu chuyện của đối tượng giao tiếp khi họ không yêu cầu		
	b	Thành thạo khi ngăn cản đối tượng giao tiếp khi họ nói quá nhiều		
	c	Linh hoạt, nhẹ nhàng khi tác động vào đối tượng giao tiếp khi họ lúng túng, bối rối		
	d	Linh hoạt, thông minh biết dừng tranh luận đúng lúc với đối tượng giao tiếp		
8	a	Khả năng trình bày vấn đề hấp dẫn, sinh động, thu hút đối tượng giao tiếp lắng nghe		
	b	Sẵn sàng học cách trình bày ngắn gọn, dễ hiểu, logic		
	c	Không hài lòng về sự dài dòng, không toát ý khi chính mình diễn đạt nội dung giao tiếp		
	d	Chủ động rèn luyện nhằm nâng cao hơn khả năng diễn đạt của bản thân		
9	a	Sẵn sàng tiếp nhận quan điểm, ý kiến đúng của đối tượng giao tiếp		
	b	Linh hoạt khi cần nhường nhịn đối tượng giao tiếp trong tranh luận để giải quyết các vấn đề quan trọng khác		
	c	Kịp thời thay đổi quan điểm cho phù hợp trong các tình huống giao tiếp		
	d	Khéo léo phản đối những đối tượng giao tiếp khi không để ý tới thái độ của người tiếp xúc		
10	a	Trình bày luận điểm của mình rõ ràng, cụ thể, có sức thuyết phục trong tranh luận		
	b	Học cách thuyết phục đối tượng giao tiếp và rèn luyện để nâng cao hơn khả năng đó cho mình		

	c	Quyết tâm thuyết phục đối tượng giao tiếp khi họ có ý kiến trái ngược mình		
	d	Có khả năng làm cho mọi người đồng tình và ủng hộ quan điểm của mình ngay cả khi họ thiếu tự tin		
11	a	Mạnh dạn, chắc chắn khi khẳng định những điều mình tin tưởng		
	b	Chủ động đề xướng, tổ chức các hoạt động tập thể		
	c	Thông minh, linh hoạt khi hướng đối tượng giao tiếp giải quyết dứt điểm từng phần việc trong bàn bạc thảo luận		
	d	Mong muốn giữ vai trò chủ chốt trong tập thể, đơn vị		
12	a	Kiên quyết các quyết định của bạn trong quá trình giao tiếp		
	b	Thường có lời khuyên phù hợp với đối tượng giao tiếp khi họ gặp khó khăn		
	c	Mọi người luôn đồng ý với ý kiến của bạn trong các hoạt động tập thể		
	d	Luôn tự tin với các quyết định mà mình đưa ra		

Câu 4: Đồng chí cho biết học sinh có thể phát triển kỹ năng giao tiếp nào thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ? Hãy đánh dấu (x) vào ô tương ứng.

TT	Các kỹ năng giao tiếp	Mức độ đánh giá	
		Có	không
1	Kỹ năng tiếp xúc, thiết lập mối quan hệ giao tiếp		
2	Kỹ năng định hướng		
3	Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ (bằng hành động, cử chỉ...)		
4	Kỹ năng biết cân bằng nhu cầu của cá nhân và đối tượng giao tiếp		
5	Kỹ năng nghe và biết lắng nghe đối tượng giao tiếp		
6	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi		
7	Kỹ năng tự kiểm chế và kiểm tra đối tượng giao tiếp		
8	Kỹ năng diễn đạt ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu		
9	Kỹ năng linh hoạt mềm dẻo trong giao tiếp		
10	Kỹ năng thuyết phục đối tượng giao tiếp		
11	Kỹ năng chủ động điều khiển quá trình giao tiếp		
12	Kỹ năng ra quyết định		
13	Các kỹ năng khác (ghi cụ thể):		

Câu 5: Đồng chí hãy cho biết ở đơn vị các đồng chí, học sinh đã được rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp thông các hoạt động Đội TNTPHCM nào sau đây ? Hãy đánh dấu (x) vào nội dung mà đồng chí chọn.

(*RTX: Rất thường xuyên, TX: Thường xuyên, KTX: Không thường xuyên*)

Stt	Các hoạt động	Mức độ đánh giá		
		RTX	TX	KTX
1	Chơi các trò chơi dân gian các giờ ra chơi			
2	Qua các buổi sinh hoạt lớp, chi đội			
3	Qua các hoạt động giao lưu giữa các lớp trong trường và qua các buổi giao lưu các câu lạc bộ với trường khác			
4	Thông qua các cuộc thi do Liên đội tổ chức (văn nghệ, thể dục thể thao, nghi thức Đội...)			
5	Qua các buổi sinh hoạt các câu lạc bộ (thể dục thể thao, văn nghệ, câu lạc bộ nghe nói tiếng anh...)			
6	Qua các cuộc thi hiểu biết kiến thức xã hội, khoa học, các chuyên đề về tìm hiểu luật phòng chống ma túy, sức khỏe sinh sản, an toàn giao thông do Liên đội tổ chức			
7	Các hoạt động trải nghiệm sáng tạo			
8	Qua các buổi lao động công ích			
9	Thông qua các buổi đối thoại			
10	Qua các buổi tập huấn			
11	Các hoạt động khác (kể tên):			

Câu 6: Trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh, Đồng chí đã chú trọng giáo dục các KNKT nào cho học sinh ? Hãy đánh dấu (x) vào nội dung mà đồng chí chọn.

TT	Các kỹ năng giao tiếp	Mức độ đánh giá	
		Có	không
1	Kỹ năng tiếp xúc, thiết lập mối quan hệ giao tiếp		
2	Kỹ năng định hướng		
3	Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ (bằng hành động, cử chỉ...)		
4	Kỹ năng biết cân bằng nhu cầu của cá nhân và đối tượng giao tiếp		
5	Kỹ năng nghe và biết lắng nghe đối tượng giao tiếp		
6	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi		
7	Kỹ năng tự kiểm chế và kiểm tra đối tượng giao tiếp		
8	Kỹ năng diễn đạt ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu		
9	Kỹ năng linh hoạt mềm dẻo trong giao tiếp		
10	Kỹ năng thuyết phục đối tượng giao tiếp		
11	Kỹ năng chủ động điều khiển quá trình giao tiếp		
12	Kỹ năng ra quyết định		
13	Các kỹ năng khác (ghi cụ thể):		

Câu 7: Đồng chí cho biết, các yếu tố nào ảnh hưởng tới hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM của các em ? Đánh dấu (x) vào ô tương ứng.

(RAH: Ảnh hưởng; AH: Ảnh hưởng IAH: Ít ảnh hưởng KAH: Không ảnh hưởng)

Stt	Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ đánh giá			
		RAH	AH	IAH	KAH
1	Điều kiện tổ chức các hoạt động Đội				
2	Năng lực tổ chức của TPT Đội				
3	Năng lực của GVCN				
4	Sự tham gia của các giáo viên bộ môn				
5	Sự quan tâm tạo điều kiện của nhà trường				
6	Tính tích cực của học sinh				

Câu 8: Đồng chí hãy cho biết, công tác quản lý các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ? Hãy đánh dấu (x) vào nội dung mà đồng chí chọn.

Stt	Nội dung	Mức độ thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Việc sử dụng các phòng chức năng, nhà đa năng, sân chơi bãi tập phục vụ cho các hoạt động giáo dục phát triển KNGT				
2	Việc sử dụng các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động giáo dục phát triển KNGT				
3	Việc đầu tư bổ sung các trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục phát triển KNGT				
4	Kinh phí dành cho tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về tổ chức hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho giáo viên				
5	Kinh phí dành cho việc bồi dưỡng năng lực công tác Đội, hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho cán bộ lớp				
6	Kinh phí dành cho các hoạt động của các câu lạc bộ và sinh hoạt chuyên đề				
7	Huy động các nguồn kinh phí cho hoạt động giáo dục phát triển KNGT				

Câu 9: Đồng chí hãy cho biết, sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục tham gia tổ chức hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh như thế nào ở đơn vị các đồng chí. Hãy đánh dấu (x) vào nội dung mà đồng chí chọn.

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Phối kết giữa Đội với GVCN				
2	Phối kết giữa GVCN với Ban đại diện cha mẹ học sinh				
3	Phối kết giữa GVCN với giáo viên bộ môn				
4	Phối kết giữa Đội Với cấp trên				
5	Nhà trường với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường				

*** Hỏi thêm đối với CBQL**

Câu 10: Đồng chí cho biết tình hình tổ chức chỉ đạo việc lập kế hoạch hoạt động Đội TNTPHCM như thế nào để phát triển kỹ năng giao tiếp ? Hãy đánh dấu (x) vào nội dung mà đồng chí chọn.

Stt	Quản lý các loại kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM	Mức độ thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Kế hoạch cả năm về hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.				
2	Kế hoạch hàng tháng theo các chủ điểm, kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, các hoạt động ngoại khóa...				
3	Kế hoạch thực hiện nội dung, chương trình, quá trình và các điều kiện hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.				
4	Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ lòng cốt tham gia hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.				
5	Kế hoạch phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia...				
6	Kế hoạch kiểm tra đánh giá thực hiện kế hoạch...				

Câu 11: Đồng chí cho biết công tác tổ chức chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch hoạt động Đội TNTPHCM như thế nào để phát triển kỹ năng giao tiếp ? Hãy đánh dấu (x) vào nội dung mà đồng chí chọn.

Stt	Tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM	Mức độ thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Xác định nội dung, chương trình, quá trình và các điều kiện tổ chức hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM				
2	Thành lập Ban chỉ đạo hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM				
3	Xây dựng quy chế và triển khai đến các bộ phận				
4	Giám sát các hoạt động của Đội TNTPHCM				
5	Huy động các nguồn lực tham gia				

Câu 12: Đồng chí cho biết, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện như thế nào trong hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM? Hãy đánh dấu (x) vào nội dung mà đồng chí chọn.

Stt	Công việc cần làm	Mức độ thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá về hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.				
2	Quản lý việc thực hiện kế hoạch kiểm tra đánh giá....				
3	Xây dựng lực lượng kiểm tra đánh giá về hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.				
4	Kiểm tra, giám sát thường xuyên, hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng.				
5	Kiểm tra định kỳ về việc thực hiện kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.				
6	Kiểm tra đột xuất về việc thực hiện kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.				
7	Kiểm tra công tác phối hợp giữa các lực lượng vào hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.				
8	Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.				
9	Đánh giá kết quả phát triển KNGT thông qua kết quả rèn luyện				

Phụ lục 3

Mẫu 2.3:

PHIẾU PHỎNG VẤN CÁN BỘ QLGD VÀ GIÁO VIÊN

(Dùng để thu thập thông tin hỗ trợ kết quả khảo nghiệm)

PHẦN 1. Thông tin về người được phỏng vấn

Họ và tên:

Đối tượng: (Giáo viên/ CBQL)

Trường THCS:

Địa chỉ: Xã.....HuyệnTỉnh.....

PHẦN 2. Nội dung phỏng vấn

2.1. Tìm hiểu mức độ rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp của HS THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

Câu hỏi phỏng vấn: Đồng chí cho biết, các hoạt động Đội TNTPHCM ở các trường hiện nay có tạo cho học sinh được môi trường để trao đổi, thảo luận...để HS phát triển KNGT không?

.....
.....
.....

2.2. Tìm hiểu về công tác lập kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp của HS THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

Câu hỏi phỏng vấn: Đồng chí cho biết, việc tổ chức lập kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp của HS THCS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM hiện nay ở đơn vị các đồng chí được thực hiện như thế nào?

.....
.....

2.3. Tìm hiểu về quản lý các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

Câu hỏi phỏng vấn: Đồng chí cho biết, việc đầu tư kinh phí để trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị và kinh phí dành cho hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM hiện nay ở các trường THCS như thế nào?

.....
.....
2.4. Tìm hiểu về công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM.

Câu hỏi phỏng vấn: Đồng chí cho biết, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động giáo dục phát triển KNGT cho HS thông qua hoạt động Đội TNTPHCM ở các trường hiện nay được thực hiện như thế nào?

.....
.....
2.5. Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến những nhận định của GV và CBQL về các biện pháp

Câu hỏi phỏng vấn:

1. Đồng chí đã chọn biện pháp nào cấp thiết nhất, biện pháp nào khả thi nhất trong các biện pháp kể trên? Tại sao đồng chí lựa chọn biện pháp đó?

.....
.....
2. Theo quan điểm của đồng chí, trong 6 biện pháp trên, có biện pháp nào chưa cấp thiết, chưa khả thi không? (Nếu có thì nguyên nhân là gì?)

.....
.....
2.6. Trưng cầu ý kiến bổ sung hoặc các đề xuất khác của GV và CBQL

Câu hỏi phỏng vấn:

Đồng chí có bổ sung gì cho các biện pháp đã xây dựng hoặc có đề xuất thêm biện pháp khác không?

.....
.....
Chân thành cảm ơn đồng chí đã dành thời gian trao đổi!

Mẫu 2.4:

PHIẾU PHỎNG VẤN HỌC SINH

(Dùng để thu thập thông tin hỗ trợ kết quả khảo nghiệm)

PHẦN 1. Thông tin về người được phỏng vấn

Họ và tên:

Trường THCS:

Địa chỉ: Xã.....HuyệnTỉnh.....

PHẦN 2. Nội dung phỏng vấn

*Tìm hiểu mức độ phát triển KNGT của học sinh thông qua hoạt động Đội
TNTPHCM.*

Câu hỏi phỏng vấn:

1. Em hãy cho biết, em có thường xuyên tham gia vào các hoạt động Đội TNTPHCM không? Vì sao?

.....
.....
.....

2. Em hãy cho biết, các hoạt động của Đội hiện nay có giúp em phát triển các kỹ năng giao tiếp của mình không? Vì sao?

.....
.....

Chân thành cảm ơn các em đã dành thời gian trao đổi!